

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

Revue encyclopédique illustrée

« Có đồng-đẳng mới bình-đẳng được.
« Il n'y a que ceux qui sont des égaux
« qui sont égaux. »

HOGARVELL

Organe de l'Association « Khai-trí tiến-đức »

Directeur Rédacteur en chef
Chủ-bút kiêm Quản-lý

PHẠM QUỲNH

Mỗi tháng xuất-bản một kỳ

YÊU-MỤC

	Số trang
1. — Cách giao-tế trong xã-hội. Thế nào là lễ-phép và lịch-sử ?	1
2. — Bàn về lịch-sử nước Tàu. V	19
3. — Cái tư-tưởng căn-bản của Khổng Mạnh	26
4. — Pháp-đạo hành-trình nhật-ký. XVIII	32
5. — Chuyện Thái-tử Su-dã-na. (Chuyện Phật)	37
6. — Khảo về loài kiến	49
7. — Văn-chương truyện Kiều. III	56
8. — Nên có một thư sách cho trẻ con xem	59
9. — Một tập du-ký của cụ Lãn Ông. VII	64
10. — Văn-cổ đời Lê: Tây-hồ tụng	69
11. — Văn-uyển	72
12. — Thời-dàm	75
13. — Tập Kỹ-yếu của Hội Khai-trí-tiến-đức	84

Phụ-trương bằng chữ Pháp. — Supplément en français.

1. — Mon Ecole (Nhà trường của tôi). I.	1
2. — La vie spirituelle de l'Asie (Sự sinh-hoạt về tinh thần của Á-châu).	8
3. — L'enseignement français	11

Kỳ này có hình ông Thủ-tướng HERRIOT và ảnh cổ-tích tỉnh Thanh-hóa

Giá mỗi số : 0 \$ 50



IN TẠI

HÔNG-KINH-ÂN-QUÁN (Imprimerie Tonkinoise)
80-82, Rue du Chanvre, Hanoi

1924

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

CÁCH GIAO-TẾ TRONG XÃ-HỘI

Thế nào là lễ-phép và lịch-sự (1)

Thưa các Ngài,

Thưa các quý-phu-nhân và quý-nương,

Quan Hội-trưởng Hội Khai-Tri có khi phàn - nàn với tôi rằng: « Tôi thường giao-tiếp với người Tây, thấy cái cách người ta giữ mình tiếp người, có vẻ lịch-sự lễ-phép quá, vẫn tự lấy làm phục. Xét đến xã-hội nước ta, đường giao-tế hãy còn nhiều điều sơ-suất vụng-về; từ nói-năng ăn-mặc, cho đến dâng-dấp đứng ngồi, mỗi mỗi còn phải sửa-dổi nhiều mới hợp với cách lịch-sự đời nay. Hôm nào ông thử làm một bài diễn-thuyết về vấn-đề ấy, họa may có ảnh-hưởng chút nào chẳng.»

Quan Hội-trưởng nói thế là ngài cho rằng lời tôi nói có lẽ cũng có ảnh-hưởng ít nhiều đến cách giao-tế trong xã-hội. Tôi thật không dám tự-tin như thế. Song ngài đã có bụng yêu cử đến, tôi đây cũng khôn lẽ chối từ.

...

Một ông danh-sĩ nước Pháp, EDMOND ABOUT, đã có câu nói rằng: « Chúng ta bao giờ cũng phải nhớ rằng quả đất này là một cái cù-lao xoay lết, mà người ta sinh-trưởng ở đây ngày đêm bị những sự nóng, sự lạnh, sự đói, sự khát, những tà-khí ác-tật cùng trăm cái sức mạnh vô-hình nó đua nhau làm hại mình.

Có biết thế thì mới hiểu rằng mình là bè-bạn tự-nhiên của hết-thảy những người cùng sống với mình ở đời này, không phân-biệt là sắc-da, tiếng nói hay đất nước nào cả; phải cùng nhau hiệp-lực lại mới đủ đánh được kẻ thù chung; và dầu đem sức mạnh mình, của-cải mình, trí khôn mình hòa-hợp với sức mạnh, của-cải, trí khôn của cả-và kẻ đồng-minh mình, cũng chưa chắc đã thắng-đoạt được. Đến khi trí-não đã thấu-hiểu lẽ đó đến tiêm-nhiệm vào mình, thời bấy giờ mới khiên-động đến mỗi tình. Bấy giờ làm lành cho người cũng lấy làm khoan-khoái như được hưởng một sự vui-thú vậy; bấy giờ sẽ đem một tấm lòng hữu-ái rất rộng-rãi mà bao gồm hết thảy những người cùng mình cùng đánh cái trậu lớn; bấy giờ những nghĩ đến tự mình có thể đang tay bác-tước hay là tồn-thương đến kẻ bạn đồng-chiến với mình cũng đã thấy rằng mình ghê-gớm vậy.»

Ấy chính bởi cái lẽ giúp-dỡ lẫn nhau, chính bởi cái tình thương - yêu lẫn nhau ấy mà sinh ra mọi sự giao-tế trong xã-hội. Người ta thích muốn đi lại với nhau, đem lòng yêu-mến lẫn nhau, là tình với lý đều khiến nên như thế. Nhưng mạnh hơn cả tình cùng lý, lại là sự thực tất-nhiên. Người ta tất phải giao-tiếp lẫn nhau, là bởi không thể lia-cách nhau được. Chuyện Robinson

(1) Diễn-thuyết ở hội Khai-Tri-Tiến-Đức ngày chủ-nhật 27 tháng 7 năm 1924.

(Lỗ-tân-tôn) bị đắm tàu giữa bể, phiêu-giạt vào một cái cù-lao không có người nao, mà một mình làm được nhà ở, kiếm được thức ăn, không đến nỗi chết, chẳng qua là một chuyện bịa ra để kích-thích cái chí tự-lập của người đời, chứ cò-lai cái giống *Robinson* ấy chắc cũng chưa có người nào. Và túng-sử có người như thế nữa, được ít lâu rồi cũng đến buồn đến chán mà chết mất. Nhà làm sách phương Tây đã nói cái đặc-tính của giống người là phải ở xum-vầy thành xã-hội như loài ong loài kiến vậy. Chẳng biết có phải cái tính thiên-nhiên như thế không, nhưng chính là sự yếu-cần phải thế: người ta sinh ra trên mặt đất sức mạnh không bằng nhiều loài thú dữ, không có nanh vuốt như hổ báo, không có cánh bay như phi-cầm, không có chân chạy như hươu nai, tất phải hiệp sức nhau mới chống được với vạn-vật, cho nên ở quây-quần lâu ngày thành thói quen, mà thói quen theo như lời ngạn-ngữ Tây, tức là cái thiên-tính thứ nhì vậy.

Ngài nào đã đọc thơ văn Pháp chắc còn nhớ bài thơ « Giấc chiêm-bao » của ông SULLY PRUDHOMME. Bài ấy tả một người nằm chiêm - bao thấy bao nhiêu kẻ đồng-loại quanh mình đều bắt-hủi bỏ mình cả. Người làm bánh nói: Từ nay ta không nhào bột làm bánh cho anh ăn nữa. Người thợ nề nói: Từ nay ta không xây tường làm nhà cho anh ở nữa; v. v.. Ai trông thấy mình cũng bỏ chạy, mà quanh mình đã thấy đàn sư-tử kéo đến. Bấy giờ hốt-hoảng kinh-hồn, tưởng như thân mình đã là cái mồi sẵn cho loài ác-thú rồi. Chợt bừng mắt dậy mới biết là chuyện chiêm - bao. Trông thấy bốn bề ai ai cũng làm việc vui-vẻ cả, mới hiểu cái lẽ liên-lạc trong loài người, và tự nguyện đem một tấm lòng rất thân-ái đối với kẻ đồng-loại.

Vậy thời vì lẽ sinh-tồn mà người ta

phải cùng nhau xum - họp; xum - họp lâu ngày sinh ra tình yêu-mến, nhưng cũng lại sinh ra mối cạnh-tranh. Đó lại là một cái trạng-thái khác của sự sinh - hoạt chung trong xã-hội, mà cái trạng-thái ấy dần-dần át cả cái tính-lý tự-nhiên đi. Người ta không phải là ai ai cũng được qua giấc chiêm - bao tỉnh hồn sáng trí như nhà làm thơ nọ. Phần nhiều người chỉ biết lấy lòng duy-kỷ mà đối-dãi lẫn nhau, hiểu lầm nghĩa tự-do, cho rằng tự-do là muốn làm gì cũng được, không biết quyền tự-do của mỗi người phải lấy quyền tự - do của mọi người làm giới-hạn, và ai cũng được tự-do cả, duy không được xâm-phạm đến tự-do của kẻ khác. Bởi không biết như thế, bởi có tính duy-kỷ như thế, nên sự giao-tế trong xã-hội càng phiền-phức thời những mối xung-đột của người ta lại càng thêm lên.

Nay muốn giữ cho được cái tình yêu-mến kia, lại muốn ngăn cho được những mối xung-đột nọ, thời xã - hội phải xử-trí ra làm sao ?

Từ xưa đến nay xã-hội nào đã thành cơ-sở vững - vàng cũng từng đặt ra luân-lý và hình-luật, một là để bồi-dưỡng cái lương-tâm của người ta, hai là để phòng-ngự sự chệch-lệch trong xã-hội. Nhưng mà hình-luật và luân-lý là chỉ đối với sự căn-bản cốt-yếu, duy-trì cho nước cho nhà mà thôi. Còn những việc giao-tế thường trong xã-hội thời hình-luật và luân-lý không thể biết đến được. Tỉ như làm con ăn ở với cha mẹ bất-biểu, thế là phạm tội về luân-lý, thuộc « tòa án lương-tâm » trừng-trị; làm dân mà xâm-phạm đến sinh-mệnh tài-sản người khác, thế là phạm tội về hình-luật, thuộc tòa án của Nhà-nước trừng-trị. Nhưng một anh chàng nọ, mặt mũi ngهنh-ngáo, đương chỗ tru-nhân quảng-tọa, sẵn-sở bước vào, chọn trừng chọn trạc, chẳng chào hỏi ai, kéo ghế ra ngồi, ghếch

chân lên bàn, cỡi phanh áo ngực, cười nói toang-toang, cử-động một cách quá sỗ-sàng, chúng đều ghét, coi như cái đinh trong mắt, đóng như bên mình, song cũng không thể sao được, vì không phải là phạm tội với luân-lý, cũng không phải là phạm tội với pháp-luật, không có tòa-án nào xử được. Xã-hội đối với kẻ bạo-ngược hung-tàn có cách trừng-trị phòng-ngữ, có lẽ đối với phường đều-gồng tục-tân lại vô-lực hay sao? Mà phường này càng nhiều ra thì sự giao-tế trong xã-hội càng giảm bớt cái vẻ thú, vẻ đẹp đi, không phải là không phương-hại đến sự điều-hòa chung. Xã-hội ví như một cuộc hòa-nhạc, tiếng tơ tiếng trúc đặt-din, tiếng đàn tiếng địch êm-ái, tiếng hát tiếng xướng véo-von, mà có kẻ « đầu vịt tai trâu », kênh - cang nghễnh-ngãng, bỗng đến quàng-quạc bó-bó, làm cho phá đám, còn gì tức bằng?

Bởi thế nên xã-hội phải đặt ra lễ-nghi. là những luật riêng để qui-định sự giao-tế của người ta. Luật này tuy không có quốc-gia công-nhận, không có tòa-án để xử, nhưng đời nào cũng có, nước nào cũng có, tùy trình-độ văn-minh có tinh-vi sơ-lược khác nhau, mà phạm người có giáo-dục ai cũng phải biết, ai cũng phải theo.

Sự lễ-nghi mới coi tựa-hồ như không trọng bằng luân-lý, bằng pháp-luật, mà xét kỹ có một cái ý-nghĩa rất thâm-trầm. Ý-nghĩa ấy, các tiên-hiền tiên-triết ở Đông-phương ta đã bàn-bạc đến chí-lý, phát-minh rất rõ-ràng. Tưởng nhân đây cũng nên lược-thuật những lời cổ-nhân giảng-giải về cái tôn-chỉ chế-lễ, cho biết cái bản-thể của lễ thể nào, sự tác-dụng của lễ thể nào, rồi mà so-sánh với lý-tưởng cùng lễ-tục của Tây-phương để kết-luận về phép xử-thế ngày nay, thể nào cho triết-trung, cho thích-dáng, tham-bác

được cái tinh-hoa của hai văn-hóa vậy.

Theo các tiên-nho ta thời có năm cái mối lớn gây ra nhân-cách hoàn-toàn ở đời, gọi là ngũ - thường : 1^o nhân, 2^o nghĩa, 3^o lễ, 4^o trí, 5^o tin. Trong năm mối ấy, mối lễ là đứng vào bậc ba, dưới nhân nghĩa mà trên trí tin. Nhưng sách lại có câu rằng : « 禮者兼仁義也. Lễ là kiêm cả nhân nghĩa ». Lại có câu : « 先王修禮以達義. Đấng tiên-vương sửa lễ để đạt nghĩa ». Như vậy thời lễ lại còn trọng hơn nhân nghĩa, không thời cũng là căn cho nhân nghĩa để phát-siễn ra.

Nay tiên-nho quan-niệm về lễ thể nào?

Các sách Tự-diễn cổ như sách Thích-danh 釋名 giải chữ lễ rằng : « 禮體也得其事體也. Lễ là thể, nghĩa là được như sự-thể »; lại sách Vạn-hội 萬會 nói rằng : « 因人心之仁義而爲之品秩. 使各得其叙之謂禮. Nuân sự nhân-nghĩa trong lòng người mà đặt ra phẩm-trật, khiến cho có thứ-tự, thế gọi là Lễ. »

Bài tựa kinh Lễ cũng có câu rằng : « 禮也者體也履也. 統之於心曰體. 踐而行之曰履. Lễ là thể là lý; thuộc ở trong lòng gọi là thể; thực mà làm ra gọi là lý. »

Nghĩa là lễ không phải là sự bịa đặt ra; lễ là gốc tự trong lòng mà diễn ra ngoài thành tiết-văn vậy.

Cho nên Quản-tử 管子 có câu : « 禮者. 因人之情. 緣義之理. 而爲之節文也. Lễ là nhân cái tình của người ta, theo cái lý của điều nghĩa, mà đặt thành tiết-văn. » Mà kinh Lễ thời ví « nhân-tình như cái ruộng của đấng thánh-vương, các ngài lấy lễ mà cấy, lấy nghĩa mà cấy » (人情者聖王之田也. 修禮以耕之. 陳義以種之.)

Nhưng nếu lòng người là nhân-

nghĩa, thời cứ tự - nhiên mà phát ra, hà - tất phải dùng đến lễ để qui-cử? Ngặt vì lòng người có nhân-nghĩa mà lại có vật-dục nữa, nếu cứ để cho tự-do phát ra thì cái nọ lấn - át mất cái kia mà sinh ra hỗn-loạn. Tôn-Khanh 孫卿 nói rằng: « 人生有欲。欲則求。求則爭。爭則亂。亂則窮。先王意其亂也。故制禮義以節之。 Người ta sinh ra có bụng dục, dục thời cầu, cầu thời tranh, tranh thời loạn, loạn thời cùng. Tiên-vương ý ở sự loạn, cho nên đặt lễ-nghĩa để tiết-chế. »

Ấy bản-thể của Lễ là thế, là tiết-chế nhân-tình cho được sự-thể, được trật-tự, bảo-toàn mà phát - biểu cho nhân-nghĩa, phòng-giữ mà ngăn-ngừa sự vật-dục.

Nay Lễ tác - dụng ra thế nào? Sách *Lễ-ký* nói: « Lễ để định thân-sơ, quyết hiểm-nghi, biệt đồng-dị, minh thị-phi. Đạo-đức nhân-ngĩa không có lễ không thành; giáo-huấn chính-tục không có lễ không đủ; phân-tranh biện-lụng không có lễ không quyết; vua tôi, trên dưới, cha con, anh em, không có lễ không định; học quan thờ thầy, không lễ không thân; ban triều, trị quân, li quan, hành pháp, không lễ thời uy - nghiêm bất - hành; ký từ, tế tự, cung-cấp quỷ-thần, không lễ thời bất-thánh bất-trang. »

Đối với quốc-gia thời có Lễ mới trị được nước. Sách *Tả-truyện* chép Tề-hầu bảo Yến-tử 晏子 rằng: « Tôi từ nay về sau biết rằng lễ có thể trị nước được (禮可以爲國也), Yến-tử đáp rằng: « Lễ có thể trị nước được đã lâu vậy. Từ khi có trời đất đến giờ vẫn thế. Vua hay, thần trung, cha tử, con hiếu, anh yêu, em kính, chồng hòa, vợ thuận, mẹ chồng hiền, nàng dâu thảo, là nhờ có lễ... » Tề-hầu nói: « Thế thì Lễ hay thật. Quả-nhân từ nay về sau biết lễ là trọng. » — Yến-

Anh nhân một dịp khác lại có câu nói với Tề Cảnh-vương rằng: « Lễ có thể trị được dân cũng như giầy cương có thể cầm được ngựa. Không có lễ mà trị được nước được nhà thì Anh tôi đây chưa từng nghe thấy vậy. » (禮者可以御民也。轡者可以御馬也。無禮而能治國家。嬰末之聞也。). — Lễ có quan - hệ cho việc chính-trị, nhiều khi giúp cho chính-trị thành-công. Như *Tả-truyện* lại chép việc Tương-công nước Vệ sai Văn-tử 文子 đem đồ lễ sang giao-hiếu với nước Trịnh, Văn - tử nói với Tương - công rằng: « Nước Trịnh là nước có lễ; ấy là cái phúc mấy đời của nước ấy. Cho nên không có nước lớn nào đến đánh. Kinh Thi có câu rằng: « Ai chịu được nóng? Sao không tưới nước? » (誰能執熱。逝不以濯。). Lễ đối với chính-trị như nóng mà có tưới nước. Tưới để cứu nóng, còn có lo gì? »

Câu ấy thật là chí-lý lắm. Phép ngoại-giao của các nước văn - minh ngày nay thật không hề sai lời của Văn-tử bao giờ, vẫn thường lấy lễ-nghi văn-sức mà tưới mát cho sự chính-trị nồng-nàn vậy.

Lễ đối với nhà với nước như thế, đối với cá-nhân cũng không phải là không quan-hệ. Sách *Khúc-Lễ* 曲禮 nói rằng: « Phú-quí mà biết biểu-lễ thời không kiêu không dâm; bần-tiện mà biết biểu-lễ thời chỉ không nhụt. » Lại sách *Lễ-Khi* rằng: « Người quân-tử có lễ thời ngoài êm mà trong không oán » (君子有禮則外諧而內無怨). Nhưng cái công-đức hay nhất của lễ đối với người ta là nâng cao cho nhân-cách lên, như sách *Lễ-ký* nói rằng: « 夫禮者自卑而尊人。雖負販者必有尊者。而况富貴乎。 Lễ là tự thấp nâng cao lên. Người ta dẫu là kẻ gồng-gánh bán giòng, cũng có thể nâng cao lên được, huống là người phú-quí. » Lời sau ấy có ý-nghĩa rất thâm-

trăm, thou được hết cái tinh-thần của sự lễ-phép. — Nói tóm lại thời lễ cần cho phẩm-cách người ta đến trong sách đã có câu rằng : « Người quân-tử vô-lễ là kẻ tầm-thường, kẻ tầm-thường vô-lễ là loài cầm-thú. » (Thuyết-uyên).

Nhưng lễ phải có nghi, cũng như tinh-thần phải có hình-thức. Nghi là hình-thức của Lễ. Cồ-nhân cũng trọng phần hình-thức ấy lắm, cho rằng 進退揖讓可以化天下 tiến lui vái nhường có thể hóa được thiên-hạ. Cồ-nhân trọng cho đến nỗi lớn từ việc quan hôn tang tế, nhỏ đến việc thị thỉnh ngôn động, đều có định qui-thức rõ-ràng. Người quân-tử lúc lên, lúc xuống, lúc nói, lúc động, lúc đi, lúc đứng, lúc ăn, lúc ngồi, đều phải hợp với lễ - tiết đã định. Nhưng lễ thường, hình - thức càng ngày càng thịnh thì tinh - thần càng ngày càng mất đi. Người đời chỉ biết trọng phần hình - thức mà không biết xét đến tinh - thần. Cho nên nghi - tiết mỗi ngày một phiền, người ta chỉ biết chăm - chăm về sự tiến lui vái nhường là cái biểu-hiệu bề ngoài của lễ, không biết lễ là tự lòng người, tự nhân - nghĩa mà ra, lâu ngày đến lấy những cách cử-động bề ngoài ấy mà vào tấm lòng thành - thực. Tiên-nho cũng đã nghiệm biết sự tệ đó, cho nên thường có ý phân-biệt lễ với nghi; như nói rằng : « 揖讓周旋之禮。是儀也非禮也。 Những lễ lên xuống vái nhường là nghi, không phải lễ » (Tả-truyện); lại nói về sự tế-lễ có câu rằng : « 鋪筵席。陳尊俎。列簋豆。以升降爲禮者。禮之末節也。 Giải giường chiếu, bày mâm bàn, đặt chén hộp. lên xuống mà làm lễ, ấy là những mặt-tiết của lễ. » Thậm-chí có ông lại phản-đối cả lễ-nghi và bài-bác thánh - nhân đã đặt ra lễ, như ông Tuân - tử荀子 nói rằng : « Thánh-

nhân muốn hóa tính người ta mà lại gây ra lòng nguy-trá. » (聖人化性而起僞).

Song đó là người đời sau hiểu lầm về lễ và làm sai ý lễ đi, chứ thánh-nhân chế-lễ quyết không phải là dạy cho người ta làm cách giả-trá. Vương An-Thạch 王安石 đời Tống có bài Lễ - luận, bác lời nói của Tuân-tử, diễn-giải rất rõ - ràng về cái thâm-ý chế-lễ của cồ - nhân, xin phép các ngài lược-dịch ra như sau này, khác nào như lời tổng - luận về lễ theo các tiên-nho tiên-hiền của Đông - phương ta vậy.

Vương An-Thạch nói rằng : « Thau-ôi! Tuân Khanh không biết lễ vậy. Xem như câu nói rằng : « Thánh-nhân muốn hóa tính người ta mà lại gây cho người ta cái lòng trá-ngụy », thế thì biết rằng Tôa-Khanh không biết lễ vậy. Biết lễ ấy là quý ở biết cái ý lễ. Mà Tuân Khanh lại khen những pháp-độ tiết-tấu của lễ là đẹp, đến ư nói rằng dạy cho người ta giả-trá, thì sao gọi là biết cái ý lễ ? Lễ vốn ở trời mà thành ở người. Biết trời mà không biết người thời là què (野), biết người mà không biết trời thời là giả (僞). Thánh-nhân không ưa cái què mà cũng ghét sự giả. Bởi thế mới đặt ra lễ. Nay Tuân Khanh nói rằng thánh-nhân muốn hóa tính người mà dạy người trá-ngụy, thời thật là không biết trời quá vậy. Nay đeo cây đề làm đồ dùng, rónag ngựa đề làm cỗ xe, không phải rằng sinh ra đã có như thế. Tất phải lấy riu lấy búa mà phác mà đeo, lấy thước quì mà làm tròn, lấy thước củ mà làm vuông, rồi phải ghép liềm lại, gán bằng keo mà phiết bằng sơn, nhiên-hậu mới thành cái đồ dùng được. Lại phải đằng trước thì buộc hàm thiếc, đằng sau thì đánh bằng roi, bắt chạy khi mau khi chậm, không được tự - phóng, phải theo ở người,

nhiên-hậu con ngựa mới róng vào cỗ xe được. Thánh-nhân bỏ gổ không thể làm dở được, bỏ ngựa không thể róng xe được; phải nhân tài-liệu của trời cho mà làm. Nay người ta sinh ra đã có lòng sợ cha yêu con rồi, thánh-nhân bèn nhân cái tình thừa muốn mà đặt ra lễ-chế. Cho nên lễ-chế tuy có cưỡng người ta mà thật là thuận cái tình sở-đục của người ta. Thánh-nhân vì không đặt ra lễ thời thiên-bạ hầu có kẻ mạn cả cha mà ghét cả mẹ, thế có thể nói là để cho mất cái tình hay tự-nhiên của người ta đi. Nếu đức-ký-tính mà cho là nguy, thời thất-kỷ - tính cho là chán hay sao? Thế là Tuân Khanh nói không biết nghĩ vậy. »

Lời biện đã chỉ - lý. Tôi tưởng các ngài cũng phải chịu mà cho Tuân Khanh là nói khi quá, An-Thạch là biện đến điều vậy.

Nay nói tóm lại thời cổ-nhân đặt lễ là gốc tự tính-tình, tự nhân-nghĩa, mà phát ra dung-mạo, ra uy-nghi. Nhân kết-luận đoạn này về cách cổ-nhân quan-niệm về lễ thế nào, tôi không thể không dịch đề các ngài nghe một bài của một nhà văn-sĩ đời nguy tên là Từ Cán 徐幹 cực-lân cái công-đức của lễ.

«... Dung - mạo là phù - biểu của người ta. Phù-biểu chính thời tính-tình trị, tính-tình trị thời nhân - nghĩa tồn, nhân-nghĩa tồn thời thịnh-đức rõ, có thể làm nên phép cho người ta. Thế gọi là người quân-tử. Người quân-tử không có một thước đất mà muốn dân phải tôn; không có oai-quyền thưởng-phạt mà muốn dân phải sợ; không có đàn sáo múa bát mà muốn dân cùng vui; không có tước-lộc ban thưởng mà muốn dân cùng mến; được như thế, chỉ là bởi biết lễ, biết chính dung-mạo và thận uy-nghi mà thôi. Cho nên Khổng-tử nói rằng: Người quân - tử uy mà không mẫn, thái mà không kiêu. — Kinh Thi nói rằng: Cẩn-thận uy-nghi, làm phép

cho dân. . . ; kinh Thư lại nói rằng: Thánh-nhân mà không cần-niệm thành người cuồng, người cuồng mà biết cần-niệm đáng thánh-nhân. Người ta những lúc u-vi cô-độc ấy là lúc tính dễ trở-nổi mà tính dễ khinh-thường. Người quân-tử thời kinh lúc cô-độc mà thận lúc u-vi. . . Người quân-tử không có nói lời đùa bỡn, nói tất có phòng; không có làm việc đùa bỡn, làm tất có kiểm; nói có phòng, làm có kiểm, thời dâu vợ con cũng không dám nhờn, dâu bề bạn cũng không dám nhả; cho nên không giận-dữ mà giáo-hóa hành-ở chốn khuê-môn, không can-dẫn mà phong-thanh truyền ở nơi hương-dãng. Sách Truyện nói kể đại-nhân chính mình mà vật phải chính 大人正己而物正, là nghĩa thế. Người sắt-phu cư-xử còn phải thế, huống kẻ đức-chí hành trong thiên-hạ. Vua Đường Nghiêu lấy biết cung biết nhượng 允恭克讓 mà đức hóa gồm cả bốn phương. Vua Thành-Thang lấy không dám lười biếng 不敢怠逸 mà danh-giáo lan tới chín cõi. Vua Văn-vương lấy hai chữ kính sợ 祗畏 mà chính hay khắp đất Khu-hạ... Bởi thế nên người quân-tử cư-thân thời khiêm, tại-dịch thời nhượng, lâm-hạ thời trọng, sự-thượng thời kính; kiểm đủ bốn điều ấy thời không thành oán-cừu bao giờ mà được hưởng phúc-lộc luôn. . . Người quân-tử giao-tiếp với người ta vui mà không cợt-nhả, hòa mà không a-dua, tốt bụng mà không nịnh-trá, chăm học mà không hư-hành, dễ thân mà không siểm-mị, cho đến chơi với người không đến nỗi tuyệt-giao, không đến nỗi phản bạn. Kinh Thư nói rằng: Cẩn trước mà kính sau thời sau không khốn 慎始而敬終. 終以不困. Ôi lễ ấy là sự cần-cấp của người ta, chung-thân phải theo, không thể giây phút dời được. Giây phút dời thì sự khinh-nhờn tới ngay, giây phút

quên thời lòng khinh-nhờn sinh ngay. Huống vô-lẽ mà giữ được thủy-chung, thật khó quá. Lễ ấy là phép của kính, kính ấy là tình của lễ, không kính thời không làm được lễ, không lễ thời không định được kính. Lễ không thiên bỏ được, phải giúp lẫn nhau mà thành. Thế thời tận-kính để tông-lễ, ấy gọi là kẻ thành-nhân. Cho nên đứng thời phải cúi rạp như lưng cái khánh (擊折); ngồi thời phải khoanh tay như ôm cái trống (抱鼓); đi tròn thời phải trùng như thước qui, đi vuông thời phải trùng như thước củ; nhìn không được ra ngoài vòng vật áo, nói không được vượt qua ngói thờ mình; thanh-khi khá làm mẫu, tinh-thần khá đáng yêu; phủ-ngưỡng khá đáng tôn, ấp-nhượng khá đáng quý; thuật-tác có phương, động-tĩnh có thường; nhất-thiết theo lễ, không đối không sai, có thể gọi là : *Vạn phu chi vọng* 萬夫之望, làm nên cho muôn người vậy.»

Thưa các ngài, tôi thuật-dẫn lời các tiên-nho như thế, thật cũng là nhiều quá, không khỏi rườm rà các ngài. Nhưng tôi thiết - tưởng lễ là một mối quan-hệ trong xã-hội cổ của phương Đông ta, người nước ta cũng nên biết tường-tất về nguyên-lý và sự ứng-dụng thế nào. Vả lại, cái triết-lý về lễ như vừa kể trên đó, hiện nay hãy còn tiêm - nhiễm trong chế - độ, trong phong-tục của nước ta. Vì không được thuần-tủy, không được rõ-rệt như xưa, nên nhiều người không để ý, không trân-trọng. Nay đã đến lúc phải đem cái tinh-thần cũ ra tham-bác với lối văn-minh mới, ta cũng phải nên biết cho tường những cái lý-tưởng cổ làm gốc cho xã-hội ta. Lễ là một cái lý-tưởng cổ ấy, mà là một cái lý-tưởng có ảnh-hưởng rất sâu-xa trong cách giáo-dục, cách giao-tế của người nước ta.

Cứ những lời kinh-sách đã thuật trên kia, có thể tường-tượng được

hình-ảnh một bậc « lễ-độ quân-tử » ở nước Tàu nước ta đời xưa thế nào. Hình-ảnh ấy là hình-ảnh một người rất cẩn-thận, rất cung-kính, rất đạo-đức, rất ôn-hòa, hình-thái nghiêm-trang, cử-dộng tiết-tấu, phẩm đứng ngồi, lên xuống, đối-dáp, đón-chào, đều như theo một cái dịp đã nhất-định, suốt đời như người làm một cái lễ không cùng, hằng ngày, hằng giờ, hằng giây, hằng phút, không những đối với người ngoài, lại đối với riêng mình nữa, cho đến những khi cô-độc, chỗ u-vi, cũng không hề trễ-nải coi thường. Mà cái uy-nghi dung-mạo bề ngoài đó là tiêu-biểu một tấm lòng rất thành-thực, rất chính-trực, rất đôn-đốc, rất thuần-lương, thâm-tin rằng có thể lấy lễ-nghĩa mà giáo-hóa được lòng người, và nếu trong thiên-hạ mọi người đều lấy lễ-nghĩa mà đối nhau, giữ lễ-nghi cho trùng-cách, thời thế giới sẽ được đại-cộng-hòa. Lòng tin đó có cái vẻ thần-bí, như lòng tin về tôn-giáo, ta chỉ có thể công-nhận như thế mà không nên nghị-luận làm gì. Các dân-tộc khác thời tin-ngưỡng ở một vị thiên-thần, một vị Thượng-đế, một đấng cao-thâm siêu-việt hơn cõi đời; dân-tộc Á-Đông thời tin-ngưỡng ở hai vị thần Nhân-Nghĩa trong lòng người và mê-tin ở sự Lễ-nghi là biểu-hiệu chân-chính đích-dáng của hai vị thần đó. Nhưng tôn-giáo này khác các tôn-giáo kia là một đạo đại-dồng-phổ-cập cả thiên-hạ, ai ai cũng là giáo-sư, ai ai cũng là tín-đồ cả, không những bậc sĩ-phu phú-quí, mà cả hạng gồng-gánh bán giống, miễn là phải biết theo lễ-nghi cho trùng-cách. Người nào theo được trùng, gọi là người quân-tử, tức là kẻ tin-đồ, bậc giáo-sư tuyệt-phẩm của đạo Nhân-Nghĩa vậy.

Có hiểu rõ như thế thời mới biết được cái nghĩa-lý thâm-trầm của những sự lễ-nghi phiền-phức. Nhưng đời mỗi ngày một xa, nghĩa-lý ấy cũng mỗi

ngày một mất đi ; đến sau chỉ còn một mớ hình-thức khô-héo, người ta trông nhau mà theo, nhưng không còn ý-tư gì nữa. Ngày nay vì có người hiểu-cổ muốn bắt-chước như cổ-nhân, đứng cũng cúi rạp như lưng cái khánh, ngồi cũng vòng tay như ôm cái trống, đi tròn trũng như thước qui, đi vuông trũng như thước củ, nhìn không ra ngoài vật áo, nói không vượt qua chỗ ngồi, người đời cũng không ai gọi là bậc « lễ-độ quân-tử » như đời xưa, mà có kẻ đọc miệng lại mục cho là phượng giả đạo-đức, dễ dễ đối hay dễ nịnh đời. Là bởi cái tinh-thần lễ mất đã lâu rồi mà cái hình-thức lễ không hợp-thời nữa.

Nay ta có muốn bảo-tồn thời phải nên bảo-tồn lấy cái tinh-thần ấy. Nhưng muốn bảo-tồn phải phát-minh ra, muốn phát-minh phải tìm-tòi dò-xét trong các vi-ngôn đại-ngĩa của thánh-hiền đời trước. Từ trước đến giờ là tôi cùng các ngài suy-nguyên mà sưu-sách lấy cái tinh-thần của cổ-lễ nước ta vậy.

Tinh-thần ấy có thể gồm trong hai chữ *kính-cần*, kính-cần đối với người, kính-cần đối với mình, kính-cần đối với quí-thần, kính-cần đối với vạn-vật, coi sự đời như một cuộc lễ, mà mình là một người hành-lễ, nhất-thiết cử-động phải cho cần-trọng nghiêm-trang.

Tinh-thần ấy ta phải giữ lấy mà đem ra châm-chước với phép xử-thế đời nay.

Phép xử-thế ngày nay thế nào ?

Mới xét ra thì tựa-hồ như trái hẳn với đời xưa. Đời xưa cần-thủ mà đời này tự-do. Cần-thủ quá thành ra cẩu-nệ đã đành, nhưng tự-do quá cũng thành ra phóng-túng.

Tôi không dám bắt-chước các nhà cự-học quá đạo-đức kia, thấy diễn-

thuyết về nữ-giới thì cho là phạm tội với tiên-nhân, muốn kịp gọi hồn Khổng-Mạnh để cứu lại. Chẳng hay hồn Khổng-Mạnh có còn phảng-phất đâu trong óc các ngài không, nhưng cứ trong xã-hội ta ngày nay thời không còn gì là cái phong-vị Khổng-Mạnh nữa... Mà cái phong-vị văn-minh đời nay cũng chưa thấy tiêm-nhiễm được chút nào.

Đem cách giao-tế của người mình bây giờ, mà sánh với cái lễ-độ của các bậc cổ-quân-tử nước Tàu nước ta như trên kia đã tả, thấy kém xa nhiều, dường như không còn lại chút vang bóng gì nữa ; đem ra sánh với cái phong-thái của các hạng thân-sĩ ở các nước văn-minh đời nay, cũng lại thấy chưa kịp bằng người, dường như học-tập bấy lâu mà chưa thành kết-quả vậy.

Ta phải tìm đường chỉnh-đốn cách giao-tế của ta thế nào cho giữ được cái tinh-thần kính-cần của cổ-lễ mà lại thêm được cái phong-vị văn-minh về đời nay.

Hoặc có người nói : ở nước ta bây giờ còn lắm việc quan-hệ hơn, như việc giáo-dục, việc chính-trị, việc công-nghệ, việc buôn-bán, việc hương-chính, việc đề-diệu, v. v., những việc đó mới cần bàn-bạc cổ-động, chứ những việc đi lại giao-du trong xã-hội, những cách ăn-mặc đứng-ngồi cho lễ-phép là những điều tiểu-tiết, chỉ thuộc về cách cử-xử riêng của mỗi người, hà-tất phải bàn-phải nói đến làm gì.

Xin thưa rằng ở nước ta bây giờ việc gì cũng thấy khuyết-diễm cả, không cứ việc lớn việc nhỏ, đều phải đề-tâm xem-xét. Càng những việc nhỏ lại càng nên chỉnh-đốn trước, vì có thể dễ làm ngay. Vả lại cứ như trên kia đã nói, việc giao-tế cũng không phải là không quan-hệ, và những lễ-tiến-thoái ấp-nhượng rất có ảnh-

hưởng đến tinh-tinh, đến phong-tục.

Một xã-hội mà người ta đi lại với nhau, giao-tiếp lẫn nhau không có lễ-phép, không biết lịch-sự, là một xã-hội còn mộc-mạc. Dẫu về các đường khác tẩn-tối phát-dạt cả mà về đường ấy kém sút không bằng người, cũng chưa gọi là một xã-hội văn-minh được.

Cho nên Tây-nho đã có câu rằng : « Sự lễ-phép là cái tinh-hoa của loài người. Người nào không biết lễ-phép chưa đủ làm người. » (*La Politesse est la fleur de l'humanité. Qui n'est pas assez poli n'est pas assez humain* — JOUBERT).

— Lại có câu rằng : « Sự lễ-phép là cái phong-thú của sự giao-tế trong xã-hội. » (*La Politesse est le charme des relations sociales*. — LATERRA).

Nay ta nên làm thế nào mà chung-dúc được cái tinh-hoa, cái phong-thú ấy trong xã-hội ta? Về các đường khác, ta đã dành rằng chẳng bằng ai rồi, có lẽ cũng vì chưa có tài làm được, và chưa có quyền được làm. Nhưng trong cách giao-tế của ta, ta lại không có thể chỉnh-dốn được hay sao? Nếu thế thì cái đời người An - Nam cũng suông quá thật. Nếu thế thì làm thân người An - Nam cũng vô-thú thật.

Vậy ta phải làm thế nào cho cuộc đời ta được đậm-dà hơn một chút, làm thế nào cho thân-phận ta có thú-vị hơn một chút. Đó không những là một vấn-đề giao-tế; lại là một vấn-đề sinh-tồn nữa. Có biết sống là vui thời mới biết thiệt đến thân là tiếc, mà cố ra ganh-dua cho theo kịp bằng người, tó - điếm cho sự đời tốt - đẹp. Nếu cứ gặp sao hay vậy, thời gặp sao hay vậy cho đến cùng mà mỗi ngày một bần-cùn suy-sút đi.

Cho nên trước khi mưu - tính việc khác, ta hãy chỉnh-dốn ngay sự đi lại với nhau trong xã-hội, và tập thể vào cho có lễ-phép, cho được lịch-sự.

Nay người nước ta đi lại với nhau thế nào? Sự « xã-giao », — tiếng mới của Nhật-bản chỉ sự giao-tế trong xã-hội, — của ta thế nào? Cứ thực mà nói thời sự xã-giao ở nước ta không được thịnh-bành bằng các nước. Không phải rằng chúng ta không năng đi lại với nhau, nhưng ngoài công - việc, ngoài chức-nghiệp, ngoài sự cần - dùng phải gặp nhau, ít hay đi lại để cầu vui bằng lời bàn hay, câu chuyện thú. Sự xã-giao là sự giao-tế không có mục-dịch cần-lợi, sự giao-tế để mua vui cầu thú với nhau, để được đẹp lòng lẫn nhau trong khi gần-gũi chuyện-trò, để được thỏa - thích cái chí tiêu - dao, tấm lòng viên - vọng. Cách giao - tế như thế thì mình ít có thật. Sự đó có nhiều lẽ. Một lẽ là ở nước ta gia-đình là trọng. Người ta ai cũng có gia-đình, mà gia - đình là một tiểu-xã-hội, công việc cũng đủ bận khiến cho không rảnh mà nghĩ đến việc giao-tế ngoài. Một lẽ nữa là bởi giao-tế ít nên các nhau-đẳng trong xã-hội có ý cách-biệt nhau : quan với dân, người đi buôn với người đi học, nhà thầu-khoán với nhà cho vay; lại ngay trong học - giới, kẻ tẩn - học với người cựu - học; lại ngay trong cựu-học, người tại-triều với người tại-dã, người đặc-dụng với kẻ năm nhà; lại ngay trong tân-học, kẻ du-học về với người học ở nhà, người tốt - nghiệp trung-dẳng, với kẻ tốt-nghiệp cao-dẳng, người chuyên - môn khoa họ với kẻ chuyên-môn khoa kia, nhất-tự đã thấy cách-trùng rồi; và lệ thường như thế, không năng giao-tiếp nhau, không có gần-gũi nhau, thời không am-hiểu nhau, không am-hiểu nhau thời dễ ngờ-vực nhau, cho nên cái không-khi trong xã-hội không được lưu-thông thư-xương, mà như ngưng-trệ uất-tích vậy. Ở các nước văn-minh như nước Pháp, người ta dẫu tôn-giáo khác nhau, chính-đảng khác nhau, ý-kiến khác nhau, cho đến

phản-đối nhau nữa, vào đến nơi « xã-giao-thế-giới » (le monde), thời ai cũng gặp ai, ai cũng như ai, bao nhiêu những tình-ý khác nhau gác bỏ cả một chỗ, và chỉ tìm cách cầu vui cho đẹp lòng lẫn nhau mà thôi. Như ở nước Pháp, nhà chính-trị, nhà ngoại-giao, nhà tôn-giáo, nhà mĩ-thuật, nhà triết-học, nhà văn-học, nhà y-sĩ, nhà hộ-biện, nhà doanh-nghiệp, nhà tài-chính, nhà công-nghệ, nhà ngân-hàng, ngoài chức-nghiệp mình, ai ai cũng có tư-cách một nhà giao-thiệp cả, ai ai cũng là một kẻ « xã-giao-trung-nhân » cả (un homme du monde). Ông HERBIOT với ông POINCARE là hai người phản-đối nhau về chính-trị; nhưng ngoài Nghị-viện, thường có dịp gặp nhau ở hội « salong » (salon) nọ hay bộ « câu-lạc » (club) kia, chuyện-trò với nhau cũng vui-vẻ thân-mật như anh em chi-thiết vậy.

Trên kia tôi đã tả một bậc « lễ-độ-quân-tử » như ở nước ta ngày xưa. Nay thử lại xin phác-họa một bậc « xã-giao-trung-nhân » như ở nước Pháp bây giờ. Nhưng trước đã chứng-dẫn những lời sách của tiên-nho, nay cũng xin trích-lục một đoạn sách của một vị qui-phái-phu - nhân bên qui - quốc giải rõ về cái tư-cách người giao-thiệp ở nước Pháp ngày nay thế nào. Hãy xin đọc nguyên-văn chữ Pháp trước để các ngài thông Pháp-văn thưởng-thức, rồi sẽ dịch ra tiếng ta :

« Oui, il donne encore ses lois au monde, en fait de politesse et de goût, celui qui, n'ayant ni la morgue et la froideur de l'homme du Nord, ni l'exubérance et la façon de l'homme du Midi, sait être digne sans hauteur, réservé sans taciturnité, affable sans banalité, assez en dehors pour plaire, jamais trop pour devenir vulgaire; celui qui, n'étant ni silencieux comme les races septentrionales, ni bavard comme les races méridionales, cause avec charme, écoute avec esprit; celui qui, dénué du sang-froid irritant ou de l'exagération déplaisante, possède cette pointe de fougue, de brillant et de poésie, qui le transfigure dans les grands événements.

« Oui, toutes les femmes de l'univers copient encore son esprit, son allure, ses façons, à cette

Française qui se moque de la sensiblerie, mais que vous trouvez pleine de pitié vraie; qui est bonne avec grâce, intelligente sans pédanterie, spirituelle avec ménagements; qui — selon les circonstances — est, pour le mari, le camarade le plus charmant ou la compagne la plus dévouée; pour les autres, la femme la plus accueillante, la plus indulgente, la plus aimable, sachant tout écouter sans bravade de cynisme, comme sans effarouchement de pruderie ridicule...

« Ce composé de qualités où la raison tempère l'exaltation, où le bon sens empêche l'enthousiasme de tourner au grotesque, on l'appelle le chic, en ce temps-ci, on l'appelait le bel air, au siècle dernier...

« ... L'élégance existe, certes, dans l'ordre des idées et des sentiments. L'élégance morale, comme l'autre, est le contraire du laid, du grossier, du vulgaire, c'est-à-dire du mercantilisme, de l'égoïsme, du mépris du droit. Une nation élégante ne tombe jamais dans certaines fautes basses. Elle peut commettre des folies, non des indignités. En ses plus mauvais jours, son chic subsiste.

« Donc la France est toujours le pays des gens du bel air. Son élite, c'est-à-dire ses diverses aristocraties, forme la société la plus polie et, par suite, la plus agréable du monde. Et il ne faut, chez nous, qu'un peu d'effort au commun des mortels pour obtenir le titre envié d'homme parfaitement chic ou de femme du monde, tant la race est bien douée.... » (Baronne STAFFE, Usages du monde.)

Nghĩa là : « Người Pháp ngày nay vẫn còn làm gương cho thế-giới về đường lễ-phép lịch-sử, là bởi không có kiêu-căng lãnh-dam như người Bắc-phương, không có phủ-hoa hay nói như người Nam-phương; chững-trắc mà không cao-kỳ, cần-thủ mà không lặng-lẽ, ân-cần mà không hàng-chợ; dễ-dãi được lòng người, nhưng không dễ quá cho đến tục; không có li-li như người các giống miền Bắc, cũng không có liên-lầu như người các giống miền Nam; nói chuyện có duyên, nghe chuyện có ý; không có cái vẻ diêm-nhiên đáng giận, mà cũng không có cái vẻ hấp-lấp khả-ố; lại có một chút hăng-bái, một chút sắc-xảo, một chút thi-vị, đủ khiến cho thần-thái linh-dộng đối với những việc đại-sự xảy ra.

« Người đàn-bà nước Pháp cũng có cái tri khôn, cái đáng-dấp, cái cách-diệu, đủ làm mẫu cho đàn-bà trong thiên-hạ; không có làm ra mặt đa-cảm đa-tình, mà gặp sự đáng thương cũng biết có sẵn

mối thương-lâm trong lòng; biết nhân-tử mà lại có duyên; có tri-tuệ mà không bậc-bực; khôn-ngoaan lanh-lợi mà biết vì-nễ nhún-nhường; tùy cơ-hội, đối với chồng có khi là kẻ bè-bạn rất phong-thú, có khi là người kháng-lệ rất trung-cần; đối với ngoài thời rất hậu-dãi, rất khoan-dung, rất tử-tế; chuyện gì cũng ân-cần nghe, không có làm ra mặt lầu-lũa sỗ-sàng, cũng không có làm ra dáng thẹn-thùng khép-nép...

« Bấy nhiêu tư-cách hỗn-hợp lại mà thành ra, có kích-thích mà có điều-hòa cho vừa trúng lẽ phải, có dậm-đà mà có tiết-độ cho khỏi phải tục-tân, đó tức ngày nay gọi là *điền-nhã*, mà ngày xưa gọi là *hào-hoa*.

«...Cách lịch-sự về tính-tình cũng có, chứ không phải không. Cách lịch-sự ở tính-tình cũng như cách lịch-sự ở dung-mạo, là trái với sự xấu-xa, sự thô-bỉ, sự tục-tân, tức là trái với những cách vụ-lợi, cách duy-kỷ, cách lãng-loàn. Một nước lịch-sự không có phạm những sự lầm-lỗi đó-tiền bao giờ. Có thể phạm những tội ngông-cuồng, không thể phạm những tội bất-chính. Dẫu gặp lúc nguy-nan, vẫn giữ cái cách *điền-nhã*.

« Nước Pháp cổ-lai vẫn là nước *hào-hoa*. Bọn thượng-lưu trong nước là gồm các bậc sang-trọng trong các giới, thành một xã-hội rất lễ-phép, rất phong-vận trong thể-giới. Ở nước Pháp dẫu người bình-thường nữa, muốn được cái tiếng danh-giá là người *điền-nhã*, là bậc phu-nhân, cũng không có khó gì, vì trong dân-tộc đã có cái bản-lĩnh tốt... »

Đó là hình-ảnh một kẻ « giao-tế-trung-nhân » ở nước Pháp ngày nay. Ta nên so-sánh với hình-ảnh người « lễ-độ-quân-tử » ở nước ta ngày xưa, mà đem cái tinh-thần *kính-cần* cũ hòa-hợp với cái thái-độ *điền-nhã* mới, có lẽ cũng gây được một hạng người « lịch-sự » trong xã-hội.

Người « lịch-sự » không phải là người lăm của nhiều tiền, lên xe xuống ngựa dẫu. Người lịch-sự là người có tính-tình cao-thượng, như lời vị phu-nhân nước Pháp nói trên kia, là người ghét những sự xấu-xa, sự thô-bỉ, sự tục-tân, những cách vụ-lợi, cách duy-kỷ, cách lãng-loàn. Người lịch-sự là người kiêm được những tư-cách hào-hoa *điền-nhã* như vừa kể đó, không phù-phĩm, không kiêu-căng, không sỗ-sàng, không hàng-chợ; biết nhún-từ, biết hậu-dãi, biết tử-tế, biết khoan-dung; lại biết nói chuyện có duyên, nghe chuyện có ý. Nếu đã có những tư-cách ấy rồi mà lại có được cái lòng kính-cần của cõ-nhân nữa, thì thật là hoàn-toàn. Mà lòng kính-cần này là cần. Có nhiều sự người Âu-Tây cho là tự-do, mà người nước ta cho là đường - dột; có nhiều điều người Âu-Tây cho là linh-lợi mà người nước ta cho là xác-láo. Là bởi xã-hội ta là một xã-hội có trật-tự nghiêm. Dẫu anh em vợ chồng đối với nhau, còn phải có lễ, huống đối với người tôn-trưởng, bậc phụ-huynh. Trật-tự ấy ta phải nên giữ lấy thời lòng kính-cần kia ta cũng không nên bỏ dời.

Lời dạy của người xưa còn truyền lại đó, cái gương của người nay cũng bày ra đó, ta nên bắt-chước mà ta theo. Đạo xử-thế khó mà dễ, dễ mà khó; sự giao-tế cũng dễ mà khó, khó mà dễ. Cốt là phải tập tự trong lòng, cốt là phải sửa tự trong tính. Lại cốt là phải khéo-léo khôn-ngoaan, điều-hòa châm-chước, chớ có thái-quá, mà cũng chớ có bất-cập, ăn-thua nhau ở một li một tí, ở chỗ u-ân tình-vi. Người ta cũng là người, mình cũng là người, mà sao người ta cất miệng nói thời

*Người thanh tiếng nói cũng thanh,
Chuông kêu sẽ đánh bên thành cũng kêu,
mà mình cất miệng nói thời rồi đục
càng tay, chấu sành bát mẻ, hoa chân*

hoa tay, chọn-trường chọn-trạc, tưởng giá lẳng tai nghe hay sẵn gương soi, cũng phải tự biết là xấu? Chỉ là bởi mình vụng và mình lười mà thôi. Nếu biết cần-thận xét mình, nếu biết gia-công sửa tập, thì tất gì mà không chữa được? Ông DEMOSTHÈNE nước Hi-lạp ngày xưa có tật nói lắp, mà sau trở nên một tay hùng-biên đệ-nhất ở Âu-châu. Ông làm thế nào mà được như thế? Ông chỉ chịu khó sửa tập luôn. Sách chép rằng ngày ngày ông thường ra bãi biển, ngâm cuội vào miệng, rồi tập nói ở trước sóng, nói thế nào cho tiếng mình át được tiếng sóng mới nghe.

Người ta ra giao-tế trong xã-hội tuy cần phải có nhiều tư-cách như đã nói ở trên, nhưng cái tư-cách thứ nhất là phải cần-thận, cần-thận trong khi xử mình, cần-thận trong khi tiếp người. Những cái tính suồng-sa, cái tính luộm-thuộm, cái tính cầu-thả, cái tính lẳng-quảng, phải bỏ đi cho hết. Nếu từ việc nhỏ không cần-thận thì ra việc lớn tất bại-sự.

Lễ-phép là gì? Là cần-thận ở cách ăn-mặc, cách đứng-ngồi, cách nói-năng, cách hành - động, cho không sơ-suất một chút nào, không làm một sự gì trái tai trái mắt người ta. Nếu đề ý xem-xét luôn thì không có khó gì, vì toàn là những việc nhỏ - nhặt hằng ngày cả, không cần phải tài-cần gì mới làm được. Nhưng nếu lười-biếng cầu-thả thì khó lòng mà giữ được cho trọn, không khỏi mang tiếng với đời là kẻ tục-tần vô-lễ.

Sự lễ-phép là một sự có thể tập được, vì nó thuộc về hình-thức nhiều. Nó là một sự cần ở đời, và là một sự đối-dãi với đời, người ta còn phải đi lại với kẻ khác thì không thể một lúc nào bỏ khuyết được. Chẳng biết trong bụng mình thế nào, nhưng nếu dung-mạo, cứ-chỉ không có lễ-phép, thiên-hạ tất

cho là người xằng. Người đời không phải là ai ai cũng biết tâm - lý - học, không phải là ai ai cũng thông tỏ lòng người, mà câu ngạn-ngữ: « Trông mặt bắt hình - dong » cũng chưa chắc là không có lẽ phải. Cho nên những người nổi gót Tuân Khanh ngày xưa, cho sự lễ-phép là sự giả-trá, cũng không tránh khỏi lời trách của Vương An-Thạch là nói quá và không nghĩ cho đến nơi vậy.

Ông LA BRUYÈRE là một nhà luân-lý trứ-danh ở nước Pháp về thế-kỷ thứ 17, đã có mấy câu bình-luận về sự lễ-phép, tôi tưởng cũng thâm-trầm chẳng kém gì lời các tiên-nho ta, và có lẽ lại khám-phá được võ-vạc hơn. Ông nói rằng: « *La politesse n'inspire pas toujours la bonté, l'équité, la complaisance, la gratitude; elle en donne du moins les apparences et fait paraître l'homme au dehors comme il devrait être intérieurement. L'on peut définir l'esprit de politesse, l'on ne peut en fixer la pratique: elle suit l'usage et les coutumes reçues; elle est attachée aux temps, aux lieux, aux personnes... Il me semble que l'esprit de politesse et une certaine attention à faire que par nos paroles et par nos manières, les autres soient contents de nous et d'eux-mêmes.* » Nghĩa là: « Sự lễ - phép không phải là bao giờ cũng sinh ra lòng tử-tế, công-bằng, ân-cần, trọng - hậu dẫu; nhưng mà ít ra cũng tỏ được cái bề ngoài như thế, và phát - biểu được người ta ra ngoài mặt như là trong lòng phải thế mới nên. Sự lễ-phép, có thể giải được cái tôn-chỉ của nó, không thể định được sự tác-dụng của nó; sự tác-dụng ấy là tùy thói - quen, tùy phong - tục; nó thuộc về thời-dại, về địa-phương, về người ta... Tôi tưởng tôn-chỉ của sự lễ-phép là ở cái ý-tư ân-cần, muốn làm thế nào cho lời ăn-nói, cách đứng-ngồi của ta có thể khiến cho kẻ khác bằng lòng ta và bằng lòng cả mình nữa. »

Tôi cho câu nói sau cùng đó là sâu sắc lắm và thấu-triệt được cái tinh-tủy của sự lễ-phép. «... Khiến cho kẻ khác bằng lòng ta và bằng lòng mình nữa», sự lễ - phép chỉ chủ có thể mà thôi. Nhưng nếu trong xã-hội ai ai cũng có bụng như thế, ai ai cũng có cái ý-tử ân-cần như thế, ai ai cũng cầu cho mọi người đều được đẹp lòng cả, thì sự giao - tế sẽ được vui-vẻ, sẽ có hứng-thú biết dường nào !

Ấy sự lễ-phép có công-hiệu với đời như thế. Còn sự lễ-phép ứng-dụng ra sự đời thế nào, thời trong bài diễn-thuyết này không thể nói cho hết được. Như lễ-phép trong cách ăn-mặc, trong cách nói-năng; lễ-phép trong khi thăm-viếng, trong khi yến-tiệc; lễ-phép trong lúc thù-tạc, trong lúc khánh-diệu; lễ-phép ở nơi công-đồng, ở chỗ hội-hợp, v.v.; nói tóm lại, phạm các cơ - hội trong đời người mà người ta phải giao-tiếp với kẻ khác, đều phải có lễ-phép cả, kể ra cho hết thời phiền-toái và tỉ-mỉ lắm. Và tôi đây cũng không dám đâu tự-phụ khuyên - răn gì bà-con về sự lễ-phép, cách lịch-sự ở đời.

Cái đó là ở sự khôn-khéo, sự lịch-thiệp của mỗi người, phải tùy-nghĩ mà chăm-chước, thế nào cho vừa phải, thế nào cho xứng-dáng, thế nào cho được thoả lòng ta mà thiếp lòng người, thế nào cho kẻ khác được vừa lòng ta mà bằng lòng cả mình nữa, như lời LA BRUYÈRE đã nói. Chủ-ý bài diễn-thuyết này không phải là tả cho hết cái hình-thức của sự lễ phép, chỉ là muốn thuyết-minh cái lẽ rằng sự lễ-phép là cần cho việc giao-tế trong xã-hội, dầu các Đông-nho Tây-nho đời xưa đời này cũng đồng một ý như thế.

Duy về khoản ăn-mặc, tôi muốn nhân đây bàn qua một vài lời. Là vì cái tính suềnh-soàng của người mình không đâu lộ ra bằng ở cách ăn-mặc. Cho rằng suềnh-soàng là nhữn-nhận,

không biết rằng suềnh-soàng có khi là vô-lẽ. Sự lễ-phép trong cách ăn-mặc không tất-nhiên là phải ăn-mặc cho xa-xỉ, cho diêm-dốt; không tất-nhiên là phải mang gấm mang vóc vào người mới là người lễ-phép. Dầu mặc cái áo the, mặc cái áo vải mà mặc cho sạch-sẽ, cho diêm - dúa, cho óng-ả, cho nghiêm - trang, thế là lễ-phép. Tùy phong-kiệm, không phải là ai ai cũng lượt-là gấm-vóc được, nhưng mà ai ai cũng có thể sạch - sẽ, diêm-dúa, óng-ả, nghiêm-trang được. Cái dăng-dấp bề ngoài là quan-hệ lắm, nhất là ở đời này. Thiên-hạ xét người chỉ biết xét bề ngoài mà thôi, mà nghĩ cho kỹ cũng không thể trách thiên-hạ được. Ai biết trong bụng mình thế nào, vì tự mình nhiều khi cũng không biết mình thế nào nữa. Nhưng nếu cách ăn-mặc, dăng-dấp người mà lời-thói xốc-xếch, thời thiên-hạ cho ngay là người cầu-thả lắm-thường. Ta thường hiểu lầm cái nhữn, cho những người không chăm-chút sự ăn-mặc là người nhữn. Người nhữn là người không lấy cách phục-sức mà huỷn-diệu người đời mà thôi, chứ người nhữn không phải là người ăn-mặc luộm-thuộm. Vả lại ăn-mặc luộm-thuộm, không những là vô-lẽ với người, mà lại là vô-lẽ với mình nữa, vì như thế là không biết chăm-chút qui - bấu đến cái thân mình, không coi thân mình ra gì cả.

Sự ăn-mặc ra chỗ đàn-dám hội-tiệc lại càng nên cần-thận lắm. Ở các nước bên Tây, đã có lễ - lối nhất-dịnh cả. Như áo mặc ngày thường, đi làm việc là áo *veston*; áo mặc khi đi thăm-viếng là áo *jaquette*; khi có lễ tiệc hơi trọng-thể thời *redingote*; khi có lễ-tiệc mà có ý thân-mật thời *smoking*; khi có lễ-tiệc rất trọng-thể thời *habit* mặc với *gilet* ngò, hoặc *cravate* đen, hay khi đi đám cưới thời *cravate* trắng, và phải cầm bao tay trắng. Ấy y-phục của người

Tây phân-biệt và phiền-phức như thế. Người Tây ở bên này, nhân trời nóng-nực cho nên phải giảm bớt đi cho giản-tiện. Chứ ở bên Tây, thời khi có hội-tiệc, ai cũng ăn-mặc trụng - cách như trên, không ai bảo ai mà trăm người đều như nhau cả. Nhiều khi trong giầy trong thiệp mời dự hội dự tiệc có chưa rõ mặc thứ áo gì, cho là một sự tự-nhiên, không ai lấy thế làm mếch lòng. — Người mình nay dùng Âu-phục đã nhiều, cũng phải biết bắt-chước người Tây mà tùy lúc ăn - mặc cho phải đường, đừng để cho người ta chê là vô-lễ. Sau bữa hội Khai - Tri đón quan Toàn - quyền MERLIN ở đây, có mấy ông Tây phân - nân với chúng tôi rằng hôm ấy trông thấy mấy ông An - Nam đứng ngay trước mặt quan Toàn - quyền mà mặc quần áo *kaki* (vàng), cổ « mềm », đi giầy tây trắng, cho thế là trái sự lễ-phép. Ấy ăn-mặc Tây phải nên cẩn-thận, kéo mang tiếng như thế.

Đến như quốc-phục thời có người đã bàn nên định một cách lễ-phục cho những khi hội - tiệc. Nhưng tôi tưởng cũng khó mà phân-biệt được như người Tây. Là bởi vì áo tây có thể chế ra nhiều hình-thức khác nhau, chứ áo ta thì không kẻ phâm - phực của Triều-đình, chỉ có hai thứ: một là áo thụng, hai là áo chẽn, mà áo thụng thời cũng chỉ dùng những khi tế-lễ hay là chỗ triều - miếu mà thôi, không phải là thứ « áo giao-thiệp » thường; vậy rút lại chỉ có áo chẽn là áo thường, mà áo chẽn thời đã có hình-thức nhất - định, không thể đổi sao được nữa. Có muốn phân-biệt, thời chỉ có cách phân - biệt ở sắc áo mà thôi. Cho nên có ông đã bàn rằng nên dùng sắc lam, dùng áo chẽn lam làm lễ-phục. Lời bàn ấy cũng hay, nhưng tôi thiết-tưởng rằng ở thời-đại này, nước nào cũng vậy, chỉ có đàn-bà là dùng áo mùi mà thôi, còn đàn-ông đầu đầu

cũng dùng một sắc đen, cho sắc đen là nghiêm-trang đứng-dẫn hơn, vậy ta cũng chẳng nên lập-dị làm gì. Áo lam mà đeo mền-day đỏ, tề ngà trắng, thời nổi thật, nhưng coi nó cũng sắc-sỡ ! Tôi tưởng không cần phải tìm kiểu áo hay sắc áo gì khác nữa, cứ áo chẽn thường của mình, nhưng mặc cho chỉnh-chệch, sạch-sẽ, óng-ả, chải-chuốt, cũng là đủ hợp cách lễ-phép rồi.

Ngoài sự lễ-phép trong cách ăn-mặc, còn sự lễ-phép ở chỗ hội - tiệc, chỗ đông người, như khi ăn tiệc, khi xem hát, khi nghe diễn-thuyết, v. v., mỗi người phải giữ-gìn cho không phiền đến người khác, không nên cười nói to tiếng, không nên vỗ tay không phải lúc, không nên nói dăm ngang cho người nói phải ngừng lại, người nghe không nghe được, v. v. Song bài diễn-thuyết này không phải là một thiên sách « xử-thế tu-tri », không thể nhất-nhất nói cho tường được.

Nay nói tóm lại thời trong khắp các cơ-hội ở đời, sự lễ-phép là sự cần, không thể một lúc nào nhãng bỏ được. Tiên-nho đã dạy : « Lễ là việc chung-thân, không thể giây-phút dờn được. » Các nhà làm sách ở Tây-phương, như bà Bà-tước D'ORIGNY làm bộ sách đề là *Pour bien figurer dans le monde* (Muốn có địa - vị trong xã - giao - thế - giới, phải thế nào ?) cũng nói rằng : « *La Politesse est une loi absolue en matières de relations sociales. Du plus petit au plus grand et de celui-ci à celui-là, elle est obligatoire et ne varie que dans sa forme et son expression* ». Nghĩa là : « Sự lễ-phép là một cái luật tuyệt-đích trong cuộc giao-lễ trong xã-hội. Người nhỏ đối với người lớn, người lớn đối với người nhỏ, đều bắt-buộc phải lễ-phép cả, có khác là chỉ khác cái hình-thức bề ngoài mà thôi. »

Vậy thời ai ai cũng phải lễ-phép cả, bất-cứ kẻ lớn người nhỏ, người sang

kẻ bèn. Đó là một cái luật tuyệt-dịch của xã-hội, dẫu đế-vương cũng không có quyền vượt được, vì ngôn-ngữ Tây có câu rằng : « *L'exactitude est la politesse des rois* », nghĩa là : sự lễ - phép của vua chúa là đi dẫu đến dẫu phải cho đúng giờ. Vua chúa là đứng vào địa - vị cao nhất ở đời, chỉ được lễ-phép của người, còn phải lễ-phép với ai, thế mà cũng có cách tỏ-sự lễ-phép với người dưới, là hẹn đến dẫu phải đến cho đúng giờ, để cho người ta khỏi phải chờ-chực mong đợi. Vua chúa còn không vượt được quyền lễ-phép, huống nữa người thường.

Nay lễ-phép với lịch-sự, khác nhau thế nào ?

Lịch-sự có ý cao hơn lễ-phép một tầng, nhưng cũng phải gồm lễ-phép ở trong. Nếu lịch-sự mà không có lễ-phép thời là lịch-sự giả, lịch-sự dõm, dấy không nói làm gì. Chỉ nói về cách lịch-sự chân-chính mà thôi ; vậy có thể giải một câu sơ-lược rằng : *lịch-sự là cách lễ-phép của kẻ giàu-sang.*

Thoạt nghe nói đến hai chữ lịch-sự, tất ai cũng nghĩ đến những sự : ở nhà đẹp, ăn của ngon, mặc áo tốt, tiếp khách sang, toàn là những sự tốt đẹp ở đời cả. Người lịch-sự ắt phải là người giàu-có sang-trọng. Kẻ không có tiền, người không có vị, khó làm ra lịch-sự được. Đó là cái nghĩa thông-thường của chữ lịch-sự, ai nói đến lịch-sự cũng là hiểu ra nghĩa thế cả. Thành ra lịch-sự với giàu-sang cũng là một, có giàu-sang mới lịch-sự được, lịch-sự chẳng qua là cái vẻ mỹ-miền khả-ái của sự giàu-sang mà thôi. Nghĩa thông-thường ấy, không phải là không đúng, nhưng bấy còn hẹp, chưa gồm được hết ý chữ lịch-sự.

Nay ta thử giải rõ cái nghĩa rộng của chữ lịch-sự thế nào.

Lịch - sự là chữ nho, nhưng mà

thực là tiếng nôm, trong sách nho không thấy thường dùng đến mấy khi. Cứ lấy nghĩa đen mà giải thời lịch-sự là từng - trải sự đời, thông-thao các việc. Như vậy thời lịch - sự là tư-cách của người ta do sự kinh-lịch ở đời mà thành ra, không phải là những cái phù-hoa văn-vẻ bởi sự giàu-sang mà được hưởng. Nhưng mà nghĩa đen ấy ít người hiểu và thế-thường nói đến lịch - sự tất tưởng - tượng ngay những sự phù-hoa văn-vẻ nọ mà ít khi nghĩ đến cái tư-cách lịch-luyện kia. Bởi vậy ? Bởi người đời thường chỉ biết xét ở cái vẻ sang-trọng bề ngoài mà không biết xét đến cái tư-cách hay ở trong. Nhưng cũng bởi một lẽ nữa, là lịch-sự tuy vốn là một cái tư-cách của người ta, nghĩa là một sự thuộc về tinh-thần, song là một cái tư-cách phải nhờ đến xã-hội mới phát-siêu ra được, không có xã - hội công-nhận cho thì tựa-hồ như không có giá-trị vậy. Người có tài-tình, dẫu xã - hội không biết, tài vẫn là tài ; người có đạo-đức, dẫu xã-hội không phục, đạo - đức vẫn là đạo - đức. Nhưng người « lịch-sự » — nghĩa đen — mà xã-hội không biết đến thời cái lịch-sự ấy để làm gì ? Thật là một cái tư-cách vô-dụng, đã không dùng được việc gì thời cũng không có dịp gì phát-lộ ra nữa. Bởi thế nên cái lịch-sự muốn cho người đời biết đến phải nhờ đến những sự phù-hoa văn-vẻ mới dễ cảm người ta. Lịch-sự phải mượn sự giàu-sang mà xuất lộ ra. Người đời cho lịch-sự với giàu-sang là liền với nhau cũng không phải là không có cớ. Song người đời phải cái lầm to, là cho hết-thảy người giàu - sang là người lịch-sự cả, cứ có của có tiền, có ngôi có vị là lịch-sự hết. Như thế thời thật là sai quá. Lịch-sự với giàu-sang tuy thường đi với nhau, nhưng lịch-sự là lịch-sự, giàu-sang là giàu-sang, không phải cứ giàu-sang mà tất-nhiên là lịch-sự.

Bởi người đời xét lầm như thế, nên làm hẹp cái nghĩa lịch-sự đi. Cứ thấy nghềnh-ngang xe ngựa, vàng gấm đầy người thời cho là lịch-sự, không biết rằng lịch-sự không phải ở đấy mà ở cái khác kia.

Trên kia đã nói rằng lịch-sự tất phải cần cho xã-hội công-nhận, nên phải mượn vẻ giàu-sang mới phát-lộ ra được. Vì rằng lịch-sự chẳng qua là một cái vẻ trang-sức cho nhân-cách, không phải là một sự yếu-cần cho người ta. Đã không phải là một sự yếu-cần thời là một sự hơi thừa, có thời càng hay mà không có cũng không đến nỗi nào. Như vậy thời những người vì cảnh-ngộ hay là vì tính-cách riêng không ưa hay là không thể chăm đến những sự giao-tế ở đời, sự quan-chiếm của đời, thời dầu có thiếu cái tính-cách lịch-sự một đôi chút, cũng chẳng hề gì, vì không ai nhận đến. Đến như những kẻ vì may-mắn mà đã chiếm được những địa-vị giàu-sang ở đời thời chính là đặt mình vào chỗ quan-chiếm, trong đường giao-tế phải có cái tư-cách lịch-sự mới xứng-đáng với địa-vị giàu-sang của mình. Nói tóm lại, người giàu-sang dễ cách lịch-sự hơn người thường và cũng cần phải lịch-sự hơn người thường, nhưng mà cốt nhất là phải biết cách lịch-sự thế nào.

Lịch-sự là cái thuật làm thế nào cho rõ ràng mình có cách vẻ-vang sung-sướng hơn người mà lại không khiến cho người ghen người ghét, khiến được người mến người yêu. Nếu chỉ chủ làm cho người rõ ràng mình vẻ-vang sung-sướng thời là người kiêu-cường hợm-hĩnh mất rồi, dần có cái bề ngoài lịch-sự mà thật là không có cái tư-cách lịch-sự. Phải ăn - ở làm sao cho người biết rằng mình hơn người mà không ai tức ai giận, lại đẹp lòng người, ấy mới thật là lịch-sự, mà lịch-sự như thế không phải dễ. Như thế

thời không phải cứ ăn ngon mặc tốt, lên ngựa xuống xe, cửa cao nhà rộng, gấm vóc đầy người, mà đã là lịch-sự đâu, phải có một cái nhân-cách xứng-đáng với sự phú-quí phong-lưu ấy mới thật là người lịch-sự. Người lịch-sự phải là người « vào trong phong-nhã, ra ngoài hào-hoa », đi đến đâu như cái hoa thơm về đẹp đến đấy, nhưng mà đẹp dịu-dàng, thơm mát-mẽ, không có sắc-sỡ nồng-nàn. Người lịch-sự là người biết lấy cái phong-thú, cái nhã-dộ mà hòa cho những vẻ phong-lưu phú-quí ở đời. Người lịch-sự là người biết giàu-sang một cách nhã-nhận. Như vậy thời những kẻ giàu mà đi đến đâu cũng tỏ ra những hơi tiền cả, những kẻ sang mà ngồi chỗ nào cũng nói đến những chuyện quan cả, vị-tất đã là những người lịch-sự. Những người ấy có cái hình-thức lịch-sự mà chưa có cái tinh-thần lịch-sự vậy. Có cái hình-thức lịch-sự mà không có cái tinh-thần lịch-sự chỉ đủ khiến cho kẻ khác ghen-ghet mà không đủ khiến cho người ta yêu-trọng. Ở đời nhân-loại cạnh-tranh này, những người nhờ sự ưa-may chiếm được cái địa-vị hơn người, phải biết cư-xử cho nhã-nhã, để khỏi làm phiền lòng những kẻ kém mình; như thế thời xã-hội mới được hòa-bình, nhân-sinh mới được lạc-thú. Phép lịch-sự chỉ có thế mà thôi.

Đây là nói về những kẻ xử vào cái địa-vị lịch-sự được phải nên biết lịch-sự cho phải đường. Còn những kẻ ở vào cái địa-vị không lịch-sự được mà cũng muốn ngấp-nghé tấp-tiền, học những thói lịch-sự như người ta, dài-các đờm, phong-lưu hảo, thời đó lại là một hạng người bác-tập lỗ-lãng, phải có ngọn bút nhà tiểu-thuyết mới tả được hết cái xú-thái vậy.

Nhưng mà cao hơn cả sự lễ - phép, cao hơn cả cách lịch-sự, còn có cách phong-nhã là tuyệt vời. Người phong-

nhã thời không cần phải dạy cách lễ-phép, không cần phải chỉ đường lịch-sự, xử vào cảnh nào, gặp cơ-hội nào, cũng có cái tài làm cho được thỏa lòng mình mà thiếp lòng người. Người phong-nhã thật là gồm được cả cái tinh-hoa của xã-hội. Cả bài diễn-thuyết này có thể tóm vào một chữ *nhã*, vì một chữ ấy là thu được hết cái diệu-đề bí-quyết của thuật giao-tế, mà lại còn có ảnh-hưởng ra ngoài đường giao-tế nữa.

Vậy tôi xin phép các ngài đọc một bài văn của tôi làm chơi năm xưa đề « gọi hồn phong - nhã », cũng là một cách kết-luận cho bài diễn-thuyết dài này :

« Ngày nay nghe người mình nói chuyện phần nhiều chỉ thấy những tiếng : *cừ, diên, lâu*, v. v., mà tiếng *nhã* không thấy mấy người nói đến. *Cừ, diên, lâu*, những tiếng ấy không biết xuất-xứ ở đâu, nhưng nghe ra nó có một cái giọng - điệu « du-côn », không phải là tiếng nói của người tử-tế. Hay là trong xã - hội mình bây giờ cái khí-vị « du-côn » thịnh hơn là cái tư-cách phong - nhã ? Không dám quyết-đoán như thế, nhưng phải công - nhận rằng hiện nay những tiếng như : *phong-nhã, nho-nhã, thanh-nhã*,... ít người dùng, mà những tiếng trên kia cùng với mấy tiếng *bỉ-đi* khác nữa, như : *khê, nguội, tỉnh*, v. v., thực là nghe thấy luôn ở bên tai, đàn - ông, đàn - bà, con - trẻ, thường nói đến, và nói một cách bạo-gian rần-giỏi, ra dáng đắc-chí lắm. Đã hay rằng tiếng An-Nam mình bây giờ càng thêm được nhiều tiếng mới càng hay, muốn cầu cho được nhiều còn chẳng được, lẽ đâu lại hất-bù những tiếng *sổ - sàng* mạnh-bạo, cho là tiếng của hạ-lưu ? Cứ xem những tục - ngữ phương - ngôn của mình, thiếu gì là tiếng tục, mà có ý-vị biết bao nhiêu ! Song mấy tiếng mới trên kia nó không phải là *sổ-sàng* như tiếng tục-ngữ, thật là « *đều-giã* » như giọng *côn-đồ* ; bởi

thế nên khá ghét, khá ghét mà lại khá lo, khá lo cho cái tư-cách phong-nhã của người mình.

« Ôi ! phong-nhã, phong - nhã, hồn phong - nhã có lẽ đã tiêu-trầm đi đâu mất rồi !

« Nay muốn gọi hồn phong - nhã, không gì bằng thử giải nghĩa chữ *nhã* là gì. *Nhã* là đối với tục. Cái gì không tục - tần thô - bỉ mà có cái vẻ êm-ái thanh-cao, gọi là *nhã*. *Nhã* không phải hẳn là đẹp ; *nhã* là một cách đẹp riêng, đẹp dịu-dàng, có ý-vị, có phong-thú. Những cách rực - rỡ trương - hoàng, vẻ - vang lộng - lẫy cũng là đẹp, mà không phải là đẹp *nhã*. Đẹp *nhã* là đẹp hồn - trầm, kín - đáo, đẹp vì tinh-thần nhiều hơn là vì hình-sắc. Như hoành - phi câu - đối sơn son thiếp vàng, chạm găm chữ nổi, không phải là không đẹp, nhưng không *nhã* bằng bộ tứ-bình, bức thủy-mặc. Lại như găm vóc vàng bạc đầy người không phải là không đẹp, nhưng không *nhã* bằng cái áo vải thường mặc vào một người ông-à có duyên. Nhưng mà cứ con mắt thường của người đời bao giờ cũng cảm cái đẹp lộng-lẫy hơn là cái đẹp kín-đáo dịu-dàng. Cho nên *nhã* ít người biết yêu chuộng, ít người biết thưởng-giám, mà đầy đường chỉ thấy những vẻ đẹp hoa-hoè sắc-sỡ : hoa lan mọc trong hang sâu, còn mào-gà ông-bụt đỏ ói bên vệ đường, người đời biết chuộng hoa lan ít mà hay ưa mào-gà ông-bụt thật nhiều.

« Song đó là nói về cái *nhã* ở đồ vật, ở bề ngoài. *Nhã* trước khi biểu-lộ ra ngoài, phải ở tự người ta. Người ta có *nhã* mới biết thưởng-thức cái *nhã* ở đồ vật, ở bề ngoài. Vậy thời người *nhã* là người thế nào ? Chắc rằng người *nhã* là người không tục, và cũng không tạp, nhưng mà thế cũng chưa đủ, vì nếu chỉ không tục không tạp, mà không có cái vẻ gì khác nữa, thời chỉ là người thanh-

đậm quả-tĩnh; người nhả là người vừa không tục không tạp mà lại vừa có cái duyên đậm-đà, khiến cho người ta phải yêu phải mến. Nhả chính là không tục mà lại có duyên. Trong các tính-nết tốt của người ta, tính nhả là cái tính rất quan-hệ với xã-hội: người nhả không những là người tự mình có cái tư-cách thanh-cao, lại là người biết phô-bày cái tư-cách thanh-cao ấy trong khi tiếp-nhân xử-sự. Cho nên xét người nhả là xét ở thái-độ, hình-dung, ngôn-ngữ, cử-chỉ, và thứ nhất là ở cái thị-hiểu của người ta.

« Người nhả, khi đứng, khi ngồi, khi lui, khi tới, có cái vẻ ung-dung êm-ái, không hấp-tấp vội-vàng, cũng không nhu-nhờ chậm-chạp; tiếp người thì tuy cũng tùy từng hạng mà tính-ý có khác nhau, nhưng mà đối với người trên không có dáng siểm-nịnh, đối với người dưới không có bộ kiêu-căng, đối với ai ai cũng có ý ân-cần, tựa - hồ như mình được tiếp người lấy làm vui-vẻ, lại có ý lễ-nhượng, tựa-hồ như mình được tiếp người lấy làm trân-trọng. Thái-độ ấy rất là quan-hệ cho sự giao-tế trong xã-hội: người nào có cái thái-độ ung-dung, êm-ái, lễ-nhượng, ân-cần như thế, không những làm cho sự giao-tế được vui-vẻ và có hứng-thú, lại dễ cảm-phục được lòng người, không phải là không có ích-lợi cho đường cư-xử của mình. Một người thô-bi hay là một kẻ kiêu-ngạo ra giao-tiếp với người, không khỏi khiến cho người khinh mà chán, hay là ghét mà kỵ; đã thế thì cuộc giao-tế tất một-thứ, mà kẻ kiêu-ngạo hay người thô-bi kia cũng khó lòng ăn-ở với đời cho được thập-phần thỏa-mãn. Đến như những bậc hào - hoa phong-nhã, thời đến đâu như cái hoa thơm đến đấy, ai là chẳng mến, ai là chẳng yêu, không những làm vui cho người trong khi giao-tế, mà cũng dễ

dàng cho mình trong lúc xử-sự. Dẫn ở đời không phải ai ai cũng có cái tư-cách hào-hoa phong-nhã như khách tài-tĩnh, nhưng mà ai ai cũng có thể có cái thái-độ nhả-nhận, khiến cho người ta yêu-mến được.

«Ấy là cái phong-thái bề ngoài. Nhưng mà người nhả lại phải xét ở cách ngôn-ngữ, và thứ nhất là ở cái thị-hiểu. Ngôn-ngữ là trọng lắm; nghe một lời nói đoán được tính người. Người thanh-nhã nói có duyên, có nhị, dễ toại lòng người. Cái giọng nói cũng ung-dung như vẻ người, khi vui-vẻ không lả-lơi, lúc giận-dữ không to tiếng; một cái mỉm cười đủ biểu được lòng vui-thú, một câu nói mát đủ rõ được bụng căm-hờn. Nhưng mà giữ được cho giọng nói cũng như nét mặt, bao giờ cũng điều-hòa vui-vẻ, ấy mới là tuyết-nhã, ấy mới là rất mẫu.

« Thị-hiểu là sự thích-muốn của người ta, nhất là thích-muốn trong cách ăn-chơi. Người làm sao quả chiêm-bao làm vậy, nghĩa là tính-tĩnh thanh-thó thể nào thường lộ ra trong lúc mơ-màng hành-lạc. Chú quyền cạu linh di giọng chơi trong phố-phường ngày hội, chỉ mong ghẹo được con gái nhà quê. Nhà thi-sĩ lại tra ngâm thơ dưới bóng trăng, khách làng chơi lại thích ngồi nghe cô đào hát. Thị-hiểu mỗi người một khác, mà khác là bởi sự thanh-thó. Người phong-nhã thời tra những cách chơi êm - dềm thanh-thú, mà không tra những cách chơi nhả-nhót tục-tần. Đời xưa có bốn cách chơi phong-nhã là: *cầm, kỳ, thi, họa*; ngày nay dễ cũng ít người kiêu được bốn nghề đó. Nhưng mà: xem phong-cảnh đẹp, đọc văn-chương hay, thả chiếc thuyền con trên mặt nước, đập vào mái chèo mà ngâm-ngã, hay là chuyện-trò cùng người tri-kỹ, đàm-tiểu với khách tài-tĩnh, gây trồng những cây cổ lạ, tìm kiếm những bức tranh kỳ,

v. v., đó cũng là những cách chơi của người phong-nhã. Còn như nhún nhảy chủ-nhật, hay buổi hội-hè, lũ năm, lũ ba, ngất-ngưỡng trên xe cao-su, chạy giông khắp các phố-phường, trước mấy chị áo xanh áo đỏ, sau mấy anh mũ lệch mũ nghiêng, thời những cách chơi ấy tuy có « cừ », có « diên » thật, nhưng tuyệt không phải là cách chơi của người phong-nhã.

« Nhưng mà xét ra ngày nay trong các chốn đô-hội ta, những cách « lu-bù » như sau ấy lại thịnh-hành lắm, còn những cách « phong-nhã » như trên kia, thời ít người thích đến.

« Ôi ! hồn phong-nhã, hồn phong-nhã, hồn đi đâu tá ? »

PHẠM QUỲNH

BÀN VỀ LỊCH-SỬ NƯỚC TÀU (1)

V

Nói về lịch-sử rối-loạn trong mười năm dân-quốc mới đây.

Xem trong lịch-sử nước Tàu, cũng có nhiều hồi phân-liệt rối-loạn, như hồi Xuân-thu, hồi Chiến-quốc, hồi Tam-quốc, vân-vân. Song những hồi ấy, tuy rằng rối-loạn, nhưng cũng có lắm điều thú-vị ; chưa có hồi nào dở-dang nguy-hiểm, phần thú-vị thì ít, phần chán-ngán thì nhiều, như hồi Dân-quốc này. Xin đem mọi đường nhân-quả trong cái thời-kỳ đó, và thỉnh - thoảng xen qua lấy một vài lời rông-rải phán-đoán, mà kể ra như sau.

Phàm sự đều có nguyên-nhân, muốn xét về cái thời-kỳ Dân-quốc xuất-hiện sau này, trước hẵng xét qua về cái thời-kỳ Dân-quốc dựng-dục trước kia thế nào. Kể ra thì cái phong-trào cách-mệnh ở nước Tàu, khởi-nguyên ra từ năm giáp-ngọ Tàu với Nhật-bản đánh nhau. Vì năm ấy chính-phủ nước Tàu đối với Nhật-bản, việc ngoại-ngữ và việc ngoại-giao đã liên-liên thất-bại, mà từ đó về sau việc nội-chính lại càng ngày càng thấy hư - hỏng rắc-rối ; quốc-dân đã lấy làm bất-mãn với chính-phủ lắm

rồi ; gia-dĩ những bọn học-sinh trước kia nhà Mãn-Thanh phải đi lưu-học ở Âu-Mĩ hoặc ở Nhật - bản, bấy giờ lục-tục về nước, cái tư - tưởng mới của thế-giới, và những lời bàn - bạc về chính-trị, đã dần-dà thấm-nhuận vào tai vào óc những bậc thượng - lưu. Lại những người học-giả trong nước, như bọn ông Dương Độ 楊度, ông Khang Hữu-Vi 康有為, ông Lương Khải-Siêu 梁啟超 thấy thời-cực gian-nguy, cần kíp về sự cứu - quốc, đại-xướng lên cái chủ-nghĩa quân-chủ-lập-hiến, cái lời lập-hiến đã vang-vít ở trong ngoài. Chợt bấy giờ có sự Nga Nhật chiến-tranh, Nhật bé mà được, Nga lớn mà thua, quốc-dân Tàu mới toàn hiều ra rằng cái nước lập-hiến có phần ưu-mĩ hơn cái nước chuyên-chế ; rồi những người đại-biểu của các tỉnh đi thỉnh-cầu về sự lập-hiến, lên tập-hợp cả ở Bắc-kinh. Bấy giờ bà Hiến - khâm Thái-hậu 孝欽太后 cầm quyền, cũng có ý chiều lòng dân, trước hẵng phái năm người đại-thần đi sang các nước Âu, Mĩ và Nhật, để khảo-sát hiến-chính. Mà ở trong nước thì cái lời quốc-dân

(1) Xem N.-P. từ số 80, 81, 83, 84.

kêu-cầu với Chính-phủ để lập-biến, một ngày một thiết một mau. Năm Quang-tự thứ 32, mới hạ-chiều dự-bị việc lập-biến; ở Bắc-kinh thì lập ra Tư-chính-viện và Lập-biến-biên-tra-quân, ở các tỉnh thì lập ra Tư-ng nghị-cục, để làm cách dự-bị về việc quốc-hội và việc tỉnh-ng nghị-hội sau này. Lại ban-bố ra những điều hiến-pháp đại-cương; hẹn với quốc-dân rằng dùng chín năm sẽ chiêu-tập quốc-hội. Quốc-dân Tàu bấy giờ, trừ một phái cấp-tiến ở hải-ngoại không kể, còn ở nội-địa, thì phần duy-tân quan-lại, cho đến phần thâm - thức học - giả, đối với Chính-phủ tuy lấy làm nặng-nề, nhưng còn lấy làm có cơ hi-vọng, cho nên phần nhiều người cũng lấy làm bằng lòng. Xem vậy, dân-tộc nước Tàu cũng là một dân-tộc yêu-mến trật-tự, chủ-trương hòa-bình; không phải là dân-tộc hiếu bạo-động, hiếu cạnh-tranh. Ngờ đâu, vua Quang-tự bấy giờ, tuy là người minh-đạt, nhưng khi làm vua, chỉ có cái hư-vị mà thôi, bao nhiêu chính-quyền ở cả trong tay bà Thái-hậu. Lại gì đảng vương - công quyền-qui và đảng quan-liêu hủ-bại ở Bắc-kinh, họ chỉ ôm chân nấp bóng bà Thái-hậu, để lợi-dụng với đường phú-qui mà thôi; chứ đối với quốc-dân chỉ là sự lừa-lừa dối-trá, không có một chút thành-thực nào về sự lập-biến cả. Được ít lâu, bà Thái-hậu mất, vua Quang-tự cũng mất, vua Tuyên-thống ấu - trùng lên làm vua, tước Thuần-thần-vương 淳親王 là bổ lên nhiếp-chính. Chẳng qua vận nhà Mãn đã đến lúc hết, họ nhà Mãn rất là những bọn cao-lương quyền-qui, không có một người nào hơi có tư-tướng về đường chính-trị, để mà đỡ-cứu lấy cuộc đời, mà Thuần-thần-vương lại là người có minh mà không có đoán, bị những bọn quyền-qui họ thao-túng nịnh-nọt, phạm sự không quả-quyết được sự gì. Nhà Mãn bấy giờ tuy chưa

mất, nhưng kẻ thức-giả đã biết rằng triều-đình Mãn-Thanh không thể đứng ở trên cuộc đời được nữa.

Khi vua Tuyên-thống mới lên làm vua, quốc-dân Tàu còn chưa nở phụ nhà Mãn, những người đi kêu-ca lập-biến, còn tập - nập ở Bắc - kinh. Hay đâu, cái Hoàng-tộc Nội-các mới thành-lập, tước Khánh-thần-vương 慶親王 đứng đầu; những chức trọng - yếu trong Các, quả nửa là người họ nhà Mãn. Những lời của quốc-dân thành-thực thỉnh-nguyện thì chính-phủ cứ làm thỉnh; chẳng những làm thỉnh, lại dùng vũ-lực mà đàn-áp giải-tán đi nữa. Than-ôi! Mãn-Thanh chính-phủ ngu-dại biết là đường nào, cái sự chính - trị-cách - mệnh phải biến ra chủng-tộc-cách-mệnh, cũng là sự bất-đắc-dĩ của người Tàu.

Nguyên-lai nước Tàu vẫn có một đảng cách-mệnh về sự chủng-tộc ở hải-ngoại, là đảng Tôn Dật - Tiên 孫逸仙. Ông Triệu-Minh 汪兆銘, Hồ Hán-Dân 胡漢民, Hoàng Hưng 黃興, Trịnh Sĩ-Lương 鄭士良, Đường Tài-Thường 唐才常, Hùng Thành - Cơ 熊成基 các người, thỉnh-thoảng cũng có vận - động về nội - địa, khi ở Quảng-châu Huệ-châu, khi ở Hoàng-hoa-cương, khi ở Yên-khánh, nhưng quốc - dân đối với chính - phủ, còn mong có cơ đạt được nguyện - vọng, ít người hưởng-ứng với bọn ở hải-ngoại, cho nên bọn hải-ngoại bấy lâu vẫn đứng về cái địa-vị thất-bại; về sau thấy chính-phủ hủ-bại đã đạt đến cực-diêm, không có phần hi-vọng nữa, rồi quốc-dân đối với bọn hải-ngoại, mới cùng xu-hướng cả về một đường.

Năm 1912, tức là năm Tuyên-thống thứ ba, sự cách-mệnh ở Vũ - xương khởi lên (Vũ-xương tức tỉnh-thành Hồ-bắc), chính-phủ Mãn-Thanh mới thật là dở. Việc Vũ-xương mà bực lên thế, là vì việc dân-biến ở tỉnh Tứ - xuyên

làm cái ngòi chàm lửa; dân tỉnh Tứ-xuyên sợ-dĩ bạo-dộng, là vì cái vấn-đề «thiết-lộ quốc-hữu» xui nên. Bấy giờ trong chính-phủ nhà Mãn có một viên là Thịnh Tuyên-Hoài 盛宣懷 xướng lên cái nghị «thiết-lộ quốc-hữu» nghĩa là việc thiết-lộ trong nước, toàn do chính-phủ hưng - biện, không khỏi tranh cướp quyền-lợi của dân. Dân các tỉnh ở miền tây-nam, nhao-nhao phản-kháng. Lại phải một viên Tứ-xuyên tổng-đốc là Triệu Nhĩ-Phong 趙爾豐 chỉ biết dùng vũ-lực để đàn-áp dân-dã, cho nên dân-khí ở Tứ-xuyên lại càng khích-phấn lắm. Thanh-dinh mới phái một viên Mãn - tướng là Đoan-Phương 端方 đem quân tỉnh Hồ-bắc vào tỉnh Tứ-xuyên, để trấn-áp dân-dã. Dân-dã ở Hồ-bắc mới thừa-cơ thực-hành khởi-sự. Viên Hồ-bắc tổng - đốc bấy giờ là Thụy Trừng 瑞澂 - thị người Mãn, sợ hãi trốn chạy vào trong một chiếc thuyền binh, dân-dã tức-khắc biên-chế thành đội dân-quân, cử một viên quan võ là Lê Nguyên-Hồng 黎元洪 làm đại-dô-đốc, thống-lĩnh dân-quân, tuyên-bố chủ-nghĩa độc-lập. Liền cử binh sang sông, khắc-phục được đất Hán-dương và đất Hán-khẩu. Rồi kéo sang phía tây, để làm cái thanh-thế cứu giúp cho dân-dã ở Tứ - xuyên. Bấy giờ các tỉnh ở phía đông tây nam, hưởng-ứng với dân-quân, cũng trước sau nhất-tề tuyên-bố độc-lập, như tỉnh Hồ-nam, tỉnh Giang-tây, tỉnh An-huy, tỉnh Phúc-kiến, tỉnh Triết-giang, tỉnh Vân-nam, tỉnh Quý-châu, tỉnh Quảng-đông, tỉnh Quảng-tây, tỉnh Tứ-xuyên, tỉnh Thiểm-tây, tỉnh Sơn-tây, tỉnh Sơn-đông, tỉnh Cam-túc mọi tỉnh, hoặc do các viên đốc - phủ tự mình thay đổi phương-diện, hoặc do dân-dã đánh đuổi những bọn quan-lại hủ-bại đi mà độc-lập. Trong mười-tám tỉnh, chỉ có tỉnh Trực-lệ, tỉnh Hà-nam, thuộc về Bắc-dương quân-đội trực-tiếp giám-

đốc là chữa độc-lập được. Và phía nam sông Tráng-giang, chỉ có Trương Huân 張勳 là cố giữ lấy Nam - kinh (tức tỉnh Giang-tô) để chống lại với dân-quân mà thôi. Xét ra, cái sự-thế nhà Mãn-Thanh đối với quốc-dân bấy giờ, dầu không có Thịnh Tuyên-Hoài với Triệu Nhĩ-Phong hai chàng tiểu-nhân ấy, thì sự cách-mệnh sớm chiều cũng tất khởi. Song hai chàng lại chính là kẻ cầm tên cầm nỏ đuổi chim vào rừng, cầm nơm cầm vợt xua cá vào vực, hai chàng đối với quốc-dân, thực là kẻ có tội, mà hình như kẻ có cớ, thực là kẻ có thù, mà hình như kẻ có ân. Than ôi ! kẻ chấp-chính trong cuộc đời, cũng nên hiểu cái lẽ đó mà biết răn vậy.

Khi dân-quân mới khởi ở Vũ-xương, chính-phủ Mãn-Thanh tức phái một viên lục-quân đại-thần hệ-thị Mãn-tướng là Âm-Xương 蔭昌 đốc quân đi đánh, quân Mãn bị thua. Được ba ngày, lại khởi-dụng một viên lĩnh-tu trong đám Bắc-dương quân-nhân là Viên Thế-Khải 袁世凱 làm tổng-đốc Lương-Hồ, đốc thủy-lục chư - quân tiến đánh. Viên vừa mới đến, liền đem đội quân Bắc-dương kinh-lữ tiến đánh, dân-quân bị thua, cướp lại được Hán-dương, nơi trung-tâm-diêm của dân-quân ở Vũ-xương đã có cơ nguy-hiểm. May sao dân-quân lại đồng-thời khắc-phục được Nam-kinh, mà các tỉnh lại phản-phán độc-lập. Chính-phủ Mãn-Thanh biết rằng sự-thế nguy-bách, mà trong phái quân-nhân chỉ còn số-thị có Viên Thế-Khải mà thôi, mới hạ-chiều trách mình, và bãi cái hoàng - tộc nội-các, dẫn - dụng Viên Thế-Khải làm tổng - lý đại - thần; lại tuyên - bố mười chín điều dự-bị việc lập-hiến, và xin đình - chiến với dân - quân để giảng - hòa. Từ đó đại-quyền ở Bắc-kinh mới thuộc về đảng Bắc - dương quân - nhân, mà

người lĩnh-tụ bọn hoàng-tộc là Lương Bất 良弼 lại bị tặc-dân đánh chết, cái khi-diễm bọn hoàng-tộc mới toàn thui đi. Đảng Nam-phương thì những người đại-biêu của các tỉnh tập-hội cả ở Vũ-xương, qui-định lễ-chức lâm-thời chính-phủ, rồi quyết-nghị lấy Nam-kinh làm nơi chính-phủ sở-tại. Các tỉnh đại-biêu lại tập-hội ở Nam-kinh, cử Tôn Dật-Tiên làm lâm-thời đại-tổng-thống, Lê Nguyên-Hồng làm phó-tổng-thống, cái quốc-hiệu là Trung-hoa dân-quốc, định hiệu cờ ngũ-sắc làm quốc-kỳ, cái âm-lịch ra dương-lịch, tòa quốc-vụ cũng kế-tục thành-lập; miền nam bấy giờ cũng đã có cái cơ-sở dân-quốc.

Khi nam bắc nghị-hòa, nam-phương thì cử Ngũ Đình-Phương 伍廷芳 làm đại-biêu, bắc-phương thì cử Đường Thiệu-Nghị 唐紹儀 làm đại-biêu, ra nghị-hòa ở Thượng-hải; họ Đường giải-quyết không xong, từ-chức; họ Viên phải trực-tiếp thông-diện với họ Ngũ đề giảng-hòa; đảng nam bằng lòng nhường chức đại-tổng-thống cho đảng bắc, đề cho Viên chủ-trì cuộc cộng-hòa, mà những phái quân-nhân thuộc về đảng bắc, như bọn Đoàn Kỳ-Thụy 段琪瑞 các người cũng liên-danh thông-diện thỉnh Thanh-đế thoái-vị; đôi bên qui-định lâm-thời ước-pháp, và những điều-kiện tru-dãi cho nhà Mãn-Thanh. Rồi họ Tôn nhường chức tổng-thống cho họ Viên, định lấy Nam-kinh làm quốc-dô, thỉnh với họ Viên lại nam-phương mà tru-chức; sau họ Viên lại vì có Bắc-kinh quân-chính, không có thể xuống miền nam được, bèn dời chính-phủ lên Bắc-kinh, dân-quốc mới thực chính-thức thống-nhất. Đến năm Dân-quốc nhị-niên, mồng tám tháng tư, nước Mĩ đưa quốc-thư bắt đầu thừa-nhận cho dân-quốc Trung-hoa, dân-quốc bấy giờ mới hoàn-toàn cáo thành. Xem sử Tàu đến đây cũng có vài điều thú-vị. Một điều là quan-

dân cùng lòng xướng-nghĩa. Hai điều là nam bắc biết nhường nhịn nhau mà giảng-hòa. Lại có một điều nên khen nữa, là người Tàu đối với người Mãn, một bên là chiến-thắng dân-tộc và là tàn-thức chính-trị, một bên là chiến-bại dân-tộc và là cự-thức chính-trị; thế mà biết tru-dãi cho nhà Mãn-Thanh không hề có sự gì khắc-bạc; xem với đảng quá-khích nước Nga vừa rồi, đôi bên vẫn dãi tưởng khác nhau xa. Dân-tộc nước Tàu, cũng không hề gì là một nước cổ-văn-minh, và là một dân-tộc thánh-hiền tử-tôn vậy.

Nước Tàu khi kiến-lập ra dân-quốc, thực là bởi hai cái thế-lực to lớn kết-hợp lại mà thành. Một là cái thế-lực Bắc-dương quân-đội. Hai là cái thế-lực Nam-phương cách-mệnh - đảng. Viên Thế-Khải nhờ có cái thế-lực Bắc-dương quân-đội, đảng cách-mệnh ở nam-phương phải né, mà tranh được cái ngôi tổng-thống; tự khi tranh được ngôi tổng-thống rồi, thì những chức trọng-yếu trong chính-phủ, và những viên dò-dốc ở các tỉnh miền bắc, phần nhiều là đảng-phái họ Viên; thế-lực họ Viên bấy giờ thật là mạnh lớn, không ai địch nổi. Mà đảng cách-mệnh ở nam-phương thì rất là những người công-lao khó-nhọc sáng-kiến ra dân-quốc; những viên dò-dốc ở các tỉnh phương nam, quá nửa thuộc về đảng cách-mệnh, như Lý Liệt-Quân 李烈鈞 ở Giang-tây, Bạch Văn - Uất 柏文蔚 ở An-huy, Hồ Hán-Dân 胡漢民 ở Quảng-đông, lại càng là những người có thanh-danh hiển-trứ.

Cuộc nước Tàu bấy giờ, tuy thành ra một cuộc nam-bắc đôi bên phân-kháng, song đảng nam có phần yếu sức hơn đảng bắc, mà Viên Thế-Khải hành-vi có ý chuyên-chế, và có ý muốn tước-trừ cái thế-lực của đảng nam, đôi bên vẫn căm-tức nhau. Năm Dân-quốc nhị-niên, tháng bảy, mới sinh ra sự nam-bắc chiến-tranh, người

Tàu gọi là đệ-nhi cách-mệnh. Duyên-do có hai sự : Một là sự chính-phủ vay tiền ngoại-quốc, mà không thông cho quốc-hội biết, chính-phủ có ý chuyên-đoán. Hai là sự ông Tống Giáo-Nhân 宋教仁 hệ-thị dân-dân, mà bị ám-sát, chính-phủ đối với quốc - dân, không khỏi có sự nghi-ngờ. Dân-dân ở nam-phương nhao-nhao phản-đối, mà ba viên đô-đốc họ Lý họ Bách họ Hồ phản-đối về sự đó lại càng kịch-liệt lắm. Chính-phủ Bắc-phương lấy làm khó-chịu, muốn thực-hành vũ-lực, bèn dùng cái mẹo tiên-phát chế-nhân, trước hăng sai ngay Lý Thuần 李純 đem binh vào cõi Giang-tây, thứ chi hạ-lệnh bãi chức ba viên đô - đốc, rồi quân - đội Bắc-dương liền tiếp-lực kéo xuống, Giang-tây đô-đốc là Lý Liệt-Quân cũng bắt đầu giữ đất Hồ-khẩu, khỏi quân đề thảo Viên. Rồi An-huy, Quảng-dông, Phúc-kiến, Hồ-nam các tỉnh nối nhau hưởng-ứng; ông Hoàng Hưng 黃興 vào giữ Nam-kinh xưng là thảo Viên-quân tổng-tư-lệnh. Bắc-quân thì vừa thủy vừa lục hội lại tiến-công, khắc-phục được Hồ-khẩu. Hoàng Hưng phải bỏ Nam-kinh trốn chạy. Rồi các tỉnh ở miền nam, cũng thứ - đệ dẹp được yên ngay. Sự chiến - tranh ấy lan - man ra sáu bảy tỉnh, không phải là sự nhỏ; mà sự thành-bại chỉ trong hai tháng đã thấy nhau ngay; không những là vì Nam-phương sức yếu, lại là vì nhân-tình yếm-bình, sự chiến-tranh ấy thật là không có thù - vi gì cả

Xong cuộc nam-bắc chiến - tranh, rồi đến cuộc hiến-pháp hội - nghị. Cuộc hiến-pháp hội-nghị thì do quan tổng-thống triệu-tập những người đại-biểu ở các tỉnh, tổ-chức ra ước-pháp hội-nghị định dài cái kỳ-hạn quan tổng-thống ra, mà bao nhiêu các viên trong Các, đều do quan tổng-thống được trực-tiếp sai-sử bỏ-dùng; đồng-thời lại hạ-lệnh đình-bãi cái chế-độ

tự-trị của các địa-phương, và giải-tán cuộc tỉnh-nghì-hội ở các tỉnh. Cái chế-độ cộng-hòa, lại hiên-nhiên biến ra cái chế-độ chuyên-đoán.

Bấy giờ trong bọn nho-giả nước Tàu có sáu người là Dương Độ 楊度, với Tôn Dục - Quân 孫毓筠, Lưu Sư Bồi 劉師培, Nghiêm Phục 嚴復, Lý Nhiếp-Hòa 李燮和, Hồ Anh 胡瑛 gây ra một cái hội, gọi là hội trù-an, đại-xướng lên cái nghị-luận quân-chủ lập-hiến. Mà xuất-lực đề-hun-phách cho Viên-thị thực-hành đế-chế, tại nhất là Dương Độ với Lương Sĩ-Di 梁士貽. Lại bấy giờ những người trọng-yếu trong đảng cách-mệnh, đều trốn chạy ra ở ngoại - dương; cho nên cái lời bàn quân-chủ lập-hiến ngổ ra, không ai là kẻ trái lời cả. Lại bấy giờ những bọn thính-nguyên đoàn-thể của các tỉnh tập-hợp cả ở Bắc-kinh; Lương Sĩ-Di đứng lên tổ-chức một cái hội, gọi là «thính nguyên diện-hợp-hội», làm ra lời thính-nguyên, do Tham-chính-viện thụ-lý các lễ ấy, trình-thỉnh lên quan đại-tổng-thống, triệu-tập những người quốc-dân đại-biểu ở các tỉnh lên Bắc-kinh đại-hội, để giải-quyết cái vấn-đề quốc-thể. Khi tập-nghị thì đại-biểu các tỉnh đều bằng lòng tán-thành cái chủ-nghĩa quân-chủ lập-hiến cả; rồi do Tham-chính-viện trình-thỉnh quan Đại-tổng-thống lên ngôi hoàng - đế, định Dân-quốc ngũ - niên làm Hồng - hiến nguyên-niên, dự-bị ngày đăng-cực.

Khi cái giấc mộng đế-chế ấy đương say, thì những người vận-dộng về việc phản-đối đế-chế, cũng đồng-thời mà bí-mật vận-hành. Bọn Thái Ngạc 蔡鵬 với Lý Liệt-quân 李烈均 đều bí-mật về tỉnh Vân - nam; Thái Ngạc với Đường Kế-Nghiêu 唐繼堯 ở Vân-nam thủ-xướng sự độc-lập; rồi Lưu Hiến-Thế 劉顯世 ở Quý - châu, Lục Vinh-Đình 陸榮廷 ở Quảng-tây cũng độc-lập tiếp theo; Quảng - đông thì Trần Quỳnh - Minh 陳炯明 khởi quân ở

Huệ - châu, viên đô - đốc tỉnh ấy là Long Tế - Quang 龍濟光 bất - đắc - dĩ cũng phải tuyên - bố độc - lập ; Thiêm-tây thì Trần Thụ-Phiên 陳樹藩 từ phía Thiêm-bắc lại đánh đuổi viên đô - đốc tỉnh ấy là Lục Kiến Chương 陸建章. Cảnh dân - quân ở tỉnh Triết-giang cũng đuổi viên đô - đốc là Chu Thụy 朱瑞 đi mà cử Lã Công-Vọng 呂公望 lên đề độc-lập. Thậm-chí viên Tứ-xuyên đô-dốc là Trần Hoạn 陳宦, viên Hồ-nam đô-dốc là Thang Hưởng-Minh 湯壽潛 nguyên là đảng-phái thân-mật với họ Viên, mà cũng đều tuyên-bố độc-lập. Gia-dĩ cảnh Bắc-quân của họ Viên sở - phái vào đánh Tứ-xuyên, vì không am-hiểu địa-thể, phải quân Thái Ngạc đánh thua. Mà đồng-thời bấy giờ năm viên Công-sứ nước Nhật nước Mỹ nước Pháp nước Nga nước Ý lại đề-xuất lời cảnh-cáo, đề-răn bảo họ Viên. Viên Thế-Khải bấy giờ bó tay giương mắt, không biết tính thế nào, đành phải diên-hoãn cái ngày tháng dằng-cực lại, và thủ-tiêu những điều dự-bị về việc đề-chế đi mà thôi. Đến khi được tin Trần Hoạn với Thang Hưởng - Minh hai người đảo-quả độc-lập, thì liền phần-uất mà chết.

Kể luận sử nước Tàu đến đây, cũng phải ngừng bút một chút, mà phi-tồn mất một đoạn tâm-tư. Nguyên-lai xúc-thành cho họ Viên cái cuộc đề-chế, cũng là vì có ba cơ: Một là vì người Nhật khi đề-xuất hai-mươi-mốt điều yêu-cầu với họ Viên, có ý lợi-dụ họ Viên, khiến cho họ Viên vướng chí về đường ngoại-giao. Về sau người Nhật thấy nam-phương độc-lập, rồi lại đứng đầu diên-hợp công-sứ bốn nước đề cảnh-cáo họ Viên. Người Nhật dụng ý thế nào, cũng không hề phải bàn chỉ cho lắm. Hai là vì những bọn nhiệt-tâm phú-quí, chức miềng vương-hầu, hun-phách cho họ Viên, kíp thành đề-chế. Ba là vì những người ghét họ Viên đã lâu, chỉ vì cái ác họ Viên

chưa hiền, chưa có thể làm gì được ; nên chỉ tán-thành cho họ Viên, khiến cho cái ác họ Viên thực-hiễn ra với thiên-hạ, mới có thể vãn được tội họ Viên. Rút cục lại chỉ chết người đại mà thôi.

Xét trong lịch-sử nước Tàu khi xưa, Hạng Vũ 項羽 ở đời Tần-mạt sức mạnh bao nhiêu, tự-xưng là Tây-Sở bá-vương, chỉ vì một nỗi bất-nhân mà kẻ thức-giả còn chê là con khỉ gọi đầu bắt-chước người dốt mủ. Công-Tôn Thuật 公孫述 ở đời Đông-Hán, có dân có đất hân-hoi, xưng-đế ở Ba-thục, chỉ vì một nỗi tự-tôn tự-đại, mà kẻ thức-giả còn cho là con ếch ở dưới giếng coi trời bằng vung. Nửa là Viên Thế-Khải, Viên Thế-Khải đại-dột, có phần lại hơn Viên Thuật 袁術 đời Tam-quốc xưng-đế ở Thọ-xuân Ngõ là hoàng-đế chi-quí, chẳng là hoàng-đế cửu-trùng đảo-dịa.

Lại xét trong lịch-sử nước Tàu, đủ có cái tư-cách xưng-đế xưng-vương, mà chung-thân không dám chính vị đế-vương, có hai người. Một là ông Cơ-Xương 姬昌 nhà Chu. Hai là người Tào Tháo 曹操 nhà Hán. Lại đủ có cái địa-vị chức-trách làm hoàng-đế, mà chưa dám vội-vàng xưng-đế, chờ cho thiên-hạ cùng lòng suy-phục, từ chối không được, rồi mới xưng-đế, lại có hai người. Một là ông Lưu Tú 劉秀 nhà Hán. Hai là ông Chu Nguyên-Chương 朱元璋 nhà Minh. Như tư-cách và địa-vị Viên Thế-Khải, bị được với bốn người ấy hay không ?

Huống chi thời-dại là thời-dại dân-quyền, không phải là thời-dại quân-quyền. Duy những người anh-hùng quá sức như vua Nã-phá-luân đệ-nhất, khôn-ngoa quá chừng như vua Nã-phá-luân đệ-tam bên nước Pháp, cũng có thể biến đổi dân-quyền ra quân-quyền, mà làm cho nước chóng cường-thịnh lên được. Như bộ dạng Viên

Thế-Khải, có thể lại bị được với hai vua ấy không ?

Xét ra Viên Thế-Khải khi ở triều Mãn-Thanh, khi thì Triều-tiên công-sứ, khi thì Trục-lệ tổng-dốc, khi thì tổng-thống quân-vụ, khi thì ngoại-bộ đại-thần ; nào là ngoại-giao, nào là chính-trị, nào là quân-sự, nào là thủ-cư, nào là duy-lân, nào là khí-khải, nào là a-dua, mặt nào cũng có, chẳng qua là một người ba-dội 'rong chính-giới đấy thôi, chứ cũng không có cái gì hơn người ; khi cách-mệnh khởi lên, thừa bọn hoàng-tộc nhà Mãn họ uơ-nhèn, bằng-tạ được cái thế-lực Bắc-dương quân-dội, khiến bọn cách-mệnh phải né mình chịu lui ; khi đã đắc-chí, chỉ biết lối chuyên-chế hiếp-bách, không biết cách điều-hòa, họ Viên làm người như vậy, quốc-dân ai phục, được làm tổng-thống, đã quá lam rồi, huống-chi lại hoàng-đế nữa. Họ Viên chỉ là bày một cái trò cười ra với thế-giới, màn hoàng-đế sắp-sửa mờ, mà đã vội-vàng cuốn đi, khiến cho người xem chưa được mãn-chí, mà lại phải bật cười.

Nhưng xét ra, cứ cái địa-thế nước Tàu, và cái trình-độ người Tàu cho đến cái tư-tưởng về luân-lý của người Tàu, thì quân-chủ lập-hiến là rất nên, khi họ Viên rục-rịch để-chế, quốc-dân có nhiều kẻ tán-thành, tưởng không phải là không có cơ. Chỉ tiếc thay tư-cách họ Viên không đủ xứng được cái địa-diềm nước Tàu, và không đủ phu được cái học-thuật tâm-lý của người Tàu đấy thôi.

Lại xét ra cái tình-thế nước Tàu, khoảng ngoại mười năm nay, chỉ hồi Viên Thế-Khải làm tổng-thống, trung-ương chính - phủ có quyền - lực, là có thể sửa-sang được nước Tàu mà thôi. Nếu Viên mà là người khôn-khéo biết yêu nước ra, thừa cái cơ-hội ấy, điều-hòa trong các đảng, chỉnh-

đốn lấy mọi sự, thì nước Tàu may ra cũng đã ra nước, mà họ Viên may ra cũng đã có danh-dự họ Viên. Nhưng mà họ Viên không biết yêu nước, chỉ biết yêu thân ; không biết chí tại công-danh, chỉ biết chí tại phú-quí. Kết-cục lại, họ Viên thân thì chết, công-danh phủ - qui cũng lên trời ; mà cái cục trung-ương tập-quyền, nam-bắc thống-nhất của nước Tàu lại long-lở đi, chưa có ngày thu-thập lại được. Ấu cũng là một sự vô-phúc của họ Viên, và là một sự bất-hạnh của nước Tàu vậy.

Viên Thế-Khải đã chết rồi, dù cái địa-vị và cái giá-trị làm đại-tổng-thống, thì không ai bằng Lê Nguyên-Hồng ; cho nên các tỉnh cùng một lòng suy-tôn họ Lê lên làm tổng - thống. Rồi Đoàn Kỳ - Thụy 段琪瑞 vào tổ - chức Nội - các. Phùng Quốc - Chương 馮國璋 cũng bị-cử làm phó-tổng-thống.

Độc-giả phải biết rằng cái lịch - sử dân-quốc của nước Tàu, từ đây trở đi, là cái lịch-sử đảng-phái, cái lịch-sử rúc-rối, không phải là cái lịch-sử cộng-hòa, và cái lịch-sử thống-nhất nữa. Trong chính-phủ thì do các đảng khuynh-loát nhau, người chấp-chính thay đổi như quân cờ, hoặc do một đảng nào có thế-lực phụ - cận đó, đứng ngoài mà thao-túng ; hoặc do một đảng nào có thế-lực trực-tiếp đó, ở trong mà lạm-quyền. Còn ngoài các tỉnh, tỉnh thì thác danh địa - phương tự-trị đề kháng lại với trung-ương, tỉnh thì liên-hợp với nhau đề đối-địch với tỉnh khác ; cái sự đảng nọ hân-học với đảng kia, tỉnh này đánh nhau với tỉnh khác, thực là sự côm bữa của người Tàu ngày nay.

Trong chính - đảng nước Tàu ngày nay, đại-dễ chia ra có ba phái : Một là phái quân-nhân, phái quân - nhân thì trong tay có thế-lực sẵn. Hai là phái dân-dảng, phái dân-dảng thì không có thế-lực, nhưng sở - tràng về sự vận-động, thường mượn thế-lực người đề

làm thế-lực mình. Ba là phái phái tự-trị, phái tự-trị tuy rằng thế-lực hơi kém, ít cạnh-tranh trong chính-giới, nhưng cũng đủ sức mà đối-phó với bề ngoài. Phái quân-nhân thì đại-dễ như bọn ông Phùng Quốc - Chương 馮國璋, Đoàn Kỳ - Thụy 段琪瑞, Tào Côn 曹琨, Ngô Bội-Phu 吳佩孚, Nghê Tự-Xung 倪嗣冲, Trương Huân 張勳, Trương Tác-Lâm 張作霖, Lục Vinh - Đình 陸榮廷, Trần Quýnh-Minh 陳炯明, vân-vân. Phái dân-dảng thì đại-dễ như Tôn Dật - Tiên 孫逸仙, Sầm Xuân-Huyền 岑春暉, Lê Nguyên - Hồng 黎元洪, Đường Thiệu-Nghi 唐紹儀, Ngũ Đình-Phương 伍廷芳, vân-vân. Phái tự-trị thì đại-dễ như bọn Đường Kế-Nghiêu 唐繼堯, Điền Trung-Ngọc 田中玉, Lư Vĩnh - Tường 盧永祥, vân-vân. Trong phái quân - nhân lại chia ra có mấy phái : Quân-phái 皖派 (tức An-huy) thì trước kia Đoàn Kỳ-Thụy đứng đầu, bây giờ đã thất-thế. Trực - phái 直派 (tức Trực - lệ) thì trước kia Phùng Quốc-Chương làm sỏ, sau này thì Tào Côn với Ngô Bội-Phu đều là người lĩnh-tự trong Trực-phái,

hiện nay đương lừng-lẫy ở mấy tỉnh trung-ương và ở Bắc - kinh. Phụng-phái 奉派 (tức Phụng - thiên) thì Trương Tác-Lâm quật-khởi ở Đông-tam-tỉnh, nghiêm-nhiên như là một nước lớn. Lục Vinh-Đình với Trần Quýnh-Minh thì chẳng qua đi-dệt ở Lưỡng-Quảng, khi thắng khi bại bất-thường. Còn như phái dân-dảng, thì Tôn Dật-Tiên thủy-chung vẫn là một nhà đại-vận-dộng-gia, mới đây lại kiêm cả quân - sự nữa, đất Quảng-dông là đất căn - bản của Tôn. Đến như phái tự-trị thì Điền Trung-Ngọc ở Sơn-dông, Đường Kế-Nghiêu ở Vân-nam, cũng là những tay tự-trị vững - vàng. Trong chính-cục nước Tàu ngày nay, thật là rối như năm bông-bong, mà nhân-vật cũng thấp-thoảng như quân đèn-cù, sự gì là nhân, sự gì là quả, khó có thể mà tả; người nào là hay, người nào là dở, cũng khó có thể mà bàn, nay hằng xin lần từng đoạn mà kể qua ra đây, để người xem tự xét.

(Còn nữa)

TÙNG - VĂN

CÁI TỬ-TƯỞNG CĂN-BẢN CỦA KHÔNG MẠNH⁽¹⁾

Mạnh-tử phê-bình Không - tử nói là Không-tử « tập đại - thành » (集大成). « Tập đại - thành » ấy là ý rằng Không-tử gồm được cả các học-thuyết của thánh-hiền từ trước mà lập thành hệ-thống. Ba chữ « tập đại-thành » ấy tức như trong

Anh-văn gọi là *systematize* (chữ Pháp là *systematiser*). Nay vô-luận về học-thuyết nào, muốn dựng cho thành hệ-thống, tất trước phải có một cái nguyên-lý căn-bản (*fundamental principle* = *principe fondamental*). Không-tử đã gồm các học-

(1) Dịch một bài diễn-thuyết của ông Bác-sĩ Nhật-bản Phục-bộ Vũ-chi-cát 服部宇之吉, giáo-thọ trường Đế-quốc Đại-học Đông-kinh, giảng ở trường Thương-khoa Đại-học và Tự-trị Học-viện ở Thượng-hải. Ông Phục-bộ là một nhà nghiên-cứu về triết-học nước Tàu thâm lâm, không những nổi tiếng ở Nhật-bản mà nổi tiếng ở cả Trung-quốc và Âu-Mĩ nữa, đã từng giảng học ở một trường Đại-học Mi. Bài diễn-thuyết này đã dịch ra chữ hán trong « Học-ngệ tạp-chí », nay dịch ra quốc-văn để công đồng-làm.

huyền từ trước mà dựng thành hệ-thống thời chắc phải có sẵn một cái nguyên-lý căn-bản. Ngài đối với môn-nhân là Tăng-tử và Tử-Cống nói câu « nhất dĩ quán chi » -- 以貫之, ấy là ngài nói về cái nguyên-lý căn-bản của ngài đó. Nhưng cái nguyên-lý căn-bản của học-thuyết Khổng - tử là gì ? Cái nguyên-lý căn-bản của Khổng-tử, cứ như lời Tăng-tử nói khi đáp các môn-nhân, thời không ngoài một chữ *nhân* 仁. Thế mà các nhà nho từ xưa đến nay nói rõ về chữ *nhân* là nguyên-lý căn-bản của Khổng-tử thời ở nước Tàu chỉ có Lưu Xương 劉敞, và ở Nhật-bản có Y-dăng 伊藤, Nhân-trai 仁齋 và Vật-tồ-lai 物徂徠 ba người.

Nay chữ *nhân* phải giải-thích ra thế nào ? Cứ ý riêng tôi, Khổng-tử nói *nhân* là nhất-diện chỉ « đức Trời », — Trời đây là chúa-tể cả vũ-tru và loài người, — nhất-diện là chỉ cái bản-tính của loài người ta sẵn có. Khổng-tử đã lấy *nhân* làm cái thiên-tính của loài người ta vốn có, bèn đem *nhân* mà thực-hiện ra mọi việc, khiến cho ta hoàn-thành được cái đạo của ta, lại khiến cho ta trọn được cái đạo thờ Trời. Nhà nho gọi là « tu-kỷ » 修己 ấy chính là nghĩa thế. Lại tiến lên một tầng, nếu ta quả đem *nhân* thực-hiện ra mà hoàn-thành được nhân-cách của ta, thời không những cái nhân-cách đã hoàn-thành ấy tự có thể cảm-động được người khác, lại cái nhân-cách của ta đã từng được hoàn-thành ấy có thể tiến lên mà khiến cho nhân-cách khác cũng được hoàn-thành. Nhà nho gọi là « trị-nhân » 治人 ấy là nghĩa thế. « Tu-kỷ » trong sách *Trung-dụng* gọi là « thành-kỷ 成己 » ; « trị-nhân » trong sách *Trung-dụng* lại nói rộng nghĩa ra mà gọi là « thành-vật » 成物. Tức là như trong luân-lý-học ngày nay nói *individual*

realization hay là *self-realization* là chỉ nghĩa « thành-kỷ », và *universal realization* là chỉ nghĩa « thành-vật » vậy. Loài người ta quả có thể vừa « thành-kỷ » lại vừa « thành-vật » được, thời đức người với đức Trời tương-hợp nhau, và *nhân* ấy chính là cái cơ mẫu-nhiệm trời người hợp-nhất vậy. Đã nói trời người hợp-nhất, thời học-thuyết của Khổng-tử không khỏi mang có một chút khí-vị tôn-giáo. Nhưng đó chẳng qua là cái khí-vị tôn-giáo mà thôi, ta quyết không thể nhân đó nói rằng Nho-giáo của Khổng-tử lập ra là một tôn-giáo vậy.

Khổng-tử trừ giảng về *nhân*, lại còn giảng về *nghĩa*. Xét về sự quan-hệ *nhân* với *nghĩa*, tất cả các học-giả về sau đều cho rằng Khổng-tử nói *nhân* là bao-hàm cả chữ *nghĩa* ở trong. Các nhà ấy chủ-trương như thế là có hai cái lý-do như sau này. Một lẽ là nói rằng *nhân* là một cái lý-tưởng tuyệt-đích, *nghĩa* chẳng qua là cái thủ-đoạn để đạt cái mục-đích đó mà thôi ; thế là *nhân* có bao-hàm *nghĩa* ở trong. Muốn giải cho tường-lẽ thời Khổng-tử nói *nhân* là chỉ cái lòng « yêu » (ái) bình-đẳng không sai-biệt, tức là lòng *bào-ái*, mà Khổng-tử nói *nghĩa* là chỉ một cái nguyên-tắc có sai-biệt, như trong những câu « do thân cận sơ » 由親及疏, « do cận cập viễn » 由近及遠, v.v. ; xét một lượt thời hai cái tựa-hỗ không dung nhau ; nhưng kỹ-thực không phải thế. Khổng-tử đặt ra *nghĩa*, — là cái nguyên-tắc sai-biệt, — chẳng qua là một cái thủ-đoạn để thực-hiện *nhân*, — là cái nguyên-tắc bình-đẳng. Cho nên Khổng-tử chủ-trương sự sai-biệt không phải vì sai-biệt mà định sai-biệt, chính là vì bình-đẳng mà định sai-biệt. Vì có đó nên nhất-ban học-giả nói rằng Khổng-tử coi *nhân* là bao-hàm *nghĩa* ở trong.

Đó là lý-do thứ nhất của cái thuyết cho *nhân* là gồm *nghĩa*. Cái lý-do thứ nhì là Khổng-tử chỉ nói *nhân* là thiên-tính của nhân-loại, thời cái *nhân* ấy đem ra làm qui-phạm cho sự đạo-đức ở đời không đủ, tất phải lấy *nghĩa* để làm cái qui-tắc bổ-sung. Vì làm sao vậy? *Nhân* vốn là thiên-tính của người. Nhưng mà thiên-tính của người không phải chỉ hạn ở *nhân*; ngoài *nhân*, như cái bản-năng về động-vật (*instinct*), không thể không nhận là thuộc về thiên-tính. Cho nên nếu ta chỉ nói *nhân* thực-hiện ra tức là thiên-tính thực-hiện ra thời nói như thế có cái bất-tiện to. Vì rằng *nhân* thực-hiện ra đã là thiên-tính thực-hiện ra thời đồng-thời cái bản-năng về động-vật không thể cũng là thiên-tính thực-hiện ra được. Nói tóm lại, trong cái « bản-ngã » (tức tiếng Hi-lạp gọi là *ego*, tiếng Pháp là *moi*) của ta có gồm cả *nhân* và cả cái bản-năng về động-vật (*instinct animal*) — tức như Tổng-nho gọi là « thiên-lý » và « nhân-dục », — hai cái ấy thời *nhân* là « đại-ngã », « chân-ngã », mà cái bản-năng về động-vật là « tiểu-ngã », « giả-ngã ». Trong luân-lý thông-thường gọi là « tự-do » ấy là nói ta đem cái « đại-ngã », « chân-ngã » của ta mà thực-hiện ra, và đem cái « tiểu-ngã », « giả-ngã », nhất-nhất phải áp-phục. Nếu không thế thì không có thể gọi là tự-do chân-chính được. Cho nên giữa lúc cầu cho *nhân* thực-hiện ra, ta phải đối với *nhân* và bản-năng về động-vật khu-biệt cho rõ-ràng mới được. *Nhân* là cái ta phải nên thực-hiện ra, bản-năng về động-vật là cái ta không nên để cho thực-hiện ra. *Nhân* đã là cái ta thực-hiện ra, thời câu « nên thực-hiện » ấy tức là huộc về phạm-vi của luân-lý, tức là

cái bản-nghĩa của chữ *nghĩa* vậy. Bởi thế nên các học-giả chủ-trương rằng Khổng-tử nói *nhân* là bao-hàm cả *nghĩa* ở trong. Đó là hai cái lý-do của cái thuyết *nhân* gồm *nghĩa*. Khổng-tử nói *nhân* và Khổng-tử nói *nghĩa*, hai bên quan-hệ thế nào, tưởng kiến-giải như thế cũng là thỏa-đáng vậy.

Khổng-tử có lúc nói *nhân*, có lúc nói *nghĩa*, đó là một sự cố-nhiên. Nhưng Khổng-tử không từng bao giờ nói *nhân nghĩa* hai chữ gồm làm một. *Nhân nghĩa* tịch-xưng là đầu tự Mạnh-tử. Mạnh-tử nói *nhân nghĩa* liền là một, không phải là xuất tr ngẫu-nhiên, thật là có dụng-ý lắm. Về đời Mạnh-tử, Trung-quốc có phát-hiện ra nhiều những học-thuyết tân-kỳ, mà Mạnh-tử đối với những thuyết tân-kỳ ấy, đại-đề giữ cái thái-độ phản-đối cả. Các phái « Nông-gia », « Tung-hoàn-gia », v. v., đều bị Mạnh-tử bài-sích cả. Nhưng tựu-trung ông phản-đối mạnh nhất là học-thuyết của Dương Chu 楊朱 và học-thuyết của Mặc Dịch 墨翟. Nhân vì công-kích Dương Mặc hai họ, nên mới đem hai chữ *nhân nghĩa* tiêu lên để làm cờ-biểu. Xét rõ về học-thuyết hai họ ấy thời Mặc-tử chủ-trương sự « kiêm-ái » 兼愛. Mặc-tử gọi « kiêm-ái » là chỉ cái bụng yêu tuyệt-đối, không sai-biệt; không những thuộc về lý-tưởng chủ-trương sự bác-ái bình-dẳng, mà thuộc về thực-sự cũng chủ-trương không phân sai-biệt về gần xa thân sơ. Cho nên lời bàn của Mặc-tử, cứ lý-tưởng mà xét, tuy cùng với mỗi *nhân* của Khổng-tử không phải là không giống, nhưng cứ cái trình-tự của *nhân* thực-hiện ra mà xét thời có khác nhiều, là vì Mặc-tử thời chủ-trương ra thực-sự cũng bình-dẳng, mà Khổng-tử thời chủ-trương ra thực-sự có sai-biệt. Mà Khổng-tử chủ-trương ra thực-sự có sai-biệt

tức trong học - thuyết Khổng-tử gọi là *nghĩa*. Cho nên cứ con mắt nhà nho mà xét, có thể nói là Mặc-tử có *nhân* mà không có *nghĩa*, và nhân vì có *nhân* mà không có *nghĩa*, nên *sở-vị nhân* cũng chưa được là hoàn-toàn. Đó là một lẽ *sở-dĩ* Mặc-tử cùng xưng hai chữ *nhân nghĩa* liền với nhau. — Đến như học-thuyết của Dương Chu, thời cái tư-tướng căn-bản có thể phân ra hai tầng mà xét. Tầng thứ nhất là Dương Chu chủ-trương rằng loài người là được trời đất hoàn-toàn ủy hình cho, nhân thể được trời đất hoàn-toàn chỉ-huy và chi-phối, loài người không có một chút năng lực sáng-tạo tự-do gì cả. Tầng thứ nhì là lý-tưởng của Dương Chu là thuộc về đời sinh-hoạt hồi nguyên-thủy, còn chất-phác và chưa có văn-hóa (nói là sinh-hoạt — *life* — *vie* — có lẽ nói là sinh-tồn — *existence* — đúng hơn). Nhân vì cái tư-tướng căn-bản của Dương Chu như thế, nên ông cho rằng người ta có thể đạt tới cõi lý-tưởng, tuyệt-nhiên không phải nhờ đến sự sinh-hoạt của xã-hội, mỗi người cứ vị mình mà làm. Ông trọng sự sai-biệt tuy cũng có hơi giống với Khổng-tử *sở-vị nghĩa* một chút, nhưng thuộc về phương-diện lý-tưởng ông lại tương-phản hẳn với Khổng-tử *sở-vị nhân*. Tức là cái lý-tưởng của Dương-tử là ở sự sinh-hoạt của cá-nhân, mà lý-tưởng của Khổng tử là ở sự sinh-hoạt của xã-hội. Cho nên lấy con mắt nhà nho mà xét thời có thể nói là Dương-tử có *nghĩa* mà không có *nhân*, nhưng vì có *nghĩa* mà không có *nhân* nên *sở-vị nghĩa* cũng chưa được hoàn-toàn. Đó lại là một lẽ nữa Mặc-tử *sở-dĩ* cùng xưng hai chữ *nhân nghĩa* liền nhau. Nói tóm lại, Mặc-tử tịnh-xưng *nhân-nghĩa* chỉ là để công-kích các thuyết khác và biểu-minh nho-học mà thôi. Đời bấy giờ thuyết của Dương Mặc có thể lực lắm, nên Mặc-

tử đặc-địa tiêu hai chữ *nhân - nghĩa* đề bài-sách lại. Cho nên có thể nói rằng hai chữ *nhân-nghĩa* ấy là cái hiệu cơ của Mặc-tử tiêu lên đề-biêu-thị cái chân-nghĩa của Nho-giáo vậy.

Nhân-nghĩa đã là cái tư-tướng căn-bản của Khổng Mạnh, ta nay nên đem hai mỗi ấy làm gốc mà thảo xét các chủ-nghĩa đời nay, *tướng* cũng là một việc có hứng-thú vậy.

Trước hết ta hãy lấy cái Khổng Mạnh *sở-vị nghĩa*, — là cái nguyên-tắc sai-biệt — cùng với chủ-nghĩa cá-nhân kết-hợp, rồi ta mới lấy cái Khổng Mạnh *sở-vị nhân*, — là cái nguyên-tắc bình-dẳng, — cùng với cái chủ-nghĩa gia-tộc kết-hợp. Cứ chủ-nghĩa cá-nhân mà bàn cố-nhiên có nhiều điều lưu-tệ, thường bị người ta công-kích; nhưng cái chân-nghĩa của chủ-nghĩa cá-nhân cực là hay. Cái bản-ý của chủ-nghĩa cá-nhân là nói rằng người ta ở đời, mỗi người phải nên truy-câu cái mục-dịch của mình, không nên làm những thủ-đoạn của người khác. Trong đoạn Mặc - tử luận về kiêm-ái không hại đến lòng hiền, nói rằng yêu cha mẹ người tức là yêu cha mẹ mình, thế là lấy yêu cha mẹ người làm cái thủ-đoạn yêu cha mẹ mình; thật là trái hẳn với cái chân-nghĩa của chủ-nghĩa cá-nhân. Ngoài Mặc-tử lại còn như phái «Pháp-gia» thường-thường chủ-trương cái chính-sách ngu-dân, cho rằng binh-dân không cần phải giáo-dục, chỉ bọn quý-tộc với các hàng thượng-lưu-xã-hội mới nên có giáo-dục, thế là đủ trị nước bình thiên-hạ. Những học-thuyết ấy cùng với học-thuyết Khổng Mạnh chủ-trọng về thiên-ý dân-tâm, thật là không giống. Khổng Mạnh là chủ-trương sự giáo-dục phổ-cập, đối với mỗi người đều cho tôn-trọng tương-đương. Thử ngoại lại còn như phái Yển - Anh 晏嬰, chủ-trương cái thuyết «chức-nghiệp-thế-lập», lấy rằng cha làm nông thì con cũng làm nông, cha làm công thì con cũng phải làm công, sĩ thời con cháu đời đời làm sĩ, thương thì con cháu đời đời làm thương. Chủ-trương như thế thật là

đoạt cả cái quyền tự-do chọn nghề-nghiệp của mỗi người, cho nên trái hẳn với chủ-nghĩa cá-nhân mà cũng không hợp với cái ý Khổng Mạnh thừa-nhận cho mỗi người được tự-do kén chọn nghề-nghiệp của mình. Cứ như trên kia đã nói, phái Tò Mặc và phái Pháp-gia nghị-luận có nhiều điều trái với cái chân-nghĩa của chủ-nghĩa cá-nhân, mà chữ *nghĩa* của Khổng Mạnh thời có thể tương-dung với cái chân-nghĩa ấy. Đến như chủ-nghĩa cá-nhân có lưu-tệ, thời đó là sự cố-nhiên, không thể tránh được; nhưng mà cái lưu-tệ của chủ-nghĩa cá-nhân với cái chân-nghĩa của chủ-nghĩa cá-nhân, hai đáng là khác, không thể hợp lại mà bàn được. Phàm các chủ-nghĩa, chẳng qua là biểu được một mặt chân-lý mà thôi, quyết không thể biểu được cả toàn-bộ chân-lý. Vì có người đem một chủ-nghĩa nào mà xét cả toàn-bộ chân-lý, thời thật là lầm, thật là lầm to. Chủ-nghĩa cá-nhân đã như thế, nếu ta xét toàn-bộ chân-lý về chủ-nghĩa ấy, thời trăm điều lưu-tệ xuất ra; nhưng nếu ta chỉ lấy cái phần sở-trường mà xét về một mặt chân-lý, thì thấy có ích mà không có tệ. Học-thuyết của Khổng Mạnh như thế thì có thể phù-hợp với cái chân-nghĩa của chủ-nghĩa cá-nhân, mà không theo đến cực-đoan của chủ-nghĩa ấy. Từ trên là nói về *nghĩa* cùng với chủ-nghĩa cá-nhân kết-hợp. Nay lại bàn về *nhân* cùng với chủ-nghĩa gia-tộc kết-hợp. Ta đã lấy chủ-nghĩa cá-nhân là thuộc về *nghĩa* — sai-biệt, — thì thuộc về *nhân* — bình-đẳng — ta có thể nói đến chủ-nghĩa gia-tộc, là vì chủ-nghĩa cá-nhân sánh với chủ-nghĩa gia-tộc có ý thiên về đường sai-biệt, mà chủ-nghĩa gia-tộc sánh với chủ-nghĩa cá-nhân thời lại có ý thiên về đường bình-đẳng. Bàn đến chủ-nghĩa gia-tộc, nếu bàn tới cực-đoan, thì cố-nhiên là có điều lưu-tệ. Nhưng vì chủ-nghĩa gia-tộc có một đôi khi lưu-tệ, mà quyết rằng phạm chủ-nghĩa gia-tộc nhất-định bao giờ cũng lưu-tệ thì không được. Chủ-nghĩa gia-tộc cùng với chủ-nghĩa cá-

nhân không có xung-đột nhau, là vì chủ-nghĩa cá-nhân chủ-trương cho cá-nhân được phát-siễn và tự-do, mà chủ-nghĩa gia-tộc thì cầu cho gia-tộc được phát-đạt, tất đối với các phần tử của gia-đình phải cần được phát-siễn và tự-do, cho nên cái chủ-nghĩa gia-tộc chân-chính có thể nói là lấy cái chủ-nghĩa cá-nhân chân-chính làm tiền-đề. Chủ-nghĩa gia-tộc và chủ-nghĩa cá-nhân điều-hòa với nhau thật là thực-hiện được mỗi *nhân-nghĩa* của Khổng Mạnh một tầng thứ nhất vậy.

Ta lại tiến lên một tầng, lấy chủ-nghĩa gia-tộc làm gốc mà xét thời chủ-nghĩa gia-tộc có thể cùng với mỗi *nghĩa* — là sai-biệt — kết-hợp. Làm sao vậy? Là vì chủ-nghĩa gia-tộc sánh với chủ-nghĩa cá-nhân thời là thuộc về bình-đẳng, nhưng mà lấy cái bản-thân của chủ-nghĩa gia-tộc mà bàn thời mỗi gia-tộc thuộc về đơn-vị, cho nên khi xuất-phát ra tức là thuộc về phương-diện sai-biệt. Cái bản-ý của chủ-nghĩa gia-tộc là mỗi gia-tộc phải nên thực-hiện cái lý-tưởng của mỗi gia-tộc, cũng như chủ-nghĩa cá-nhân là chủ-trương thực-hiện cái lý-tưởng của cá-nhân. Lý-tưởng của cá-nhân là « nhân-cách », lý-tưởng của gia-tộc là « gia-cách », hay là « gia-phong. » Các phần-tử của mỗi gia-tộc có thể thực-hiện được lý-tưởng của mỗi gia-tộc thì chủ-nghĩa gia-tộc được hoàn-toàn. Nhân thế, chủ-nghĩa gia-tộc cứ bản-thân mà xét, có thể cùng mỗi *nghĩa* kết-hợp. Nay ta đã đem chủ-nghĩa gia-tộc đặt vào phương-diện sai-biệt, thời thuộc về phương-diện bình-đẳng ta có thể đem chủ-nghĩa quốc-gia để so-sánh. Nói khác đi thời chủ-nghĩa gia-tộc đã kết-hợp với *nghĩa*, chủ-nghĩa quốc-gia có thể kết-hợp với *nhân*. Chủ-nghĩa quốc-gia ngày nay nhiều người phản-đối, cho rằng không hợp thời, cho rằng thuộc quá-khứ. Nhưng mà phạm chủ-nghĩa đều có chỗ sở-trường, có chỗ sở-đoán, chỗ sở-trường thời nên chỉ-trích, nhưng chỗ sở-đoán cũng không nên mặt-sát. Sau khi chiến-tranh ở Âu-châu,

tôi có từng sang Âu-châu khảo-sát, thấy người Âu ngày nay đều thiên-hướng về chủ-nghĩa quốc-gia; thời-đại này lại chính là thời-đại quốc-gia-chủ-nghĩa. Chẳng qua là chủ-nghĩa quốc-gia, nếu để cho tới cực-đoan, thời dễ sinh ra lưu-tệ. Phàm quá trọng chủ-nghĩa quốc-gia, thường thường hay thiên cho pháp-luật là chi-thượng, quốc-gia là chi-thượng, quyền chuyên-chế là tuyệt-đối. Chủ-trương những chủ-nghĩa quốc-gia cực-đoan như thế, thời trong tâm-mục chỉ biết có quốc-gia, chỉ biết có pháp-luật, đối với sự tự-do, sự phát-siễn của nòi-thiết-nhân-dân cá-nhân, đều không cho vào đầu cả. Song đó chẳng qua là chủ-nghĩa quốc-gia đem đến cực-đoan mà sinh ra tệ-hại, quyết không phải nhất-thiết chủ-nghĩa quốc-gia đều đến tệ-hại cả, người thức-giả phải nên nhận kỹ rồi hãy theo. Ở đoạn trên ta đã nói cá - nhân phát-đạt là bước thứ nhất cho gia - tộc phát-đạt; nay cũng thế, gia-tộc phát-đạt tức là bước thứ nhất cho quốc-gia phát-đạt. Cho nên chủ-nghĩa gia-tộc chân-chính cùng với chủ-nghĩa quốc-gia chân - chính, không những không xung-đột nhau, mà lại bổ-lần nhau cho thành. Chủ - nghĩa gia-tộc và chủ-nghĩa quốc-gia điều-hòa với nhau thật là thực-hiện được mỗi *nhân nghĩa* của Không Mạnh một tầng thứ ba vậy.

Sau hết, ta lại lấy bản-thân của chủ-nghĩa quốc - gia làm gốc mà xét, thời chủ-nghĩa quốc-gia có thể cho là thuộc về phương - diện sai-biệt. Mỗi quốc-gia đều mỗi có lý-tưởng, mỗi có tinh-thần. Quốc-gia này với quốc-gia kia lý-tưởng không giống, chính cũng như gia-tộc này với gia-tộc kia, cá-nhân này với cá-nhân kia, lý-tưởng không giống. Cho nên chủ-nghĩa quốc-gia có thể cùng với mỗi *nghĩa* kết-hợp. Chủ-nghĩa quốc-gia đã kết-hợp với mỗi *nghĩa*, thời tiến lên một tầng mỗi *nhân* có thể kết-hợp

với chủ-nghĩa quốc-tế (*internationalisme*). Chủ-nghĩa quốc-tế, ý-nghĩa hãy còn mập-mờ. Người đời thường lẫn với chủ-nghĩa thế-giới. Song hai cái thực là khác nhau lắm. Làm sao vậy? Chủ-nghĩa thế-giới là cho thế-giới là nhất-thề, đối với các quốc-gia tồn-lập hoán-toàn gia-di không công-nhận. Chủ-nghĩa quốc-tế thì không thế, lấy quốc-gia làm đơn-vị để lập thành đoàn-thể quốc-tế, cho nên lấy sự thừa-nhận quốc-gia tồn-lập làm tiền-đề. Cho nên chủ-nghĩa thế-giới tuy cùng với chủ-nghĩa quốc-gia không tương-dung, nhưng chủ-nghĩa quốc-tế cùng với chủ-nghĩa quốc-gia chân - chính có thể cùng nhau điều-hòa được. Là vì chủ-nghĩa quốc-tế nhất-diện hết sức cầu cho nước mình phát-đạt, nhất-diện lại mong cho các nước cũng được phát-đạt. Trong phương-diện quốc-gia, vì có một nước nào tình-trạng không được hay, trật-tự không được tốt, thời chủ-nghĩa quốc-tế tuy hay mà không thể thực-hiện được trọn vẹn. Chủ-nghĩa quốc-tế ấy cùng với chủ-nghĩa quốc-gia ấy điều-hòa với nhau, chính là thực-hiện được mỗi *nhân nghĩa* của Không Mạnh một tầng thứ ba vậy.

Nói tóm lại, *nhân nghĩa* của Không Mạnh có thể gồm được bốn cái chủ-nghĩa lớn đời nay điều-hòa với nhau: chủ-nghĩa cá-nhân, chủ-nghĩa gia-tộc, chủ-nghĩa quốc-gia, chủ-nghĩa quốc-tế; mà bốn chủ-nghĩa ấy có điều-hòa với nhau thời *nhân nghĩa* của Không Mạnh mới có thể thực-hiện. Cái tư-tướng điều-hòa bốn cái chủ-nghĩa ấy, cùng sự thực-hành cái tư-tướng ấy là thuộc về trách-nhiệm của các dân-tộc Đông-Á. Mà cũng chỉ có các dân-tộc Đông-Á mới làm được việc đó mà thôi. Cái công-to của các dân-tộc Đông-Á đối với văn-hóa thế-giới sau này, chính là ở đó vậy.

THƯỢNG-CHI DỊCH

PHÁP-DU HÀNH-TRÌNH NHẬT-KÝ (1)

XVIII

Thứ bảy, 17 tháng 6

3 giờ chiều hôm nay đi xem « Nghĩ-sĩ-từ » ở Nogent-sur-Marne, cách thành Paris về phía Đông chừng mười cây-lô-mét. Đây là nơi kỷ-niệm những quân-sĩ An-Nam bị tử-trận ở Pháp trong hồi chiến-tranh vừa rồi. Chỗ này chính là vườn thí-nghiệm các cây-cỏ thuộc-địa; nguyên khi Đẩu-xảo Thuộc-địa ở Marseille năm 1906 có làm một cái nhà gỗ kiểu An-Nam để dẫu - xảo, gọi là « cái nhà Thủ-dầu-một », xong cuộc Đẩu-xảo thì nhà ấy đem từ Marseille về đây, dựng ở giữa vườn để làm như một cái phòng thí-nghiệm về thực-vật-học. Kịp đến khi chiến - tranh, Bộ Thuộc-địa định sửa-sang lại, làm một nơi để kỷ-niệm các quân-sĩ Việt - Nam đi tòng-chính mà chẳng may bị chết trận ở bên này, giao cho Hội « Đông - Pháp Kỷ - niệm » (*Le Souvenir indochinois*) có quan nguyên Học - chánh GOURDON đứng đầu trông nom. Bảy giờ thời nghỉm-nghỉm là một cái đền thờ vậy. Dưới trời Tây mà phảng - phất có một nơi miếu-mạo như bên ta, nhác trông thấy lòng quê luống những bồi - hồi. Giá được vài cây đa, cây đề, cây muôm, cây gạo ở trước sân, hay một lũy tre nữa ở đằng sau thời hết như ngôi đình bên mình. Hồn tử-sĩ ở miền mình-mạc, ví còn quanh-quất đâu đây, tưởng cũng hay đi lại chốn này để mơ - màng trước cái bình - ảnh tổ - quốc ở nơi khách - địa cho bớt nỗi thương nước nhớ nhà. Vào đến trong đền thời hương-ân chính-lễ, hương - hoa ngào-ngạt, trưởng-đối rủ-rẻ. Lại kia bức

hoành-phi của Hội Khai - Trí gửi tặng năm xưa, bốn chữ 越南血痕 (Vết máu người Nam) nét vàng còn trời - lợi mà mặt gỗ đã nứt - gạn. Thường-thường những đồ sơn đồ gỗ của mình đem sang Tây hay nứt như thế, là vì khí trời bên này khô-hạnh, không ẩm-thấp như bên ta, phải dùng thứ gỗ thật khô mới chịu được.

Trong anh em có ông khéo kiếm được một thẻ hương và nhớ mua được bao nên đem từ Paris đi, mỗi bàn thờ thấp mấy nén hương, đốt một cây nến, rồi cúi vái, gọi là tỏ tấm lòng mỗi người thương tiếc kẻ đồng-bào. Ôi ! giọt máu người Nam, nên ơn Đại-Pháp; dẫu sánh với sự hi-sinh của con em quí-quốc chưa thấm vào đâu thật, nhưng vượt bề xa khơi, đem thân từ mấy nghìn tròng mà đến bỏ ở nơi chiến - trường đây, nào biết việc thế-giới thế nào, thù nước Đức là chi, chẳng qua nghe lời Bảo-hộ, tin lòng Bảo-hộ, tình - nguyện ra đi, mong lập công - danh với đời, để rửa tiếng con nhà Hồng-Lạc, lòng can-đảm ấy, chí kiên-gan ấy, dù không oanh-oanh liệt - liệt cũng đáng kính-phục cảm-thương. Kia những tay anh-hùng võ-sĩ nước Pháp kia, liệu mình ở nơi tử-địa, chết là biết rằng vì nước mà chết. Chứ còn các anh em đồng-bào ta, bỏ làng bỏ nước, bỏ vợ bỏ con mà sang đây, khi bước chân ra đi, trong bụng nghĩ thế nào ? Tưởng phần nhiều anh em cũng là người quê-mùa, mộc-mạc, chất-phác, thật-thà, lúc đi cũng chẳng nghĩ-ngợi xa-xôi gì, chẳng qua là thuận cái lòng khuynh-hướng tự-nhiên của

(1) Xem N.-P. từ số 58.

nòi-giống, dù mạo-hiêm mặc lòng, muốn cố đi mà tìm kiếm lấy một lối sinh-hoạt rộng - rãi hơn. Nhưng cái lòng khuyển-hướng ấy tức là cái sức « bản-năng » (*instinct*) của giống-nòi ta, đời đời đã khiến cho dân-tộc Việt-Nam ngày một bành-trướng trên cõi bán-đảo Ấn-độ-Chi-na kia, nguyên phát - tích từ phía nam nước Tàu mà dần-dần lau khắp cả các đồng bằng rừng núi, thung-lũng cao-nguyên, tự vịnh Bắc-kỳ cho đến vịnh Xiêm-la, cơ-hở muốn ngập cả Xiêm, nuốt cả Lào vậy. Sức « bản-năng » ấy, tuy là một sức « sinh-hoạt » nhưng cũng là một sức mạo-hiêm, mà rút lại cũng là để phát-siễn cái tiềm-lực của giống-nòi. Cho nên anh em bỏ làng bỏ nước, bỏ vợ bỏ con, mà đến đem xương gửi nước người, dầu thời-thế có khác, sự-tình có khác, mà lòng mạo-hiêm không khác với tổ-tiên đời trước trèo đèo lặn suối để khai-thác cho nước Nam nhà. Mà anh em thuận cái sức « bản-năng » của nòi - giống đến mạo-hiêm như thế, là anh em cũng có công với nước nhà, lại vừa có công với Bảo-hộ, có công với Bảo-hộ tức là có công với nước nhà đã dành, nhưng còn có công riêng với nước nhà nữa là nuôi được cái sức mạo-hiêm của tổ-tiên, không đến nỗi để cho tuyệt-diệt vậy. Như thế là anh em dầu què-mùa mọt-mạc mà thật còn hơn chúng tôi đây, chẳng qua là một giống yếu vắn, một giống mọt sách, đời đời đem cái tư-cách vắn-nhược mà làm cho còm-cổ cả giống-nòi. Có lẽ anh em cũng không từng nghĩ đến những lẽ đó, những kẻ thức-giá phải nghĩ đến mà phải hiểu cái ý-nghĩa thâm-trầm của sự hi-sinh của anh em, tức là phải biết công cho anh em vậy.

Ấy trong khi dạo xem đền kỷ-niệm, xem hết trong đền xem đến ngoài vườn, có dựng một tấm bia kỷ-niệm riêng cho những chiến-sĩ theo đạo Gia-tô không

thờ trong đền, trong lòng vợ-văn như thế. Mãi đến chiều anh em mới tho-thần ra về.

Khi về có rẽ vào rừng Vincennes. Rừng này cũng như rừng Boulogne, là một nơi đi chơi mát của người Paris. Bên ta không có những « rừng chơi » như thế này, chỉ có những « rừng hoang », « rừng rậm » ; nói đến rừng là nghĩ ngay đến những nơi ma thiêng nước độc, thù dữ người mường. Rừng bên ta là « rừng nhiệt - đới » (*forêt tropicale*), là tổ hồ beo, là hang sốt rét ; tuy cũng là cái kho lâm-sản quý-báu, nhưng không phải là chỗ sống người, lại quyết không phải là chỗ cho người ngao-du. Rừng đây là rừng ôn-đới, chẳng qua là cái vườn cái trại lớn, đủ có vẻ sầm-tịch cho người ta được hưởng cái thú lâm - tuyền, nhưng không sầm-tịch quá đến u-uất lặng-lẽ khiến cho người ta ghê-sợ. Chung-quanh thành Paris thường có những nơi rừng như thế, những ngày mùa hè nóng-nực, hay những buổi chủ-nhật tạnh-ráo, người thành-phố đến chơi đông lắm. Ở giữa rừng Vincennes này có một trường tập bắn của pháo-binh. Ngoài cửa rừng trông ra ngoài phố thì có một cái lâu-thành cổ, xưa làm pháo-đài, nay làm trại lính, kiến-trúc kiên-cố mà qui-mô hùng-vĩ, thật là một kiểu thành cũ đẹp nhất ở nước Pháp. Tiếc vì có binh - lính đóng, khách du-lịch không thể vào xem khắp ở bên trong được. Nghe nói trong thành có một sở bảo-tàng bày những đồ cổ của nhà binh, có cho khách xem, nhưng hôm nay quá giờ rồi.

Tối hôm nay có hẹn lại ăn cơm ở nhà ông P., đường Saint - Germain. Ông hiện làm quản-lý công-ti « Đông-Pháp và Phi-châu Tổng-Thương-cục » (*Union commerciale indochinoise et africaine*), tức là sở chính của nhà « Gô-da » Hà-nội ta. Vào khoảng năm

1908, chính ông đã làm quản-lý nhà « Gó - đa » bên ta mấy năm, nên ông vẫn nhớ bên An-Nam lắm, hôm gặp ở tiệm « Công-Thương ủy-lợi » có ý ăn-cần hỏi-hạn và hẹn-hò đến nhà chơi đề giới-thiệu cho bà vợ, ông em và hai cô con gái biết, vì ông đã từng nghe mình diễn-thuyết ở trường thuộc-địa mấy tuần trước. Bà vợ người nhã-nhặn vui-vẻ lắm; hai cô con thì có lớn sắp ra thi tú-tài kỳ này, có nhỏ thì chính sinh ở bên ta năm trước, nhưng hai cô cũng không còn nhớ gì về bên An-Nam mấy tí nữa; còn một cậu con nhỏ nữa cũng đương đi học. Trước khi về nhà riêng, ông P. có hẹn đến chỗ hội-sở ông gần đường *Royale* để cùng lại bộ Lao-dộng (*Ministère du Travail*) tiếp chuyện và đón ông em ông làm sánh-trưởng ở đấy, rồi cùng về nhà nhậu thề. Chức sánh-trưởng trong một bộ (*Directeur de ministère*) cũng là một chức to, gần bằng như tham-trì thị-lang trong Bộ ta. Ông này lại có chân « Tham-chính-viện » (*Conseil d'Etat*), kể cũng là một bậc quan-lại danh-giá. Người có học-thức rộng và am-thông việc chính-trị lắm. Chuyện-văn ít lâu, rồi ba người cùng về nhà riêng ông P. ở đường *Saint-Germain*. Tiệc chỉ có mình là người lạ, cả nhà xúm lại nghe chuyện bên An-Nam; hai ông bà thì nhắc lại chuyện cũ, lại hỏi về những sự thay-đổi trong khoảng mười năm nay; hai cô và cậu con thì nghe ra dáng có ý-tử lắm, như nghe giảng một bài địa-dư vậy, thỉnh-thoảng hỏi một vài câu di-dóm cũng buồn cười, nhất là cô lớn lại có vẻ phong-vân hữu-tình lắm, tưởng giá chuyển này ra thì vào kỳ vấn-đáp được hỏi về bên An-Nam, có chắc biết được nhiều điều hơn chị em, không sách nào có, và bây giờ có lẽ cũng nhờ đến anh thầy giáo tỉnh-cờ ở đầu lại nói chuyện cho mình nghe. Nhưng hiện nay con mắt mơ-màng có đương nghĩ-ngợi gì? Có lẽ

hồi-tưởng đến thửa nhỏ ở bên An-Nam chăng? Nhưng có sở biết người An-Nam bây giờ chắc chỉ mới biết thằng bồi Ba, thằng bếp Tư, thằng xe Năm mà thôi, chứ đã biết người An-Nam là giống gì. Nay nghe chuyện như phảng-phất mơ-màng, cảnh cũ tình nay, giao-cảm trong lòng, cũng khó biết được có nghĩ-ngợi gì. Nhưng mà con mắt hữu-tình thay! Miệng cười có duyên thay! Không có cái vẻ đường-dột tự-do như các cô con gái Tây khác, lại có cái vẻ dịu-dàng thùy-mị như một vị tiên-thư khuê-các ở Đông-phương. Bây giờ mình mới biết cái ý-nhi phong-thú của con gái Ba-lê... Ông sánh-trưởng thì nói chuyện chính-trị, chuyện giáo-dục, tỏ ra một người có ý-tưởng rộng-rãi; ông xưa nay không nghiên-cứu về việc thuộc-địa, nhưng ông nói nước Pháp ở thuộc-địa phải có một cái chính-sách khoan-dung đại-độ, hợp với nhân-dạo, thời mới thoả lòng những bậc tấn-thân và thiếp được dư-luận trong nước. — Mãi đến mười-một giờ mới cáo-từ ra về.

Chữ-nhật, 18.

Hôm nay gặp ông B. học-trò trường Thuộc-địa, rằm thứ nhì, ban Đông-Pháp. Ông sắp thi lên lớp nhất (năm thứ ba). Sang năm mà đỗ tốt-nghiệp thì sẽ được bổ sang làm quan cai-trị ở bên ta. Bây giờ sẽ là một vị quý-quan sang-trọng, có lẽ chẳng nhớ hay là chẳng muốn nhớ đến anh em mình nữa. Nhân ông nghe mình diễn-thuyết ở trường hôm nọ, muốn làm quen, cho nên hôm nay hẹn đến trọ chơi, đưa cho xem mấy tờ báo có bích-phẩm về bài diễn-thuyết của mình. Tính vui-vẻ, hay nói đùa. Mà có một cái tài lạ, là chưa sang bên ta bao giờ, chỉ học tiếng An-Nam ở bên Tây mà nói đã sỏi lắm, hát được bằng tiếng ta, nhíp *Tứ-đại-cảnh*! Hỏi ra mới biết rằng khi chiến-tranh ông có được ở gần

lính An-Nam, nên có dịp tập nói tiếng ta nhiều. Hạng này mà sang làm việc bên ta thì sành lắm đấy, có lẽ sành hơn ... quan An-Nam. Cũng là một tay « hách » sau này đó.

4 giờ chiều hôm nay, quan Thượng-thư SARRAUT và ông nghị-viên OUTREY tiếp các phái-viên Nam-Bắc-kỳ ở Kinh-tế-cục đề giới-thiệu cho ông nghị-trưởng Hạ nghị-viên RAOUL PERET. Nhân có đặt một cuộc chớp bóng các « phim » về Đông-Pháp, tân-khách mới đến xem đông lắm, toàn là những nhân - vật thuộc về « thuộc-dịa-giới » (*les milieux coloniaux*), nghĩa là những người trong các giới mà có quan-hệ gần xa đến các thuộc-dịa, như nghị-viên, nhà báo, các nhà công-thương, các quan binh, các quan-lại thuộc-dịa, v. v.. Tức cũng là một cách quảng-cáo cho Đông-Pháp, và thứ nhất là quảng-cáo riêng cho ... quan Thượng và ông Nghị ta. Các phái-viên hôm nay phần nhiều áo gấm cả. Đúng giờ ông nghị-trưởng đến, các phái-viên đứng giép ra hai bên đón chào, rồi một ngài phái-viên Nam-trung thay mặt anh em đọc một bài chúc mừng, mình đứng xa cũng không nghe được câu gì cả. Nghe đâu bài này là ông nghị Nam-kỳ đã soạn sẵn cho học thuộc lòng, đại-khái cũng là tỏ cái lòng rất kính - trọng ông nghị-trưởng, rất trung-thành với Đại-Pháp. Chính cuộc nghênh - tiếp ông nghị-trưởng hôm nay cũng là tự ông OUTREY xướng ra. Nhân bữa đi thăm cố-hương đức cha Bách-da-lộc, ông có tra trong gia-phả đức-cha thấy họ PERET cũng có họ xa với đức-cha, ông bèn mượn sao lấy cả thiên gia-phả, và định hôm nay mời ông nghị-trưởng RAOUL PERET đến đề tặng ông bản sao ấy ở giữa chỗ công - đồng, tỏ ra rằng ông cũng có quan - hệ với Đông - Pháp. Thật như phương-ngôn ta nói rằng : *Thấy người sang thì ...* Nhưng mà nghĩ cũng là

một cách thù-tặc khéo. Người ta ở đời muốn cho tiến-dật chỉ cần phải thạo những cách đó là đủ. — Trong đám đông các tân - khách, mình lại được gặp ông đốc trường Thuộc-dịa, chính là anh em họ với ông nghị Nam - kỳ, đứng nói chuyện giờ lâu, có cả bà vợ, người con gái và người con rể, thấy đều phẩm-bình về bài diễn-thuyết của mình bữa trước. Ông nói rằng ông thật không ngờ cuộc diễn-thuyết ấy có đặc - sắc 'như thế, vẫn tưởng rằng người An-Nam nói thời không khỏi ra ngoài những câu tán-tụng thường, biết đâu lời thành-thực dễ cảm người và nhiều chỗ nói thật mà không mất lòng, ông cho là khéo. Mình nghe được lời khen như thế, đâu không đến nỗi ổn mũi ra, nhưng trong bụng cũng thích, — nhân-tình ai chẳng thế? — định về trọ bên vào nhật-ký cho nhớ, vì xem ra ông này nói cũng thực - tình, chứ không phải là lời dãi-bôi.

Thứ hai, 19.

Gặp quan Đại-tướng P. Ngài chỉ cho các chỗ nên đi xem ở *Paris*, lại hứa sẽ giới-thiệu cho mấy ông nghị-viên.

3 giờ chiều cùng với cậu H. Đ. D., học-sinh trường Thuộc, đến thăm Bà lớn SARRAUT ở nhà riêng, đường *La-tour-Maubourg*. Nguyên khi ở Hà-nội đi, lệnh-tể là quan Chánh Liêm-phóng ở Phủ Toàn-quyền có cho giấy giới-thiệu, nên bữa này đến chào Bà-lớn. Quan Thượng-thư và Bà-lớn không ở Bộ, vẫn ở nhà riêng. Bà-lớn ân-cần hỏi-han, nói rằng vẫn nhớ bên An-Nam lắm, khen người An-Nam là một dân-tộc khôn-khéo, chăm-chỉ và có tính thuần-thục, dễ thương.

Thứ ba, 20.

Ông F. là chánh Công-ti Rượu Đông-Pháp có mời các phái-viên về ăn cơm trưa ở nhà riêng ông ở làng *Torsy, Seine-et-Marne*, cách *Paris* 25

cây-lô-mét. Sáng sớm cho mấy cái ô-tô đón anh em cùng đi. Cái biệt-thự của ông đẹp lắm, đặt tên là *Ees Charmelles*, chung quanh có cái trại mấy mẫu trồng các hoa quả. Hoa hồng không biết đến mấy chục thứ, quả hạnh (*cerises*) thời nặng trĩu trên cành, kể hàng mấy trăm gốc cây. Lại có đặt nhà « ôn-thất » (*serres*) để trồng các thứ hoa cỏ lạ ở nhiệt-đới. Trong vườn giữ sạch như li như lai, không có một cái lá rụng, một cái cành khô. Ông nói mỗi năm kinh-phí về cái trại này tới mấy chục vạn quan. Tính ông thích làm vườn, những khi nhàn-hạ thường ra trồng cây xới đất, cho là một cách thể-thao tốt. Ông được tiếp anh em lấy làm vui-vẻ lắm, vì phần nhiều là người ông đã từng quen biết bên An-Nam. Dự tiệc, ngoài ông và các phái-viên An-Nam đủ mặt cả, còn có ông em ruột ông làm đại-lý trong Công-ti, bà em dâu, và hai đứa cháu gọi ông bằng ông bác. Hai thằng bé ngộ quá, mình chơi đùa với chúng nó lại càng thêm nhớ đến lũ con ở nhà. — Tiệc xong, chuyện-văn giờ lâu, rồi ra ngoài vườn chụp mấy cái ảnh làm kỷ-niệm.

Chiều gặp hai ông D. và G. là hai người cán-sự trong Hội « Đại-Pháp Thuộc - địa - viện » (*Institut Colonial Français*), ở đường Volney. Khi còn ở *Marseille* hai ông đã viết thư mời mình về đến *Paris* thời lại chơi, có ý muốn mời diễn-thuyết ở Hội. Hôm nay hai ông cũng nhắc lại lời mời ấy, nhưng nói rằng đến cuối tháng tám hay đầu tháng chín các hội-viên mới đông-đủ cả. Mình không chắc còn ở đến bấy giờ không, nên không dám nhận. Và sang đây là để đi chơi cho biết đó biết đây, phải có rặng thì-giờ mới xem xét được, nếu cứ diễn-thuyết hoài thì thành ra chỉ đóng cửa ngồi trong buồng mà cầm cổ viết, còn thú gì nữa. — Hai ông lại nói rằng hội Thuộc-địa này là gồm

nước Pháp, có ý muốn khoáng-trương ra các thuộc-địa, lập các hội sép ở mọi nơi, hỏi mình có thể đương được việc cử-dộng cho Hội ở bên ta không. Khi ra về, có đưa cho nhiều những chương-trình, thể-lệ và giấy-má của Hội để về xem cho kỹ.

Thứ tư, 21

Gặp ông nghị-viên A. chủ tạp-chí *Revue du Pacifique* (Thái-bình-dương-tạp-chí). Ông này là người đồng-hạt với quan Toàn-quyền Long, mới được Nghị-viện cử xét về sở dự-toán Đông-Pháp, lại mới lập ra một tạp nguyệt-báo để nghiên-cứu về việc Á-Đông. Cũng là một tay sắc-xảo trong phái thuộc-địa ở Nghị-viện. Có người nói có ngày ông sẽ sang làm Toàn-quyền Đông-Pháp. — Buồng giấy ông ở cùng một nhà với Kinh-lễ-cục Đông-Pháp. Ông tiếp chuyện giờ lâu, hỏi-han các việc bên An-Nam; lại mời viết bài cho tạp-chí của ông.

Gặp Cô K., tổng-thư-ký hội « Đông-Phương Ái-hữu » (*Société des Amis de l'Orient*), ở viện Bảo-tàng Guimet. Mình đã hẹn làm một bài diễn-thuyết cho Hội này, trước khi dời *Paris*. Vậy bữa nay đến để định đầu bài và định ngày trước. Ngày thời định vào thứ tư mồng 5 tháng bảy mà đầu bài thời là nói về « Thi-ca Việt-Nam » (*La Poésie Annamite*). Đã không muốn nhận diễn-thuyết ở đầu nữa, nhưng Hội « Đông-phương » là một hội có tiếng, năm ngoài đã nghềh-tiếp ông văn-sĩ Ấn-độ TAGORE, nay mời đến mình, cũng là một sự danh-giá cho mình, nên cũng phải cố vậy. Thế là lại mất ba bốn ngày năm hăm trong buồng để soạn bài. Mà ở đây tài-liệu không có, sách-vở không có, soạn cũng khó. Chỉ có một quyển *Kieu*, tôi-tôi mấy anh em cùng trọ hợp nhau lại pha chế uống cùng ngậm với nhau mà thôi.

(Còn nữa)

P. Q.

CHUYỆN THÁI-TỬ SU-ĐÀ-NA

(Chuyện Phật)

Tôi được nghe kể rằng một hôm đức Thích-Ca ngồi ở Kỳ-dà-tĩnh-xá trong vườn Cấp-cô-độc, nước Sá-vệ, chung quanh có các ti-khưu, ti-khưu-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-gi cùng bốn bậc đệ-tử ngồi hầu. Thế-tôn mỉm cười thì có ngũ-sắc tường-vân. A-Đà-Nan tôn-giả đứng dậy đề sãi vai hữu ra, chấp tay qui xuống bạch rằng: « Tôi được theo Phật-tổ đã hai-mươi năm, chưa bao giờ thấy Phật-tổ cười như hôm nay. Phật-tổ nghĩ đến quá-khứ Phật, vị-lai Phật hay là hiện-tại Phật mà mừng chẳng? Đệ-tử không rõ, xin Phật-tổ giảng cho biết. » Đức Thích-Ca bảo A-Đà-Nan tôn-giả rằng: « Ta có nghĩ tới quá-khứ Phật, tương-lai Phật hay hiện-tại Phật đâu, ta sự nhớ đến mấy mươi vạn kiếp trước ta đã phát-tâm bồ-đề. » A-Đà-Nan tôn-giả lại bạch rằng: « Không biết Phật-tổ đã phát-tâm bồ-đề ra làm sao? » Đức Thích-Ca bèn kể rằng:

Xưa kia, không biết bao nhiêu kiếp mà kể được, có một nước lớn gọi là nước Sĩ-bì, vua cũng lấy tên là Sĩ-bì, trị nước rất mực công-bình, chớ hề có điều gì hại đến dân, trong triều có bốn nghìn vị quan, oai-quyền nhà vua ra tới sáu-mươi nước chư-hầu và tám trăm động, voi trắng có kẻ hàng năm trăm con; trong cung có tới hai vạn cung-tần, nhưng mà vua chưa có con trai. Vua cầu cúng hết các thần, đến cả thần sơn-xuyên. Sau một bà phi có thai, vua quý-hóa vô-cùng, giường chiếu, chăn màn vua truyền thay dùng toàn đồ tế-nhuyễn, đồ ăn đồ uống bắt kén chọn toàn những thứ ngon ngọt. Mãn-kỳ bà phi ấy sinh hạ được hoàng-nam.

Hai vạn cung-tần nghe tin hoàng nam xuất-thế, mừng quá, vú người nào cũng ứa sữa ra, bởi thế cho nên người ta đặt tên Thái-tử là Su-Đà-Na. Bốn người vú trông nom bầu-hạ Thái-tử: Một người cho bú, một người bế, một người tắm-rửa, một người ẵm giọng chơi. Khi Thái-tử mười-sáu tuổi thì thi, số, xạ, ngự, lễ, nhạc, đều thông-hiểu cả, thờ vua - cha và mẫu-hậu một niềm hiếu-thảo. Vua-cha quý lắm, dựng riêng một cung để Thái-tử ở.

Lúc Thái-tử còn nhỏ, đã có hằng-tám với hết mọi người, đến cả cầm-thú, muốn cho nhất-thiết chúng-sinh không thiếu-thốn gì bao giờ, được sung-sướng luôn.

Người ngu-xuân không chịu bồ-đề, cho sự bồ-đề là vô-ích, vì bởi có lòng tham-lam và biên-lận. Người hiền xuất-thế là hiền ngay rằng bồ-đề là một cõi phúc to. Những người từ-thiện là những người biết xưng-tán chư Phật, chư Đức-Giác-phật và chư La-Hán quá-khứ, tương-lai và hiện-tại.

Khi Thái-tử đến tuổi trưởng-thành, vua-cha kén Công-chúa Ma-Đà-Lý làm Hoàng-phi. Công-chúa Ma-Đà-Lý cũng là con một ông vua, người đẹp lắm, lại đeo nhiều đồ trang-diềm bằng ngọc, ngà, vàng, bạc.

Thái-tử sinh được hai con: một trai, một gái.

Thái-tử muốn tu bồ-đề ba-la-mật, bèn tâu với vua-cha xin đi chơi cho biết dân-tình. Vua-cha chuân-y thì Thái-tử ra ngoài Hoàng-thành ngay. Đức Đế-Thích hiện xuống hóa làm những người nghèo khổ, mù lòa, còm điếc, đứng đầy cả hai bên đường. Thái-

tử trông thấy toàn những cái khổ, quay xe về cung, buồn rầu quá, không sao nguôi được.

Vua-cha hỏi sao đi chơi về mà lại không được vui. Thái-tử tâu rằng : « Muốn tâu phụ-hoàng, khi nhục-nhi ra đến đường thì chỉ thấy những người đói rách, mù lòa, cầm diếc, bởi thế nhục-nhi buồn. Nhục-nhi muốn yêu cầu phụ-hoàng một điều, không biết phụ-hoàng có chuẩn cho không ? » Vua-cha phán rằng : « Hoàng-nhi yêu cầu điều gì ? Hoàng-nhi muốn gì, sẽ được như ý, ta không tiếc gì cả. » Thái-tử bèn tâu rằng : « Muốn tâu phụ-hoàng, nhục-nhi muốn xin phụ-hoàng đem của quý ở kho tàng ra bốn cửa thành, ra chợ bô-thị, ai xin gì cho cái ấy. » Vua-cha phán rằng : « Hoàng-nhi muốn thế ta cũng cho, không có điều gì trở ngại cả. »

Thái-tử truyền ngay cho các quan đứng hầu bảo xe của kho ra bốn cửa thành, ra chợ phát cho dân, ai xin gì cho cái ấy. Kì ấy cả bàn-dân thiên-hạ, đến cả những chỗ hang cùng ngõ hẻm, chẳng ai không biết công-đức Thái-tử Su-Đà-Na. Từ-phương kẻ xa trăm dặm, người xa nghìn vạn dặm, dẫu dẫu cũng kéo đến xin, kẻ đói thì được ăn, người rách có mặc, kẻ xin vàng bạc, ngọc ngà, được vàng bạc, ngọc ngà, người nào muốn gì có cái ấy.

Bấy giờ một ông vua nước cừu-dịch có lòng bất-thiện, nghe thấy Thái-tử phát-tâm làm phúc, ai cầu gì được nấy, ai muốn gì có cái ấy, bèn ngay triệu-thần và các nhà tu-hành lại đề bàn. Ông vua ấy nói rằng : « Vua nước Sĩ-bì có một con bạch-tượng tên là Liên-bộ, ra trận giỏi lắm, đánh Nam, giết Bắc, hễ con bạch-tượng ấy ra là thành-công. Ai dám đi xin con voi ấy cho ta ? » — Các quan từ hết, không ai dám nhận việc ấy, song trong chỗ triều-ngự có tám người thầy tu tâu rằng : « Cúi xin bệ-

hạ truyền cho sắm đồ hành-trang, bần-đạo chúng tôi lĩnh-nguyện đi xin con bạch-tượng ấy. » Vua truyền phát lương-thực cho những thầy tu ấy, rồi phán rằng : « Các người cầu được con bạch-tượng ấy về, trẫm sẽ trọng-thưởng. »

Tám người thầy tu chống gậy đi, trèo non lặn suối tới nước Sĩ-bì. Khi tới cửa cung Thái-tử Su-Đà-Na, những thầy tu ấy đứng quay mặt vào cửa, tựa vào gậy gờ một chân lên. Linh canh cửa chạy vào báo với Thái-tử rằng ngoài cửa có tám thầy tu đứng tựa vào gậy gờ một chân lên nói rằng : « Chúng tôi ở xa đến, xin Thái-tử một vật. » Thái-tử nghe tin báo, mừng lắm, ra đón ngay các thầy tu ấy vào, cung-kính như đối với cha mẹ ; ân-cần hỏi những thầy tu ấy ở đâu đến, đi đường có mệt-nhọc không, và cầu gì mà lại đứng gờ một chân lên. Tám thầy tu nói rằng : « Chúng tôi nghe thấy Thái-tử phát-tâm bố-thí, ai cầu gì được nấy, tiếng đồn dẫu dẫu cũng biết, trên thông đến trời xanh, dưới thấu đến suối vàng. Quả phúc ấy to lắm, xa gần ai ai cũng biết, ca-tụng công-đức ngài vang-lừng cả lên. Ngài là một vị con thánh-quân, đã là thánh-nhân thì tất đã phát-tâm thế nào không bao giờ dời. Ngài mà thực có tâm bố-thí, ai xin gì được nấy thì bần-đạo chúng tôi xin con bạch-tượng. » Thái-tử xuống ngay chuồng voi dắt một con voi trắng ra, nhưng mà những thầy tu nói rằng : « Chúng tôi xin con bạch-tượng tên là Liên-bộ kia. » Thái-tử nói rằng : « Con bạch-tượng ấy vua-cha tôi quý lắm, yêu nó chẳng kém gì tôi, tôi cho thế nào được. Nếu tôi đem cho thì vua-cha tôi tất giận, bắt tội tôi, dẫy tôi đi. » Thái-tử nói thế nhưng mà trong bụng lại nghĩ rằng : « Ta đã phát-tâm bố-thí, nhất-thiết ai xin gì ta cho cái ấy, nay ta chối không cho con voi trắng thì ra

ta không giữ được điều ta đã phát-nguyện. Nếu ta không cho con bạch-tượng thì ta làm thế nào mà đạt được ba-la-mật vô-thượng vô-dẳng-dẳng. » Nghĩ thế rồi nói rằng : « Được, tôi thuận cho đấy. » Thái-tử bảo quân hầu lấy bánh vàng đóng vào con bạch-tượng rồi dắt ngay ra. Thái-tử tay tả múc nước rửa tay cho những thầy tu, tay hữu dắt con bạch-tượng đưa cho. Tám thầy tu được con bạch-tượng rồi, tạ ơn, lên cả bánh voi. Thái-tử dặn với rằng : « Các người đi cho mau, nếu vua-cha tôi biết, tất sai người đuổi theo đòi lại. » Tám thầy tu vội-vàng đi ngay.

Khi các triều-thần biết Thái-tử đem con bạch-tượng cho vua nước cừu-dịch mất rồi, đều thất-kinh ngã lăn cả ra, than rằng : « Nước nhà chỉ cậy có con bạch-tượng ấy để chống-giữ với các nước cừu-dịch, bây giờ Thái-tử đem cho nước cừu-dịch, thật là nguy đến nơi rồi. » Kéo cả vào tàu vua rằng : « Muốn tàu bệ-hạ, Thái-tử đem con bạch-tượng về-quốc cho vua nước cừu-dịch mất rồi. » Vua nghe tin ấy thất-kinh ; các quan lại tàu rằng : « Muốn tàu bệ-hạ, nhà nước được bình-yên cũng nhờ con voi ấy, sức nó bằng sáu-mươi con voi khác. Nay Thái-tử đem cho kẻ cừu-dịch, kẻ hạ-thần sợ có ngày xã-lắc nguy mất. Bệ-hạ quyết-định ra làm sao ? Thái-tử chỉ thích bố-thí, mỗi ngày làm hết kho-tàng dần đi. Kẻ hạ-thần sợ có ngày ngải đem cho cả nước rồi đến cả vợ con nữa. » Vua nghe những lời tàu ấy lại giận thêm, gọi một vị quan lên hỏi rằng : « Có thật Thái-tử đem con bạch-tượng cho vua nước cừu-dịch rồi không ? » Ông quan ấy tàu rằng thật thế, vua rùng-rời ngất đi, bất-tĩnh nhân-sự. Người ta vội-vàng lấy nước lã vỗ mồi vua mới tỉnh. Hai vạn cung-tần cũng mất cả vui.

Vua giao việc ấy cho đình-ngự.

Một ông quan tàu rằng : « Kể tội ấy, thì kẻ vào chuồng voi đem chặt chân đi, kẻ giắt voi ra đem chặt tay đi, kẻ nhìn voi đem khoét mắt đi. » Ông khác lại xin đem dầu. Trong triều đình nghị như thế, vua lấy làm kì-đám lắm, than rằng : « Con ta làm những điều phúc - đức, thích bố-thí cho chúng - sinh, ta lòng nào đem giam cầm giữ không cho làm điều thiện. » Một ông quan to bác các lời đình-ngự đi, tàu rằng : « Muốn tàu bệ-hạ, bệ-hạ có một hoàng-tử quý như ngọc, nay bệ-hạ bắt tội đến tàn-thán hoại-thể thì sao cho đành. Bệ-hạ cỡ lòng nào mà nghĩ thế ! » Ông quan ấy lại tàu rằng : « Hạ-thần dám dẫu nài bệ-hạ giam cầm Thái-tử, giữ không cho làm điều thiện, nay bệ-hạ chỉ nên đẩy Thái-tử ra nơi xa, chỗ rừng xanh núi đỏ, độ mười mười lăm năm, để Thái-tử nghĩ mà hối lại. » Vua nghe theo lời tàu ấy, cho đòi Thái-tử vào chầu, hỏi rằng : « Có phải Hoàng-nhi đem con bạch-tượng của ta cho kẻ thù-ngịch rồi không ? » Thái-tử nhận. Vua lại hỏi : « Sao Hoàng-nhi lấy con bạch-tượng của ta đem cho nước cừu-dịch mà không tàu cho ta biết đã ? » Thái-tử tàu rằng : « Nhục-nhi đã được phép phụ-hoàng cho tha-hồ bố-thí, phụ-hoàng không tiếc một vật gì cả, bởi thế nhục-nhi đem cho con bạch-tượng mà không tàu trước với phụ-hoàng. » Vua nói : « Ta bữa là bữa cho tiền của, châu báu ở kho, chứ có hứa cho cả con voi đâu. » Thái-tử thưa : « Vật gì là chẳng phải của phụ-hoàng, sao con bạch-tượng lại không kẻ vào của phụ-hoàng ? » Vua-cha bèn phán rằng : « Nay vì tội người đem cho mất con bạch-tượng, ta đầy người ra núi Tham-đặc mười-hai năm, người phải đi ngay. » Thái-tử tàu rằng : « Nhục-nhi xin tuân lệnh, nhưng xin phụ-hoàng cho nhục-nhi ở lại bảy ngày nữa để bố-thí cho thỏa lòng rồi

nhục-nhi xin đi.» Vua-cha phán: «Ta đẩy người đi là vì người bỏ-thí quá, làm kiệt cả kho tàng của ta, lại đem cả cái vệ-quốc-bảo cho nước cừu-dịch, người lại còn dám xin ở lại bảy ngày để bỏ-thí nữa ư? Không được.» Thái-tử tâu: «Muôn tâu phụ-hoàng, nhục-nhi không dám vi-lệnh phụ-hoàng, nhục-nhi còn một ít của riêng, xin phép ở lại phát hết rồi đi, không dám động đến của kho nữa.» Hai vạn cung-phi đồng-thanh xin giúp Thái-tử, vua mới ưng cho.

Thái-tử sai người truyền-bá cho thập-phương biết rằng: ai thiếu-thốn gì lại cửa cung sẽ phát cho. Cửa-cải, người ta không giữ được mãi mãi, thế nào cũng có một ngày nó tán đi hết, cho nên thập-phương kéo đến đen cả cửa cung Thái-tử, Thái-tử cho ăn uống, cho của-cải, ai ra về cũng thỏa lòng. Hết bảy ngày bao nhiêu cửa-cải hết sạch, mà kẻ nghèo trở lên giàu có, những người được sung-sướng như thế kẻ có hàng vạn.

Đến đêm, Thái-tử bảo vợ rằng: «Công-chúa dậy tôi nói chuyện. Nay vua-cha dậy tôi ra Tham-dạc mười-hai năm» Công-chúa nghe chồng nói thất-kinh choàng dậy thưa rằng: «Chẳng hay Thái-tử phạm tội gì mà vua-cha bắt tội nặng thế?» Thái-tử đáp rằng: «Vị ta đem tám bỏ-thí làm hết cả kho tàng, lấy cả con bạch-tượng cho nước cừu-dịch, vua-cha và triều-thần nhĩ ta phải tội đi đây.» Công-chúa nói: «Thiếp cầu cho vua-cha, văn-võ bách-quan và dân trong nước giàu có để cho nước được phú-cường, còn thiếp thì thiếp xin theo chồng đi đây để giúp chồng cho thành quả phúc.» Thái-tử nói: «Đàn-ông vào ở chốn sơn-lâm còn chẳng khỏi lo, chẳng khỏi sợ, tở lang, sài báo ghê gớm lắm, công-chúa đã quen sung-sướng thì chịu sao nổi. Công-chúa ở trong cung mặc toàn đồ tế-nhuyễn, nằm giường cao chiếu sạch,

ăn cao-lương mỹ-vị, muốn gì có cái ấy, nay theo ta vào rừng-rù, nằm gai góc, ăn hoa quả, thì công-chúa chịu thể nào được. Lại còn mưa gió, sấm sét, sương mù, đàn-ông còn phải sờn lông rừng mình, khi rét thì rét buốt đến xương, khi nóng thì nóng cháy cả thịt, tìm được một chỗ mà nương thân trong đám cây cỏ cũng là khó lắm. Đắt lại chỉ có những cỏ cùng lau, đá lóm-chỏm, lại thêm có rắn rết, công-chúa đi sao được.» Công-chúa nói: «Phải xa cách chàng thì thiếp còn dạ nào mà tưởng đến lựa là gấm vóc, giường cao chiếu sạch, cao-lương mỹ-vị; thiếp không lòng nào lia được chàng ra đâu. Đã đến cảnh-ngộ này, thế nào thiếp cũng xin theo chàng. Có là biểu-hiệu của vua, khỏi là biểu-hiệu của lửa, chồng là biểu-hiệu của vợ, thiếp chỉ nương vào chàng, trông vào chàng đấy thôi. Khi chàng làm phúc cho thiên-hạ, thiếp cũng giúp công chàng, nay chàng đi thiếp ở lại, ai đến xin gì thiếp đáp làm sao? Khi người ta đến cầu chàng làm phúc cho người ta, thiếp nghe thấy thì đau lòng thiếp biết thế nào.» Thái-tử nói: «Ta đã phát-tám bỏ-thí thì nhất-thiết ai xin gì của ta, ta cho cái ấy, có ai xin con ta, ta cũng phải cho, không từ chối được, nằng mà không thuận được như thế thì nằng làm rồi mất lòng từ-mẫn của ta, vì lẽ ấy cho nên nằng không nên theo ta.» Công-chúa nói: «Chàng bỏ-thí gì thiếp xin thuận cả, không dám hối-hận. Chàng ơi, trên đời này chưa có ai có hảo-tâm được như chàng.» Thái-tử nói: «Nằng có lòng thế thì hay lắm.»

Thái-tử đưa vợ con vào bãi-biệt mẫu-hậu, tâu rằng: «Xin mẫu-hậu khuyên phụ-vương con lấy nhân-đức mà trị dân, đừng để cho dân tin những mối dị-doan.» Hoàng-hậu thấy dân con bãi-biệt buồn rầu quá, thao với những người chung quanh rằng: «Tôi

thờ thiên-tử lòng son dạ sắt, tôi có một con, con tôi phải lia tôi ra, ruột tôi đứt ra từng đoạn, sống sao được. Từ khi tôi còn hoài-thai con tôi đến giờ, tôi trông nó như một cái lá cây, một ngày một mọc lớn lên, tôi nuôi-nấng con tôi, nay nó lớn, nó bỏ tôi nó đi. Các cung-phi khác thấy thế thì mừng mà Thiên-tử rồi cũng ra lòng rẽ-rúng tôi. Nếu trời không phụ lòng tôi, thì trời phù-hộ cho con tôi chong-chóng được về.»

Thái-tử, vợ và con bái-biệt vua-cha và mẫu-hậu rồi lên đường ngay.

Hai vạn phi-tần mỗi người sáu một hạt trai thành một chuỗi dâng Thái-tử, bốn nghìn triều-thần lấy thất-bảo làm hoa dâng Thái-tử. Thái-tử ở cung ra thì đi đằng cửa bắc. Vừa ra khỏi cửa thành, Thái-tử đã đem ngay hoa thất-bảo, chuỗi hạt trai bố-thí cho những người tứ-phương hết ngay.

Quân tướng, nhân-dân, người lớn, kẻ nhỏ, hàng ức, hàng triệu người đều đem lễ tiễn Thái-tử và chúc Thái-tử thượng-lộ bình-an. Ai ai cũng phải hàn-bạc phân-nân rằng: «Thái-tử là một người nhân-tử, một vị phúc-tinh ở trong nước, sao thiên-tử và hoàng-hậu đem đẩy một người con quý-hóa như thế đi.» Ai đi tiễn Thái-tử cũng phải buồn - ngùi rơi lụy. Thái-tử ngồi dưới gốc cây ngoài thành từ-biệt hết mọi người không cho theo nữa. Quân tướng nhân-dân đều xụt-xùi trở lại.

Thái-tử đánh xe cho vợ con đi. Đi được ít lâu, Thái-tử dừng xe lại xuống ngồi nghỉ ở gốc cây. Bấy giờ có một thầy Bà-la-môn đến xin con ngựa. Thái-tử tháo ngay ngựa ở xe đem cho, rồi đỡ hai con lên xe chồng kéo vợ đây. Đi được một khúc đường nữa, lại gặp một thầy Bà-la-môn xin cái xe. Thái-tử cho xe. Đi nữa lại gặp một thầy Bà-la-môn xin tiền. Thái-tử nói rằng: «Ta không dám tiếc gì, thật ta không còn của gì

nữa.» Thầy Bà-la-môn nói rằng: «Nếu ngài không còn của gì thì xin ngài cái áo ngài đang mặc.» Thái-tử cởi ngay áo ra cho, lấy áo rách mặc vào. — Đi được một quãng lại có một thầy Bà-la-môn xin, Thái-tử lấy áo vợ đem cho, sau có người xin nữa, lột cả áo con cho. Thế là Thái-tử cho hết cả tiền của, ngựa xe, áo quần, mà chẳng bợn một chút lòng tiếc nào cả. Chồng bỗng con trai, vợ bỗng con gái đi đất, thế mà vợ chồng con cái vẫn vui-vẻ.

Núi Tham-đạc cách nước Sĩ-bi hơn sáu nghìn dặm, lên đấy phải qua một cái đồng lầy, một bãi sa-mạc, có chịu được đói, được khát, mới đến được. Đức Đế-Thích hóa phép ra ở giữa đồng lầy có một thành đủ phố-xá, hàng quán, đồ ăn, đồ mặc, không thiếu một thứ gì. Dân thành ấy ra đón Thái-tử vào. Công-chúa hỏi Thái-tử rằng: «Ta đi đã xa rồi, có nên nghỉ lại đây một lúc không?» Thái-tử đáp rằng: «Phụ-hoàng đẩy ta ra núi Tham-đạc, nếu nghỉ lại đây thì trái lệnh phụ-hoàng, như thế phạm tội bất-hiểu.» Thái-tử ra khỏi thành ngoảnh lại thì thành biến đâu mất rồi.

Đi mãi mới đến núi Tham-đạc. Chán núi ấy có một cái sông to, sâu lắm không sang được. Công-chúa bảo Thái-tử rằng: «Ta đợi ở đây vài hôm cho nước xuống rồi hãy sang.» Thái-tử nói: «Phụ-hoàng đẩy ta lên núi Tham-đạc, ở đây là trái lệnh phụ-hoàng, như thế phạm tội bất-hiểu.»

Bấy giờ tự-nhiên Thái-tử giác-ngộ, thì có một cái núi nổi lên gần cái sông ra làm đôi như một cái cầu, hai vợ chồng vén áo trèo qua sang sông. Khi sang bên kia rồi Thái-tử nghĩ rằng: «Nếu cứ để cái núi chắn sông thế này thì khúc sông trên phải tràn lụt làm chết người hại vật.» Thái-tử quay lại bảo sông rằng: «Ở sông, lại chảy như trước, sau hễ ai đến thăm ta thì lại để cho người ta sang.» Thái-

lũ nói xong thì sông lại chảy như cũ.

Qua sông đi một quãng lên đến núi Tham-đạc. Núi cao ngất trời, cây-cối xanh um, chim kêu vượn hót, suối chảy êm-dềm, hồ nước trong veo, hoa-quả thơm ngọt, công-hạc vô-số. Thái-tử bảo vợ rằng : « Phu-nhân trông cây ở núi này mọc cao tới trời chẳng cây nào sút gãy. Ta có nước trong uống, quả ngọt ăn, trong hang núi này ta có thể đề-tâm-tu được. » Thái-tử lên núi, cầm-thú đón rước mừng chào.

Trên đỉnh núi có một người tu-hành tên là A-Sy-U-Ta đã năm trăm tuổi rồi, tu đã đắc-đạo lắm, Thái-tử lên chào rồi lùi xuống vài bước cung-kính thưa rằng : « Xin ngài làm ơn chỉ cho tôi biết núi này chỗ nào có nước trong, quả ngọt, có thể ở được. » Ông A-Sy-U-Ta đáp rằng : « Suốt núi này chỗ nào cũng hay cả, muốn ở đâu thì ở. » Lại nói rằng : « Núi này là chốn tĩnh-mịch, nhà người muốn lên đây tu-hành, sao lại còn giắt-diều vợ con theo làm gì ? » Thái-tử chưa kịp trả lời, Công-chúa hỏi ngay rằng : « Người tu-hành ở đây đã được bao lâu rồi ? » Ông A-Sy-U-Ta đáp rằng : « Ta ở trên núi này đã bốn năm trăm năm rồi. » Công-chúa lại hỏi : « Người bảo cho tôi biết như tôi tu độ bao lâu thì đắc-đạo. Giá tôi ở núi này lâu được như cây cối này, tôi cũng không sao biết được một người như tôi tu bao lâu mới đắc-đạo. » Ông A-Sy-U-Ta đáp rằng : « Quả thế, những điều ấy hàn-đạo cũng không biết. » Thái-tử hỏi đạo-sĩ rằng : « Người có biết Thái-tử Su-Đà-Na, con vua Sĩ-bì không ? — Tôi thường được nghe tên, nhưng chưa được tiếp-kiến bao giờ. — Tôi là Thái-tử Su-Đà-Na đây. » Người tu-hành ấy hỏi Thái-tử đi đâu thì Thái-tử đáp rằng muốn tu cho đắc-đạo Đại-thừa. Ông A-Sy-U-Ta bèn nói rằng : « Công - đức ngài to lắm, ngài tu thì chẳng bao lâu đắc-đạo Đại-thừa. Đến khi ngài đắc-đạo tôi đem phép thần-

thông của tôi xin làm đồ - đệ ngài trước nhất. »

Ông A-Sy-U-Ta chỉ cho Thái-tử một chỗ có thể ở được. Thái-tử bắt-chuộc ông A-Sy-U-Ta lấy một cái giấy quấn đầu, kết tóc lại, uống nước suối, ăn hoa-quả, nhặt cành cây dựng lều, lấy lá cây lợp làm mái, rồi làm ba cái lều khác cho vợ con ở. Con trai là Gia-Lý mới bảy tuổi, con gái là Na-Gi-Na sáu tuổi, đều khoác da hươu làm áo, thường hay theo mẹ. Cầm-thú ở trong núi quần-quít lấy Thái-tử. Mỗi khi Thái-tử ngủ ở ngoài thì chỗ hang ấy có nước trong chảy ra, cây khô lại xanh tốt có hoa có lá, những sâu bọ, trùng độc biến mất, những ác-thù biến tính ăn toàn cỏ ; cây-cối mau hoa, sai quả, chim-chóc kêu hót vui-vẻ. Công-chúa thì ngày ngày đi kiếm bông quả về nuôi chồng con. Hai người con thì thường ra bờ sông chơi với các giống vật, có đêm không về. Một hôm Gia-Lý cuội sư-lữ chơi. Con sư-lữ nhảy, Gia-Lý ngã mặt xây-xát ra, một con hươu lấy lá chùi máu mặt cho, rồi lại giắt ra suối rửa cho sạch máu. Thái-tử ngồi ở lều trông thấy thế than rằng : « Ai ngờ súc-vật mà cũng có từ-lâm như thế. »

Thời bấy giờ ở xứ Cù - ru có một thầy Bà-la-môn nghèo-khổ lắm, bốn-mươi tuổi mới lấy được vợ. Vợ thì đẹp mà anh ta thì xấu ghê xấu gớm, trong người có đến mười - hai cái tật, mặt đen nhọ chảo, lại có ba cái bướu, sống mũi mỏng, hai mắt xanh lè, má nhão, môi xề, nói lắp, bụng ông, dít lồi, chân còng, đầu hói, trông chẳng khác gì con quỉ. Vợ anh ta chê - bai anh ta đi qua, chỉ rửa cho anh ta chết đi cho rảnh. Một hôm chị chàng đi gánh nước gặp một lũ thiếu-niên chê chồng chị và mỉa-mai chị. Lũ thiếu - niên ấy hỏi rằng : « Chị thì đẹp mà sao khéo chê anh chồng quỉ thế ? » Chị chàng đáp rằng : « Đầu lão già ấy trắng như tuyết

bám trên cành cây, tôi nguyện - rửa suốt ngày cho lão ấy chết mà lão ấy không chết cho, tôi biết làm thế nào?" Chị chàng gánh nước về, nước mắt ràn-rụa, về tới nhà bảo ngay ông chồng rằng: « Tôi đi gánh nước có một lũ thiếu-niên nó mĩa-mai tôi, phải mua cho tôi một dứa để nó hầu, tôi không phải đi gánh nước nữa, thì mới tránh được người ta chửi-nhạo, » Chồng nói rằng: « Nhà nghèo thế này lấy gì mà mua được người hầu-hạ » — Vợ cãi rằng: « Không kiếm cho tôi một dứa hầu-hạ tôi bỏ nhà đi lập-tức. » Lại nói rằng: « Tôi nghe thấy nói Thái-tử Su-Đà-Na vì làm phúc quá mà vua cha đẩy ra núi Tham-dặc. Thái-tử có một người con trai, một người con gái, đi xin hai dứa ấy về đây hầu tôi. » Chồng cãi rằng núi Tham-dặc ở xa lắm không thể nào đi xin được, thì vợ gắt ngay lên rằng: « Không kiếm cho tôi một dứa hầu tôi cắt cổ chết ngay cho mà xem. » Chồng vội-vàng nói rằng: « Đừng, mình đừng rẻ mạng như thế, để tôi liệu đi, mình sửa-soạn hành-lý cho tôi đi. » Vợ bảo rằng: « Đi đi, tôi chẳng có tiền lương gì cả đâu. »

Chồng phải sắm-sửa lấy lương để lên đường.

Bác này đi đến nước Sĩ - bì tới cửa cung hỏi quân canh rằng: « Nay Thái-tử Su-Đà-Na ở đâu? » Quân canh vào tâu vua rằng ở ngoài cửa có một thầy Bà-la-môn hỏi thăm Thái-tử. Vua nghe nói động lòng gắt rằng: « Chỉ vì những đồ vô-loại này mà ta phải đẩy con ta đi, nay bọn này còn lại làm gì đây nữa. » Vua lại từ rằng: « Sự này vì như lửa đang cháy lại đổ thêm dầu, sự ân-sầu của ta như lửa đang cháy, người nay đến hỏi con ta thì có khác gì như đem dầu đổ vào đồng lửa đang cháy không. »

Thầy Bà-la - môn nói: « Tiếng đồn Thái-tử phúc-dức trên trời xanh, dưới thấu suốt vàng; tôi nghe đồn

rằng Thái-tử hay làm phúc, ai xin gì được cái ấy, nay tôi có việc cần đến Thái-tử, cho nên không quản công khó-nhọc, tự xa lại đây. » Vua nói rằng: « Thái-tử phải tội, đẩy đi xa, giờ khổ-sở lắm, có gì mà làm phúc cho người được. » — « Thái-tử không còn gì mặc lòng, nhưng mà thế nào tôi cũng phải tìm cho thấy mặt. » Vua sai người chỉ đường cho người ấy đi. Thế là thầy Bà-la-môn đi lên núi Tham-dặc. Khi tới bờ sông, tâm-niệm vào Thái-tử là qua sông ngay được. Bác này treo lên núi gặp một người thợ săn, liền hỏi rằng: « Thái - tử Su-Đà-Na ở núi này ông có khi nào được gặp không? » Người thợ săn nói vẫn biết rằng Thái-tử phải tội là tại hay bố-thi cho bọn Bà-la-môn, nắm ngay lấy bác này trói vào gốc cây, đánh cho một chập như-tử cả người, vừa đánh vừa mắng rằng: « Tao muốn lấy tên bắn thủng ruột mày ra, lấy dao cắt thịt mày mà ăn, mày hỏi Thái - tử Su-Đà-Na làm gì? » Thầy Bà-la-môn này nghĩ thầm rằng: « Ta phải trí-trá mới được, không thì thằng này nó giết chết mất », bèn đáp rằng: « Ngài nên hỏi tôi ngay mới phải. — Sao? — Hoàng-thượng nhờ Thái-tử, sai tôi lên đón Thái-tử về. » Người thợ săn vội-vàng cởi trói cho bác Bà-la-môn, tạ tội rằng không biết là lên đón Thái-tử, xong rồi chỉ ngay chỗ Thái-tử ở cho.

Thầy Bà-la-môn này tìm đến lều Thái-tử. Thái-tử trông thấy mừng lắm chạy ra đón, hỏi-han ăn - cần rằng ở đâu đến, đi đường có nhọc không? tìm mình có việc gì? Thầy Bà-la-môn đáp rằng: « Tôi ở xa, đi đường mệt-nhọc lắm, bụng thì đói, miệng thì khát. » Thái-tử đưa vào lều ngồi, lấy hoa quả mời ăn, múc nước mời uống. Bác Bà-la-môn ăn uống rồi nói với Thái-tử rằng: « Tôi là người xứ Cù-ru, tiếng phúc-dức ngài thập-phương ai là chẳng biết. Tôi nghèo-khó lắm, cho nên đến xin ngài làm phúc cho. » Thái-tử đáp

rằng: « Tôi không tiếc gì ông cả, tôi có gì đem bố-thí hết cả rồi, giờ quả không còn gì mà tặng ông được. — Ngài không còn gì cho tôi thì xin ngài cho tôi cậu con trai và cô con gái ngài để phụng-dưỡng tuổi già này. » Bà-la-môn ấy nhắc đi nhắc lại lời ấy ba lượt, Thái-tử đáp rằng: « Ông không quản xa-xôi đến đây, ông xin con trai, con gái tôi, tôi đâu dám chối. »

Lúc bấy giờ hai người con đi chơi vắng, Thái-tử gọi về bảo rằng: « Ông này tự xa lại đây xin hai con, ta đã ưng cho rồi, hai con về với ông ấy. » Hai con trẻ chạy lại nép vào nách cha khóc-lóc nói rằng: « Những người Bà-la-môn chúng con trông thấy đã nhiều, nhưng mà không có người nào ghê-gớm như người này. Chẳng phải người Bà-la-môn đâu, quý-sứ đây cha ạ. — Trời ơi! mẹ chúng tôi đi kiếm hoa quả chưa về, cha chúng tôi đem chúng tôi cho quỷ, chúng tôi chết mất, khi mẹ chúng tôi về tìm không thấy chúng tôi, than khóc, âu-sầu, khổ-sở biết thế nào mà kể! » Thái-tử nói: « Ta đã nói cho, ta chối sao được nữa? Người này không phải là quỷ đâu, không ăn thịt các con đâu mà sợ. » Ngóảnh bảo người Bà-la-môn: « Thôi ông đưa hai đứa về. » Người Bà-la-môn nói: « Tôi muốn đi ngay vì tôi sợ lệnh-bà về thì lại lời-thôi, ngài có lòng cho, nhưng mà lệnh-bà về chắc thế nào cũng ngăn-trở. » Thái-tử nói: « Tôi bố-thí từ thừa nhỏ chẳng bao giờ hối cả. »

Thái-tử rửa tay cho người Bà-la-môn, kéo hai đứa con lại giao cho. Bấy giờ đất cũng phải chuyển. Hai người con không theo người Bà-la-môn, quí trước mặt cha thưa rằng: « Không biết kiếp trước chúng con làm nên tội gì để kiếp này phải khổ thế này, mình là kim-chi-ngọc-diệp mà là đến nỗi phải đi hầu-bạ người ta. Chúng con xin sám-hối tội chúng con đã

phạm ở trước mặt cha chúng con để kiếp sau chúng con thoát khỏi những sự khổ-sở như thế này. » Thái-tử bảo các con rằng: « Bao nhiêu mối tình ở đời này thế nào một ngày cũng phải dứt, không có gì là bất-diệt cả. Đời khi cha đắc-đạo cha sẽ độ cho các con. » Hai người con nói: « Xin cha nói giúp với mẹ chúng con rằng chúng con có lời báí-biệt, thế này có lẽ là vĩnh-biệt đây, chúng con không được báí-biệt mẹ chúng con, chắc là vì kiếp trước chúng con nặng tội lắm. Chúng con chỉ tưởng đến nỗi mẹ chúng con khi về không thấy chúng con nữa thì đau-đớn, sầu-khổ lắm. » Thấy Bà-la-môn nói: « Hai đứa bé này dễ yên thì thế nào chúng nó cũng đi tìm lệnh-bà, tôi già-cả, giữ thế nào nổi, ngài trời hai đứa lại cho tôi mới được. » Thái-tử bắt tay hai người con lại sau lưng cho người Bà-la-môn trời rồi buộc hai đứa với nhau, cầm một đầu giây lới đi. Hai đứa bé không chịu đi thì hấn đánh đập đến nỗi máu chảy ròng-ròng. Thái-tử trông thấy thế nước mắt nhò ra, dất phải động lên. Thái-tử cùng các thủ rừnq nhìn theo mãi đến lúc không thấy gì nữa mới trở về. Các thủ rừnq theo Thái-tử về đến chỗ hai đứa trẻ vẫn chơi, trong lòng đau-đớn vật mình xuống đất, kêu rống rầm lên.

Người Bà-la-môn giắt hai đứa trẻ đi được một quãng, Già-Lỵ quần thừng vào gốc cây không chịu đi nữa mong gặp được mẹ, người Bà-la-môn lấy gậy đánh, hai đứa trẻ đau quá, phải nói rằng: « Thôi đừng đánh chúng tôi nữa, để chúng tôi đi. » Hai đứa trẻ ngửa mặt lên trời khẩn rằng: « Sơn-thần hậu-thổ cứu chúng tôi với, chúng tôi phải đi làm đầy-tớ người ta mà không được báí-biệt mẹ chúng tôi. Các ngài thiêng-liêng bảo cho mẹ chúng tôi biết, để cho chúng tôi được gặp mặt. » Lúc bấy giờ Công-chúa đang kiếm hoa quả ở trong rừng thấy

ngửa ở dưới bàn chân tả, mắt bên hữu thấy mây, hai vú ứa sữa ra thì nghĩ rằng : « Sao có diễm lạ thế ! thôi hãy bỏ hoa quả đây ta mau-mau về xem con ta có nạn gì không đã. » Công-chúa bỏ hoa quả đây chạy về.

Bấy giờ đức Đế-Thích ở tầng trời thứ hai biết rằng Thái-tử đã đem con đi cho rồi, sợ Công-chúa về làm rối mắt mỗi bảo-tám ấy, bèn hóa ra một con sư-tử nằm ngang đường. Công-chúa bảo con sư-tử rằng : « Người là vua loài thú, ta đây cũng là con vua, ta cũng ở núi, người tránh đường ta đi. Hai con ta ngây dại, từ sáng chưa có gì ăn, đang mong đợi ta đây. » Con sư-tử biết rằng người Bà-la-môn đi đã xa, đứng dậy để đường cho Công-chúa đi.

Về tới lều, Công-chúa thấy chồng ngồi một mình, không thấy con, chạy vào lều mình tìm không thấy, chạy sang lều con cũng không thấy, chạy ra bờ sông chỗ hai đứa trẻ thường chơi cũng không thấy tông-tịch gì cả, chỉ thấy các thú rừng như : hươu nai, sư-tử, vượn, hươu thối; chạy ra tận bờ sông đập ngực kêu gọi rầm lên thì cái suối gần chỗ hai đứa trẻ thường chơi, tự-nhiên cạn hết nước. Công-chúa chạy về hỏi chồng con đâu. Thái-tử không đáp, thì lại nói rằng : « Mọi khi con tôi trông thấy tôi mang hoa quả về thì chúng nó vội-vàng nào chạy, nào vấp, có ngã cũng đứng ngay dậy nhảy lại với tôi và kêu rằng : « Mẹ đã về ». Tôi ngồi thì hai đứa đứng hai bên, thấy áo tôi lấm thì phui cho sạch. Hôm nay tôi không thấy con tôi, con tôi không lại với tôi. Ai bắt con tôi rồi ? Tôi không thấy con tôi, ruột gan tôi đứt ra. Con tôi đâu bảo cho tôi biết, mau lên, đừng dè thế này tôi điên mất. » Công-chúa nhắc đi nhắc lại thế ba bốn lần, Thái-tử cũng không nói gì, lại càng đau-dớn thảm-thiết lắm, than rằng : « Tôi không thấy con tôi còn có thể

chịu được, ông cứ ngồi nghiêm-nhiên thế tôi lại khổ hơn. » Thái-tử nói rằng : « Một người Bà-la-môn ở xứ Cù-ru đến xin tôi hai đứa con, tôi cho người ta giắt chúng nó đi rồi. » Công-chúa nghe thấy thế ngắt người đi ngã lăn xuống như một cái núi đổ vậy, rồi trong lòng đau-dớn than khóc không sao nguôi được. Thái-tử khuyên rằng : « Bà yên đi, bà có nhớ việc cũ, việc từ đời đức Phật Đấng-Nhiên không ? Kiếp bấy giờ tôi mới nhập-đạo Bà-la-môn, tên là Phối-Đặc-Vệ, bà thì là con gái một người Bà-la-môn, tên bà là Tư-Lạc-Đặc. Tay bà cầm bảy cái hoa sen, mà trong tay tôi có năm trăm đồng tiền bạc. Tôi mua của bà năm cái hoa để cúng Phật, còn hai cái bà đưa cho tôi để cúng Phật hộ bà và bà có cầu rằng : « Thiếp nguyện rằng cứ kiếp kiếp dù đẹp, dù xấu, thiếp cũng được nung khăn sửa túi hầu chàng, không bao giờ phải xa cách nhau. » Tôi có ước với bà rằng : « Nàng mà muốn thế thì nàng phải theo lòng tôi, tôi bố-thí của gì thì bố-thí, cho hết cũng không có tiếc, chỉ trừ cha mẹ tôi ra, còn thì của gì của tôi, tôi cũng cho được, mà nàng không được cưỡng. » Bà đã thuận y như những lời tôi ước. Nay tôi đem cho con đi bà làm rối mối từ-tâm của tôi lên. » Công-chúa nghe lời chồng nói thì tự-nhiên giác-ngộ ngay, nhớ ra rằng một kiếp trước kia đã hứa với chồng rằng chồng đem cho ai của gì thì cũng phải thuận.

Đức Đế Thích thấy Thái-tử có lòng làm phúc rộng đến như thế, hiện xuống thử, bèn hóa ra một người Bà-la-môn mình có mười-hai vú-tật đến trước mặt Thái-tử thưa rằng : « Tôi vẫn nghe nói ngài có lòng từ-thiện, ai cầu gì ngài cho nấy ; nay tôi đến đây có ý xin vợ ngài. » Thái-tử đáp ngay rằng : « Được, tôi bằng lòng, vợ tôi giờ là vợ ông đây. » Công-chúa nói rằng : « Nay đem tôi cho nốt đi thì lấy ai hầu-

hà ? » Thái-tử nói : « Người ta xin tôi không cho, thì tôi làm thế nào mà theo được phép bổ-thứ Ba-la-môn vô-thượng vô-dãng-dãng. » Thái-tử lấy nước rửa tay cho người Bà-la-môn, rồi giắt vợ ra cho. Đức Đế-Thích biết bụng Thái-tử không tiếc một tí nào cả, các thiên-thần đều phải phục lòng từ-thiện ấy, trời đất cũng phải chuyển-dộng. Người Bà-la-môn giắt Công-chúa đi được bảy bước thì trở lại trả Công-chúa cho Thái-tử. Thái-tử nói rằng : « Sao ngài không nhận Công-chúa ? Công-chúa có nét xấu gì chăng ? Trong thiên-hạ chưa có người đàn-bà nào có đức bằng Công-chúa đây. Công-chúa đây là con vua đang trị vì một nước kia mà lại là con một. Vì tôi mà Công-chúa cũng tu-hành, ăn đũa ăn muối, không quản khổ-hạnh. Công việc nhanh-nhẹ, cẩn-thận, mà người lại có sắc. Ngài nhận đi tôi mới thỏa lòng. » Người Bà-la-môn bấy giờ thú thực với Thái-tử rằng : « Tôi không phải là người, tôi là Đế-Thích xuống thử ngài đấy thôi. Ngài có sở-nguyện điều gì không ? » Bấy giờ đức Đế-Thích hoàn-hình lại thì là một đức Thiên-vương. Công-chúa làm lễ rồi xin ước ba điều : « Một là người Bà-la-môn xin con tôi, đem chúng nó về nước chồng tôi mà bán ; hai là con tôi khỏi phải đói khát ; ba là hai vợ chồng tôi chóng-chồng được về nước. » Đức Đế-Thích nói : « Những điều ấy sẽ được như-ý sở-nguyện của Công-chúa. » Thái-tử nói : « Tôi ước rằng bao nhiêu chúng-sinh được thoát khổ-hải, khỏi được những sự khổ như sinh, lão, bệnh, tử. » Đức Đế-thích nói : « Điều ước của ngài cao quá, cao đến nỗi không gì hơn được. Nếu ngài nguyện sinh ở trên trời làm một đấng thiên-vương, hay là sinh làm một đấng Hoàng-đế ở thế-gian mà lại thọ, những điều ấy tôi có thể giúp được, còn điều vô-thượng vô-biên trong tam-giới thì tôi không sao làm được. » Thái-tử

nói : « Như vậy tôi tam ước có nhiều của, vì tôi muốn làm phúc hơn khi trước kia. Tôi lại ước rằng vua-cha tôi và các quan mong trông thấy tôi. » — « Ngài sẽ được như ý. » — Đức Đế-Thích nói thế rồi biến đi.

Người Bà-la-môn xứ Cù-ru giắt hai người con Thái-tử về, vợ ra đón, trông thấy, mừng cho một trận rằng : « Sao mày dám mang những đứa trẻ này về đây, chúng nó giống-dối nhà vua, mày nhẫn-tâm đánh chúng nó đến nỗi mình mày đầy máu mủ, mang chúng nó bán ngay đi, mua đứa hầu khác về đây. » Chồng theo lời vợ giắt hai đứa trẻ đi bán. Đức Đế-Thích hiện xuống đi quanh chợ nói rằng : « Những đứa bé này đáng giá cao, đây không ai có của mà mua được. » Hai đứa trẻ đói khát, đức Đế-Thích làm phép thổi vào chúng nó một cái, thì chúng nó không thấy đói khát nữa. Đức Đế-Thích lại làm phép cho người Bà-la-môn ấy đổi ý, giắt hai đứa trẻ sang nước Sĩ-bi. Đến nơi, quan-dân nhận ra là con Thái-tử cháu vua, thì lớn bé ai cũng động lòng thương. Các quan bên hỏi người Bà-la-môn ấy làm sao mà lại được hai người con Thái-tử, thì người ấy đáp rằng : « Tôi xin được đấy. Hồi làm gì ? » Các quan nói : « Chú đến đất nước này cho nên phải hỏi. » Quan - dân nhiều người muốn bắt lấy hai đứa trẻ, nhưng mà có một người hào-trưởng can rằng : « Đây là cái gương bổ-thứ của Thái-tử, nếu ta bắt những đứa trẻ này thì chẳng ra ta hủy mất cái phúc của Thái-tử đi ư ? Chỉ bằng ta đem việc này tâu với Hoàng-thượng. Hoàng-thượng rõ thì tất đem tiền của chuộc lấy cháu về. » Các người kia nghe lời nói ấy mới thôi, các quan vào tâu với vua rằng : « Muốn tâu, bệ-hạ, có một người Bà-la-môn đem hai hoàng-tôn đến đây bán. » Vua được tin ấy ngạc-nhiên, cho đòi người Bà-la-môn giắt hai đứa trẻ vào chầu. Vua, hoàng-hậu, cung-phủ, các quan văn-võ

Trông thấy hai đứa trẻ ai cũng động lòng dỏ nước mắt ra. Vua hỏi người Bà-la-môn làm thế nào mà có hai đứa trẻ ấy, thì người ấy đáp rằng: « Tôi xin được đấy. » Vua gọi hai đứa trẻ lại muốn ôm vào lòng nhưng mà hai đứa trẻ chỉ khóc không lại. Vua hỏi người Bà-la-môn định giá hai đứa bé ấy bao nhiêu. Người kia chưa kịp trả lời thì hoàng-tôn nói rằng: « Đứa trai trả một nghìn đồng tiền bạc với một trăm con bò cái. Đứa gái thì hai nghìn đồng tiền vàng với hai trăm con bò cái. » Vua hỏi rằng: « Xưa nay ai cũng quý con trai, sao con trai rẻ mà con gái lại đắt? » Hoàng-tôn tâu rằng: « Những phi-tần ở đây không có máu mủ gì với hoàng-tổ, người thì là con nhà bên-hạ, người thì ở bọn ti-thiếp ra, thế mà người nào hoàng-tổ yêu thì trở nên quý ngay, được đeo ngọc, ăn của ngon lành. Hoàng-tổ có một con trai thế mà hoàng-tổ đem dây vào rừng xanh núi đỏ. Ngày nào hoàng-tổ cũng vui-thú với bọn cung-phi, không thương không nhớ gì đến con đẻ, xem như thế thì biết con trai không có giá-trị gì mà con gái thì quý. » Vua nghe những lời ấy lấy làm đau lòng lắm, nước mắt ràn-rụa ra nói rằng: « Ông biết lỗi ông với các cháu. Sao các cháu không lại đây với ông, các cháu giận ông hay là sợ thầy Bà-la-môn kia. » Người con trai đáp rằng: « Cháu đâu dám giận hoàng-tổ mà cháu cũng chẳng sợ gì người Bà-la-môn này, trước kia các cháu là hoàng-tôn, giờ các cháu là tói-tớ một người thường-dân. Tói-tớ một người thường-dân sao dám vào ngồi lòng vua một nước, bởi thế các cháu không dám lại. » Vua nghe thấy cháu nói thế lại càng đau lòng, bèn cứ theo giá cháu đã định xuất của kho ra trả, xong rồi gọi các cháu lại thì hai đứa trẻ mới lên. Vua ôm lấy hai cháu vuốt - ve rồi hỏi rằng: « Cha các cháu ở trong rừng lấy gì mà ăn, lấy gì mà mặc? »

Hai đứa cháu thưa rằng: « Cha các cháu ăn toa quả, rau cỏ, rễ cây, dùng một thứ vải thô để che thân. Trăm thứ chim hót chung quanh mình cho cha các cháu vui, bụng cha các cháu thản-nhiên như không. »

Vua đuổi người Bà-la-môn ra thì hai đứa cháu bèn nói rằng: « Người Bà-la-môn này đói khát lắm, xin hoàng-tổ cho người ta ăn uống. » Vua hỏi: « Thế các cháu không giận người ấy ư? lại muốn cho người ta ăn uống ư? » Hai đứa cháu nói rằng: « Cha các cháu mộ đạo bồ-thí, nhưng mà không còn cái gì mà làm phúc, người Bà-la-môn này hỏi xin các cháu, cha các cháu cho liền, thì người này là chủ các cháu, các cháu chưa hậu-hạ người ta được tí gì để cho thỏa cái hảo-ý của cha các cháu, nay các cháu thấy người ấy đói khát, các cháu nhân sao được. Cha các cháu đem các cháu cho người ta còn được, hoàng-tổ nỡ lòng nào tiếc người ta một bữa cơm. » Vua bèn bảo dọn cơm nước cho người Bà-la-môn ăn, xong rồi cho về.

Vua lại sai sứ-giả đi đón Thái-tử về. Sứ-giả theo lệnh đi, nhưng mà có con sông ngăn không sang được, tâm-niệm vào Thái-tử thì mới sang sông được. Sứ-giả đến nơi thưa rằng: « Vua cho đòi Thái-tử về ngay, vua nhớ lắm. » Thái-tử đáp rằng: « Vua cha đầy ta ra đây mười-hai năm, còn một năm nữa thì mãn-hạn, hết hạn ta mới dám về. » Sứ-giả đem lời ấy về tâu vua. Vua thủ-bút viết một phong thư cho sứ-giả mang đưa cho Thái-tử. Trong thư đại-khai nói rằng: « Ta biết hoàng-nhi là một người đại-hiền, việc trước hoàng-nhi nên lấy lòng khoan-dung bỏ đi, việc sau cũng lấy lòng đại-dộ mà xử. Sao hoàng-nhi đem lòng giận mà không về. Ta đợi hoàng-nhi về mới chịu ăn uống. » Sứ-giả mang thư dâng cho Thái-tử. Thái-tử tiếp thư lấy nhận rồi đi vòng phong thư bảy lần mới mở ra xem.

Thấy Thái-tử sắp về, cầm-thú lẫn-lộn đau-dớn lắm, kêu rú rất thảm-thương, các suối cạn hết nước, các thú vật cạn cả sữa, chim-chóc kêu rất là ai-thương, vì sắp-sửa không được trông thấy Thái-tử nữa.

Thái-tử thay áo quần rồi cùng với Công-chúa lên đường về nước. Vua nước cứu-dịch kia nghe thấy Thái-tử về, sai sứ đóng bánh vàng vào con bạch-tượng mang một cái bình vàng đựng hạt bạc với một cái bình bạc đựng hạt vàng ra đón để trả lại con voi, dâng các đồ vật và tạ tội rằng : « Trước kia tôi mê muội, cho nên mới sai đi xin con bạch-tượng, vì tôi mà ngài phải tội lưu. Nay tôi được tin ngài về tôi mừng lắm, tôi xin đem nộp con bạch-tượng và dâng ngài ít hạt vàng hạt bạc, ngài tha cho để cái tội tôi được nhẹ bớt đi. » Thái-tử đáp rằng : « Thí dụ một người làm đồ ăn ngon-ngọt, thơm-tho, đưa cho một người. Người ấy ăn rồi rồi nhà xuống đất thì các thứ đồ ăn ấy còn ngon-ngọt thơm-tho nữa không ? còn ai ăn được nữa không ? Nay những vật tôi đã làm phúc đi cũng như những đồ ăn nhà ra, ta không thể nào thu lại nữa. Nhờ các người lên voi về nói ta có lời cảm ơn chúa các người. Chúa các người sai các người đến thăm ta, làm cho các người phải mệt-nhọc vô-ích. » Sứ-giả về tâu lại cho vua nghe. Vì con voi ấy mà ông vua ấy trở nên một người rất

nhân-tử, bấy giờ vua tôi cả nước tu theo phép Ba-la-mật vô-thương vô-dãng-dăng.

Vua cha cưới voi ra đón con. Thái-tử xụp xuống đất làm lễ rồi theo vua về cung. Nhân dân vui mừng lắm, nào rắc hoa, đốt hương, treo phướn, rảy nước trầm ra đường để đón Thái-tử. Thái-tử vào cung thăm mẫu-hậu, xụp xuống đất làm lễ vấn-an. Vua cha giao cả kho tàng cho Thái-tử tha-hồ mà làm phúc, Thái-tử bố-thí lại nhiều hơn xưa. Vì Thái-tử nhất-niệm làm phúc, sau thành Phật. »

Kể xong Phật Thích-Ca lại bảo A-Nan-Đà tôn-giả rằng : « Một kiếp trước kia ta làm phúc như thế đấy. Thái-tử Su-Đà-Na nay là ta đây, vua cha trước là vua Tịnh-phạm-vương bấy giờ, mẫu-hậu trước là mẹ đẻ ra ta bấy giờ. Ma-Đa-Lỵ công-chúa nay là Cồ-Ba. Người tu-hành tên là A-Sy-U-Ta nay là Mục-Liên-bồ-tát. Đức Đế-Thích nay là Sà-lị-tử. Người đi săn là A-Nan-Đà tôn-giả. Gia-Lỵ nay là con ta La-Hầu-La. Na-Di-Na nay là mẹ đẻ ra Mồ-lị-bồ-tát. Người Bà-la-môn xin con nay là Đề-Bà-Đạt-da, vợ người ấy tức là Sinh-Ca Ma-Na-Vi-Ca. Ta chịu khổ-sở biết bao nhiêu kiếp mà ta làm phúc biết bao nhiêu kiếp. Các đệ-tử nên nhớ lấy kinh này mà giảng cho các tăng-dồ biết. »

Ấy các bồ-tát tu bố-thí ba-la-mật như thế đấy.

HẢI-HỒNG dịch-thuật



KHẢO VỀ LOÀI KIẾN

Ta thường nghe những lời châu-ngọc của các nhà Bác-học đã từng tán-dương cái tài cái khéo của loài ong, song ta biết đâu rằng trong khi ta đương vui mắt trông theo đàn ong nọ là-là ở trên những cánh hoa tươi đẹp kia, thì ở dưới chân ta, ta đã lờ xéo phải những con vật tuy nhỏ li-ti hơn ong, nhưng nhanh-nhẹn hơn, khéo-léo hơn, chịu khó hơn, mà lại có tính-cách giống loài người ta hơn cả: ấy là loài kiến đó. Dẫu rằng cái công-phu của loài này không làm gì ích-lợi được cho ta, song ta cũng nên biết đến, không phải là vô-ích.

I. — Nói về tổ kiến

Tổ ong thì chỉ có một lối, nhưng tổ kiến thì có nhiều lối mà cách kiến-trúc mỗi lối lại có một cái khéo riêng. Tổ thường làm ngay ở trong hốc cây già cỗi, hay ở dưới đồng rơm rạ bỏ ứ nát; cũng có tổ làm ở trên mặt đất, hay ở dưới tầng sâu đất, có khi lại thấy những tổ ở các bụi cây đắp bằng phân bò nữa. Có thứ tổ nhỏ, có thứ tổ làm rất to, nhà bác-vật-học HUBER nói rằng: « Thường những tổ kiến có tới hai-mươi, bốn-mươi tầng, cứ chồng-chất lên nhau, nửa phần ở mặt đất, nửa phần ở dưới, có lẽ những nhà cao nhất của người ta xây lên cũng còn kém xa, vì có cái tổ nhỏ lên trên mặt đất một thước tây, sâu xuống cũng tới tầng ấy mà bề chu-vi đo được đến hai hay ba thước tây. » Trông vào trong tổ thì chẳng khác gì trông vào một cái nhà thờ đẹp kiểu «gô-líc», những tầng gác cong-cong chồng-chất lên nhau một cách li-kỳ có những cột chống giữ, mỗi tầng gác có ngăn riêng ra, nào buồng ngủ, nào buồng ăn, nào phòng khách, nào phòng chứa đồ, có những con đường con ngoắt-ngóe nối lại với nhau. Ở bên *Brazil* nhân có mấy người muốn phá một tổ kiến đi, mới bơm khói lưu-hoàng vào, thì thấy khói ra ở những lỗ hổng con rải-rác dài

tới sáu-mươi thước tây, lấy làm lạ quá không hiểu ra làm sao cả.

Ở trên thế-giới này, phải hợp nhiều thành-thị, nhiều nhân-dân mới thành ra một nước được, loài kiến cũng vậy, cũng thành ra một nước riêng, nước nó cũng có kinh-dò, cũng có thành-phố, cũng có làng, cũng có xóm; dân-số chắc cũng rất nhiều, vì người ta đã tính ra rằng những kiến ở trong các tổ có từ năm nghìn cho tới năm trăm nghìn.

Những nước ấy thường có nhiều đường thông nhau lắm: ở trong rừng vì sự làm đường dễ, nhưng lại bị những lá úa vô cây rụng xuống, những rác-rưởi khác làm ngăn-trở luôn luôn, nên loài kiến phải làm tổ đường nông, mà rộng, có khi đến hai tấc tây. Ở trong các cánh đồng, vì sự làm đường khó, nhưng hễ làm là có thể bền chặt được, nên những đường ấy thường hẹp mà sâu, có khi chỉ rộng độ bốn hay năm phân tây, mà sâu tới một hay hai phân tây mà thôi.

Những con đường ấy thường giữ-gìn cẩn-thận lắm, hoặc có những mô đất hình cong che trên, hoặc lại đắp những con đường dài ở trên, coi chẳng khác gì cái cầu xe-lửa vậy. Những đường ấy làm cũng tốn công-phu lắm, chẳng kém gì ta làm đường xe-lửa, cũng có những chỗ nghỉ chân khéo xếp đặt vừa sức đi, giống như những ga sếp vậy.

II. — Nói về công-việc của kiến

Trong một nước có đến năm trăm vạn dân, tưởng không khỏi sinh ra đau độn nhau, ai ngờ lại biết hòa-thuận với nhau một cách lạ-lùng; đã không có nội-loạn, mà dân trong nước lại không khi nào vì ngôi-thứ mà cãi nhau, vì vinh-dự mà đánh nhau, không phải ngăn-ngừa bằng bờ rào, bằng gậy-lũy gì cả, mà cũng không hề

bày ra việc chính-trị bao giờ. Vậy thì loài kiến bởi sao mà hay xử được hòa-thuận như thế? Ấy chính bởi loài kiến biết chia công-việc, con này việc này, con kia việc kia, lại có lòng cấp-công vụ-nghĩa, nên mới được thế. Con nào đã có việc con ấy, mà con nào cũng biết làm hết bổn-phận, tận-tâm kiệt-lực vào việc ấy. Như kiến chúa thì phải đề trướng đề lưu-truyền lấy noi-giống; kiến chúa lúc là « mẹ » dân đó, nên dân phải phục-tri và kính-trọng lắm.

Kiến đục, cũng như ong đục, thì thật là lười quá, cứ giơng-chơi hết xuân sang hạ, đến mãi mùa thu mới chết; nhưng ta chớ tưởng rằng tổ kiến là chỗ táng-dịa của những con ấy đâu. Hễ hôm nào gặp trời quang - lãn, vùng thái - dương ấm-áp rồi qua, con gió thoang-thoang đưa lại, thì nào kiến chúa, nào kiến đục, ở trong tổ bay ra vu-vù trong vùng không-khí, lại có một đội kiến quân (1) ở dưới đất theo hầu mà hôn-hử vui-vẻ, hình như cũng chia sự khoái-lạc với lũ kiến chúa và lũ kiến đục kia, cả đời chỉ được ra ngoài tổ một lần này mà thôi. Lũ ấy bay suốt ngày, mãi đến gần tối, phần thì vì có ánh sáng, vì có khí nóng mà mất lóa đi, phần thì mệt-nhọc, nên tự đề cho rơi xuống đất; bấy giờ kiến chúa mới lấy hai hàm răng cắn vát cánh đi rồi mới về tổ. Còn lũ kiến đục thì đi đâu? Lũ ấy đi bơ-vơ rồi chết đi; đó, cái ngày vui-thú của lũ nó lại chính là ngày tận-số của chúng, hoặc là bị con chim nào hớp mất, hoặc là rơi xuống đất, bị giống khác cắn chết, dù thế nào, nó cũng không tìm về tổ cũ nữa, hễ có gặp kiến quân thì lũ này cũng chẳng chịu chỉ đường dẫn nẻo cho mà về đâu, vì chúng cũng biết rằng lũ kiến đục này không làm việc gì ích-lợi mà chỉ ăn hại chúng thôi.

Những kiến con chưa đi kiếm lương-thực được, vì da còn non lắm, cần phải

đợi có đủ sức-lực thì mới có thể ra xông-pha những công-việc nặng-nề, sợ có lúc nguy-hiểm chẳng; bởi vậy nên còn ở nhà mà hết lòng chăm-chút cho những con mới ở trong trứng nở ra.

Những kiến quân thì vừa đi tìm kiếm lương-thực, vừa xây-dập tổ-lổ, vừa coi giữ việc nhà: nào là đứng canh những con đường ngoắt-ngoéo tại tổ, — mấy con đường này, bao giờ cũng nhỏ-hẹp, chỉ có thể một con đi vừa mà thôi, phòng có những việc khinh-dộng bất-thường ở ngoài thì chống- cự cho dễ. Lại những con thì xếp-dặt và bày-bien những đồ ăn ở trong đại-công-phòng; còn những con khác thì đi tìm kiếm đồ-ăn và mạo-hiểm đi tìm các chốn có lương-thực đề tiện việc khuân-vác về tổ.

Nhiều tổ lại có thứ kiến quân lạ, chỉ có việc thu nhặt, tự mình cất vào bụng mình, hễ ai hỏi đến thì mới phát ra; cái bụng của thứ kiến này có thể phồng ra co vào dễ lắm. Thứ kiến này không hề dời ra ngoài tổ bao giờ vì châu và hàm răng dưới của nó liết hẳn đi, không cử-dộng được. Thứ ấy chẳng khác gì những cái lọ chứa mật vậy.

Ngoài những con kiến quân thường, lại thấy có những con kiến khác, con thì đầu to có lông, con thì đầu đen; người ta thường gọi là thứ kiến chiến-tranh (*les guerrières*); ấy tên nó như vậy, nhưng nó không đánh nhau bao giờ; người ta ngờ rằng những thứ ấy có lẽ dùng để làm lũy cao hào sâu cho đồng-loại nó; vì những cái đầu rắn-rỏi của chúng có thể cản-ngăn được những loài sâu bọ khác cùng những giống kiến kiến, không khác gì những cái tường bền-vững mà muốn sẽ dịch thế nào cũng được vậy.

III. — Loài kiến là một loài rất có sáng-ý

Không những loài kiến mỗi con chỉ biết

(1) Lúc mới đẻ ra thì kiến chúa và kiến đục có cánh, còn như kiến quân thì không có.

phận-sự mình mà thôi, lại có cái khéo-léo lạ-lùng là biết chia việc cho nhau và có sự gì khó-khăn cũng biết giúp-dỡ lẫn nhau.

Có một hôm, ông LUND đứng dưới một gốc cây, tự-nhiên nghe thấy tiếng lá rụng; trời hôm ấy bình-tĩnh, không có một tí gió nào, thế mà lá rụng xuống như mưa; lạ nữa là cái lá nào cũng vẫn có hương sắc tự-nhiên và ra vẻ xanh tốt. Ông LUND mới nhìn xem thì thấy ở mỗi một cái cuống lá lại có một con kiến ăn-núp đang ra sức cắn nát, thành ra chẳng bao lâu thì cái lá rời ra mà rơi xuống. Ở dưới chân cây, thì có những con kiến khác đương cắt nhỏ những lá rơi ấy, rồi những lá cắt nhỏ ấy lại có con khác đến đem về tổ. Chỉ trong một tiếng đồng-hồ mà cái cây ấy chui hết lá.

Lại một chuyện nhỏ nói sau đây mới lạ nữa, vì ta cứ xem thế thì đủ biết loài kiến sáng ý và khéo-léo là dường nào. Có một ông khảo-cứu về loài kiến thường cứ rắc những cục đường vụn ở thành cửa sổ để dụ nó, ai ngờ chẳng bao lâu mà loài kiến quân làm thành một con đường bất-tuyệt từ vườn đến nhà. Một hôm, ông mới để đường vào trong một cái bình con treo ở cửa sổ, ý ông muốn cho những con kiến biết cái mới ấy, ông bèn bắt mấy con bỏ vào trong cái bình đó; những con này mới tha viên đường con leo cái dây buộc bình mà đi, theo cái khung cửa và cái tường mà về đường cũ, chẳng bao lâu cái đường mới ấy thấy hoàn-thành ngay, kiến ta đã lũ-lược kéo đến; như thế được đến ngót một ngày; hôm sau ông ngủ dậy thì thấy lũ kiến không treo - leo như trước nữa mà cứ chụm cả lại chỗ cũ là chỗ thành cửa sổ, thì ra lũ kiến đã nghĩ ra một cách rất diệu, vừa nhanh, vừa đỡ khó-nhọc; chúng bảo nhau độ cho mười hai con vào trong bình cứ một việc khuẩn đường ra ngoài miệng bình rồi cho rơi xuống, ở dưới thì đã có những con khác cứ một việc nhặt lấy mà mang về, thật là

tiện quá! Ông bác-vật-học LEUCKART cũng làm một cách thí-nghiệm hơi giống thế: ông lấy một cái dây vải thấm nước thuốc-lá rồi đem quấn chung-quanh một cái thân cây thường có nhiều kiến qua lại lên xuống, thì thấy những con kiến ở trên cái dây vải ấy tự làm cho lẫn mình xuống đất, còn những con đương lên, đến đấy ngừng lại thấy mùi thuốc, ngừng lại một hồi lâu, đến khi lên thì mỗi con có ngậm một miếng đất vụn ở miệng để đắp thành một con đường con qua cái dây vải mà đi lại tự-do như trước.

Ông BELT một hôm trông thấy một lũ kiến cắt lá đang đi từ tổ cũ đến tổ mới, giữa đường có một cái bờ vơi dốc, đáng lẽ phải khuôn cả lương-thực mà xuống, nhưng không, lũ kiến mới bảo nhau con thì ở trên cứ đem lương từ tổ cũ đến bờ đường dốc ấy rồi vất xuống, đã có con ở dưới khuôn lấy mang về tổ mới.

Có một ông toán-học có tiếng tên là DES CHÈNES, nguyên là người giúp việc của ông LAGRANGE, nhân về hưu ở nhà quê mới bỏ toán-học mà dùng ngày giờ rỗi để xét loài kiến. Ông có kể một câu chuyện lạ-lùng chính ông mục-kích như sau đây. Một hôm, ông trông thấy một con kiến mang một cái gì nặng lắm, đi đến một chỗ hiểm-hóc, bên gần-ngại sợ khó lòng mà qua được, mới đi tìm con khác giúp-dỡ, con này dẫn nơi dễ vật nặng ấy xuống, rồi hai con cùng ngậm một sợi cỏ, cùng nhau ra sức luồn một đầu xuống dưới vật nặng ấy, thành ra cái vật nặng ấy qua được cái gờ đất cỏn - con dễ như chơi; ông lấy làm buồn cười tự bảo rằng: « Ta bỏ toán-học đi cũng phải! »

IV. — Loài kiến có tiếng nói

riêng không?

Không những loài kiến tự-nhiên biết được nhau, mà nó lại có cách khôn hơn nữa. Thử xem như trong một đám người ta cũng có thể phân-biệt được người nào là người Tây, người nào là người Ấn-độ

người nào là người Chi-na. Song khó mà phân-biệt được người Ý-dại-lợi và người Đức-y-chi, nhất là những đứa trẻ con mới đẻ ra, ta cứ để trần-trồng mà hỏi đứa nào là đứa đồng-loại với ta, đứa nào là đứa khác giống với ta, thì lại khó nữa. Loài kiến thì không hề lầm bao giờ.

Nếu bắt một con kiến ở tổ khác, bắt cứ là con non, hay đã lớn, hay đã già rồi, đem vào để ở trong tổ lạ, thì tất bị những con kiến ở tổ lạ ấy đuổi ra hay giết chết đi. Nhưng nếu nay ta lại đem những cái trứng ở chính trong cái tổ lạ ấy để vào những tổ kiến rất phúc-đức khác nuôi cho nở ra; rồi lại đem về trả ở tổ cũ thì những kiến ở tổ cũ ấy biết ngay mà ra công chăm-chút cho nó và hết lòng yêu giấu nó. Vậy thì bởi đâu mà thế? Điều ấy thì người ta chưa biết rõ.

Hay là loài kiến có một thứ tiếng nói riêng sao? cũng hơi có lẽ, ta cứ xem thế này thì đủ biết: nhiều khi ta trông thấy con kiến cổ lồi một con ruồi đã gần đến tổ rồi, khi đó ta thử lấy cái kim sâu con ruồi ấy vào miệng gỗ, tức-thì con kiến đứng lại ngay, tự biết rằng dù nó có cổ lồi đi nữa cũng chẳng được; nhưng nó có đứng tần-ngần mãi như thế đâu, nó vội để cái mồi đấy, chạy cho mau về tổ, báo cho chúng bạn biết rồi cùng nhau kéo ra khiêng về. Những chúng bạn nó có lẽ đương ngủ say, vì thấy lũ ấy theo nó có dáng mồi - một hình như là chưa được đầy giắc, nhưng con đi kiếm mồi nhỏ kia đã kèm ở sau, thúc chúng bạn đi.

Trong lúc chiến - tranh thì loài kiến nghe rõ hiệu-lệnh lắm, có khi nghe được cả hiệu-lệnh lũ thù-ngịch của mình nữa. Ví-dụ như có quân thù-ngịch bất-thình-linh đến, thì người ta thấy nó cứ lấy bụng nó đập xuống đất mãi kỳ cho đồng-loại nó nghe thấy mới thôi.

V — Loài kiến là loài biết giúp đỡ lẫn nhau, lại là loài biết phép vệ - sinh

Ở bên Ấn-độ có một loài kiến mùi đỏ,

nhỏ lắm, nhỏ đến nỗi hợp sức mười hai con lại mà khiêng một hạt lúa mạch hay một hạt lúa mì cũng lấy làm khó-nhọc nặng-nề, song cũng cổ lồi được bảy tám trăm thước tây mới nghe. Loài kiến ấy tuy bé nhỏ nhưng có lễ-phép lắm, chẳng khác gì người Nhật-bản vậy. Những con nào về không bao giờ cũng chào những con mang nặng; song chúng nó chào nhau nhanh lắm, thành ra cũng không có thể chậm bước lại được. Ấy ở bên Nippon hề hai anh phu khuôn gặp nhau thì thế nào cũng nói mấy câu thân-yêu.

Kiến đã có lễ-phép thế, lại rất nhân-đức. Sir LUBBOCK có kể chuyện rằng trong những cái tổ ông đã nhận kỹ thì ông thấy có một con kiến lúc mới đẻ ra không có râu (*antennes*), nên không hề dám ra ngoài tổ bao giờ. Một hôm, không biết làm sao lại thấy nó loạng-choạng ra ngoài, thành ra cứ đảo-diên diên đảo, chẳng biết đường lối nào mà đi cả, quẩn-quanh mãi, sau gặp một lũ kiến rừng bắt nạt, phải bị thương; ngay bấy giờ có một con đồng-chúng đến, trông thấy vậy, bèn xem xét kỹ-lưỡng rồi se-sẻ mang nó về tổ.

Nhiều khi người ta đã trông thấy những con kiến mất râu được những con khác điều - trị coi-sóc tử - tế lắm; có lúc lại thấy những con ấy để lưỡi vào những vết thương, rồi tự làm cho chảy vào đấy một giọt nước gì, hình như ta cho thuốc tiêm vào bệnh-nhân vậy. Còn những con kiến chẳng may bị què-quặt thì lại được chúng bạn coi-sóc rất tử-tế hơn nữa, chẳng khác gì cái cách ta ăn - ở đối với những ông già bà lão vì làm việc quá mà gân cốt suy yếu, tinh-thần kém cỏi vậy.

Ông Huber có kể chuyện lại rằng: Một hôm ông thấy mấy con kiến bị ông bắt sỏ ra, xây gặp mấy con kiến khác, mới nhận biết những con ấy chính là những bạn với mình ngày trước; bèn cùng nhau làm các bộ-tịch, lấy râu mà xoa xuyết nhau, lấy hàm dưới đụng vào nhau, rồi những con kiến bạn giắt những con kiến bị bắt

được thoát ấy vào tổ. Ông nói rằng : « Rồi ít lâu tôi thấy kiến kéo từng đàn lững lờ đến trên cái tổ kiến của tôi tự chế ra để tìm những con kiến còn ẩn ở đấy, lại cố hết sức vào tận trong tổ mà đưa dần-dần hết những con kiến ở đấy ra, chẳng bao lâu cái tổ của tôi hết kiến. »

Mấy chuyện ấy đủ làm chứng cho ta rõ rằng loài kiến cũng biết giúp đỡ nhau và cũng hiểu tình đồng-loại là thế nào vậy.

Tuy loài kiến chăm-chỉ làm việc thật, song cũng có các cách chơi đùa, có thể gọi được là những cách tập thể-thao của loài kiến.

Chính ông HUBER đã trông thấy loài kiến có lúc đứng lên hai chân sau, hoặc bày những cuộc đánh nhau giả, hoặc chơi « hú-tim » (*cache cache*), có khi lại cướp lấy chân nhau hay dính lấy hàm dưới nhau mà vật nhau, lòi nhau rồi lại thả ra cho nhau, mãi đến hết giờ giải-trí mới thôi, thì lại trở vào làm việc.

VI. — Loài kiến cũng biết dụng loài khác làm nô-lệ

Loài người có giống dã-man thì loài kiến cũng có giống dã-man, giống này cứ dùng sức hung-bạo để chiếm các tổ của giống khác để ở, nhiều khi chúng hội-hợp nhau lại thành từng đàn lớn đi cướp phá. Những giống nhện to, giống mối, giống sâu họ hoặc ở trên lá hay ở trong thân cây, rất là sợ loài kiến đến cướp phá lắm.

Hễ lũ kiến ấy đến đâu là các loài vật nhỏ đều kinh-dộng, loài rắn cũng phải lẩn trốn. Bọn này đi từng bốn năm hàng dài một, đi đến đâu là quét sạch những thứ đồ ăn sống hay chết ở đất đến đấy; nếu gặp một cái tổ kiến nào, thì lũ ấy tất sấn đến mà thì hết các cách tàn-bạo để cướp phá tổ ấy.

Nhưng giống kiến dã-man ấy thường ở rừng-rủ.

Nước của loài này không được đông đặc

lắm; cái tính hiệp-lực của chúng cũng không được phát-tiến lắm.

Ấy chính là nhờ có ông HUBER mà ta biết được rằng loài kiến cũng có cách bắt nô-lệ. Nhân ông đi chơi ở ven bờ hồ *Genève*, tình-cờ ông thấy có một đội kiến to mùi hồng; đội ấy đi rất nhanh, qua một hàng rào dây kẽm, rồi ven bờ ruộng đến một tổ kiến đen; thoát kỳ-thủy còn đứng ở ngoài để đánh vào, bị trục ra nhiều lần, sau mới xẽ được cái rạch mà phá vào. Được vài phút, ông HUBER trông thấy đội kiến ấy ra, mỗi con ngậm ở miệng một cái trứng hay một con kiến sắp nở.

Nhưng lẽ trời cũng hay: loài kiến dã-man bắt loài khác làm nô-lệ cho mình mà rồi không thể dời loài khác ấy mà sống được: hăm răng nó thì mất hết răng, mà nó cũng quên cả cách kiến-trúc khéo. Bởi vậy nên khi làm tổ, kiếm lương-thực nuôi con, đều phải nhờ cả lũ kiến nô-lệ. Hoặc dời tổ đi chỗ khác, thì lũ nô-lệ-tất phải khiêng chúa lười biếng nó ở trên lưng. Lại còn nhục nữa là chúa nó không biết cách ăn, dù lương-thực có ngon có nhiều đến đâu, trong bụng đói đến thế nào chẳng nữa, cũng đành ngồi đấy chịu chết, thành ra lũ nô-lệ lại phải cho chúng ăn và tắm rửa cho chúng nữa.

VII. — Loài kiến là loài biết chăn loài vật khác để lợi - dụng và cách lợi-dụng của nó cũng thần-diệu lắm.

Trên kia đã xét qua cái lũ kiến dã-man ấy rồi, nay thử xem lũ kiến khác văn-minh như thế nào. Ta thường thấy một con kiến cứ đứng lảng-vảng gần cái rễ có những rệp cây đương hút nước đường; con kiến ấy đứng đấy chính là để trông nom coi-sóc đàn mục-súc của nó đấy, mà những con rệp cây ấy chính là những con bò cái của nó đấy. Những con này thường bám ở những cây cỏ để hút nước mầu mà làm thành ra một thứ mật ngọt; muốn vắt

mật ngọt ấy thì những con kiến thoát tiền đến gần, dờ hai cái râu se-se vuốt-vé nó, tức thì nó nhả ra một thứ nước ngọt, kiến ta bèn hút lấy. Đánh đổi cái nước ngọt ấy thì kiến ta hết sức che-chở cho nó, có khi lại đào sâu dưới đất làm hình như chuồng bò để dốt nó vào đấy.

Không những là giữ-gìn cho rệp cây khi nó đương lớn để lấy lợi ngay như thế đâu, lại đi nhặt lấy trứng chưa nở đem về giữ suốt mùa rét. Xem thế thì biết không những chỉ kiếm lương-thực để phòng đến mùa rét mà thôi, lại gia sức trong sáu tháng đặng-đặng, hết lòng chăm-chút những cái trứng của loài « vắt sữa » ấy để phòng khi gặp mùa gió lạnh thì nuôi thành. Kể trong loài vật, để chỉ có loài này là biết phòng xa hơn nhất.

Loài kiến không những lợi-dụng được rệp cây, lại còn lợi-dụng được cả loài sâu bọ thuộc về giống bọ ba-ba (*Cochenille*) nữa, chẳng khác gì người ta lợi-dụng các giống súc-vật; ta thường thấy ở trong tổ kiến có những con bọ giữ việc quét tổ, loài kiến không làm hại bao giờ.

VIII. — Loài kiến là loài biết trồng-trọt!

Loài kiến lại còn có loài biết làm ruộng cấy lúa nữa; thế là đã qua cái thời-kỳ diên-liệp, mục-sú, liền đến thời-kỳ canh-nôn đó. Tại xứ Texas có một thứ kiến biết đi gặt lấy hạt, người ta gọi là hạt mì kiến; Loài ấy cứ dọn cho sạch ở xung quanh tổ những vòng tròn độ 10 hay 12 thước đường kính, lắm khi mặt trời chiếu xuống nóng quá mà cũng chịu khó gia sức làm cày kỹ cái miếng đất làm màu ấy để gieo lúa.

Ở trung-bộ châu Mỹ, về miền gần các trại, thường thấy những cây bụi hắc lá, đến gần thì thấy từng đội kiến đang hăm-hăm hờ-hơ mà leo lên leo xuống, vừa đi vừa mang những mụn lá con, coi cứ tưởng là những cái lá cây ấy tự đi một mình, không biết rằng có con kiến lẫn ở dưới bó nặng mà kéo đi. Tổ thì xa mà

đường thì dài, nhưng nào kiến có chịu bỏ cái cây nó đã phá-hại ấy đâu, lại càng thấy hăng-hái lạ thường; nó cứ ngồi ở cạnh cái lá, lấy hàm răng mà cắn thành một cái hình tròn, đến khi cắn được hết rồi thì nó vội nhay nhanh về chỗ còn lại, nâng cái miếng tròn ấy lên, lấy râu giữ một đầu, rồi se-se để lên trên lưng một cách nhanh-nhẹn lắm, rồi đi... đi suốt cái dãy leo hay suốt cái tán cây dài kia, lại qua nào khe núi, nào cầu sông, nào cống, mới đến được con đường to thẳng-băng đến tổ. Đã có những quân quét đường giữ, in chân thật lắm; hễ đến con đường to là chạy một mạch nhanh lạ-lung, chỉ độ một phút mà chạy được tới hai thước rưỡi ấy.

Tổ của chúng hoặc ở dưới đất, hoặc ở dưới một đồng lá khô; có khi lại ở dưới sàn nhà; song dù cái kiểu nhà và cái nơi đặt cái nhà ấy có khác nhau, nhưng vẫn ở liền nhà với nhau, vẫn che lợp tối-lắm, làm bằng một chất sộp, mềm và xám, coi y như những cái rong bèo (*Eponge*) của ta thường dùng để rửa mặt vậy. Ấy loài kiến trồng cây ở đấy, rồi hết sức chăm-chút làm cho nó cao tốt một cách khác thường; người Nhật chăm-chút những cây cảnh cũng không bằng được thế. Nhiều khi cái vườn rộng tới vài tấc tây hay mấy thước cũng có. Trong vườn thì nào đường nọ lối kia, chạy ngang chạy dọc. Loài kiến sở dĩ đi lấy những mụn lá con về không phải để ăn lá đâu, ấy nó dùng những mụn lá đó làm đồ bón cho cây đấy.

Lúc kiến ta về tới tổ, trước hết đem cái mụn lá ấy cắt làm đôi, rồi lại đưa cho con khác để cắt nửa ấy ra làm đôi, cứ thế mãi, truyền hết con nọ đến con kia, đến khi những miếng ấy thành nỏ lằm, chúng có thể lấy hai chân trên và hàm dưới nghiêng nhỏ được, rồi viên tròn lại, đem đến những gốc cây đâm sâu xuống đất.

Cái cây ấy, lớn lên tới 15 hay 20 phân tây, rồi kiến ta mới dùng cách bí-mật làm căn không cho cao lên nữa, cứ cố chăm

chút bón xới, phần thì át đi không cho mọc cao, phần thì hút nhiều chất bổ, thành ra ở đầu những cái cành tí-tí của cây, có những hình tròn tròn nổi cục ra, ấy là « củ khoai » của kiến đấy. Cũng có khi những cây ấy không chịu thế, cứ mọc cao lên, thủng cả mái nhà, dơ ra một chùm lá đỏ thắm hay đỏ như nước vang, cứ tự-do mà mọc cao mãi lên, song cũng ít khi như thế lắm. Cái cách làm vườn của loài kiến thật là diệu, các nhà điền viên rất khéo ở Ba-lê (cũng phải lấy làm phục ! Cây nấm là một thứ cây rất khó trồng cho nó tốt, đã dễ có sâu lại hay lẫn các giống khác, đến người ta cũng còn lấy làm khó trồng, thế mà ta không hề thấy có một cái cỏ xấu nào ở trong vườn nấm của kiến, không hề thấy có một thứ nấm nào khác thứ nấm của kiến trồng cả.

Đấy, ta đã biết được cái cách ăn-ở và phong-tục của loài kiến rồi đấy, lẽ nào ta chỉ lăm-tắc k'ên loài ấy cho là kỳ-khôi, cho là thần-tinh mà thôi, ta há chẳng nên lấy đấy làm một bài học hay cho ta ru ?

Một nhà văn-vật-liệu có nói : « Khi người ta trông thấy một cái tổ kiến có hàng mấy ngàn dân-cư, lũ này thì làm

phòng, đào hầm, lũ kia thì đắp đường, xẻ rãnh, có bọn thì chứa lương-thực, có bọn thì nuôi giống vật ; con nào con ấy bất lòng gia-sử-khéo-léo làm việc, không rối-rít, không lộn-xộn ; nếu người ta được trông cái cảnh-tượng ấy thì ai cũng khen rằng loài kiến có « lý-tính » (*la raison*). « Đã nghiệm chắc ra rằng trí-não loài kiến có khác trí-não loài người là khác bởi cái phạm-vi, hơn là khác bởi tính-chất, nghĩa là trí khôn kiến cũng đồng một tính-chất như trí khôn người, duy không được rộng bằng trí khôn người mà thôi. » (*Toutes les expériences tendent à confirmer l'opinion que leurs facultés mentales diffèrent de celles de l'homme moins par leur essence que par leur étendue.*)

Tuy-thì những tính-tự-nhiên về đàn-tri-não của loài kiến có khác loài người ta thật, nhưng những nét tốt làm cho loài nó được tiến-bộ cũng giống như những nét tốt làm cho loài người được vững-vàng, là : tính kiên-nhẫn, tính biết vâng theo p áp-luật, tính biết ham mê việc làm, và tính nghĩ tới những việc công-lợi cho đoàn-thể.

KHÁI - SINH THUẬT

On sait quel rôle immense jouent dans tout l'Orient l'arrosage des terres et la distribution des eaux. C'est l'objet depuis des siècles de la plus savante réglementation. Eh bien ! la distribution de la pensée européenne sur ces vieilles races desséchées à la surface, c'est encore plus important et plus difficile. De quelle manière les pénétrer ? En vue de quelles productions ? Avec quels résultats ?...

MAURICE BARRÈS

Ở Đông-phương sự tưới ruộng đất, sự phân-phát nước là quan-hệ lắm. Từ mấy mươi đời đến giờ, vẫn đã định qui-thức rất khôn-khéo. Nay tư-tưởng của Tây-phương đem sang phân-phát cho những dân-tộc ở Đông-phương kia, như những đất ruộng đã cạn hân cả, vấn-đề ấy tưởng lại quan-hệ và khó-khăn hơn. Phải nên tìm-tưới thế nào ? Đề mong sinh-sản những gì ? Cho được kết-quả thế nào ?...

VĂN-CHƯƠNG TRUYỆN KIỀU⁽¹⁾

III

V. — Văn vãn-đáp

Người đời có ngôn-ngữ, có cử-chỉ; ngôn-ngữ cử-chỉ là tiêu-biểu sự sinh-hoạt của người ta. Bởi vậy cho nên, tiểu-thuyết đã là hình-dung cuộc đời, tất phải dùng đến văn vãn - đáp thời truyện mới giống sự thực. Đọc truyện đến chỗ có văn vãn - đáp thì độc-giả hình như trông thấy hoạt - cảnh, mà nghe những người trong truyện văn-đáp với nhau như thực. Tiểu-thuyết nhờ văn vãn-đáp mà có vẻ hoạt-động vậy. Nhưng văn vãn - đáp ấy phải thích-hợp với tình-ý trong câu truyện, với thể-tài câu văn, mà ngôn-ngữ của hạng người nào hợp với tư - cách, trình-độ của hạng người đó. Văn vãn-đáp trong truyện *Kiều* thời thật có đủ bấy nhiêu tính-cách vậy.

Cùng một cảnh-vật, nhà thi-sĩ trông ra khác, người tâm-thường trông ra khác, vì cái vẻ nên thơ của cảnh - vật duy chỉ có mắt nhà thi-sĩ mới trông thấu mà thôi. Như vậy thời thơ không hết được sự thực, thơ là sự thực ở mắt nhà thi - sĩ, thơ là sự thực trong ý - tưởng nhà mĩ - thuật; cũng vì lẽ đó mà ngôn-ngữ của những người trong truyện *Kiều* không thực, vì thực thì có ai nói ra thơ? Nhưng chưa từng thấy ai cho cách ngôn-ngữ đó là trái với sự thực. Ấy mới là cái thần - tình của tác-giả! Cho nên nói được rằng văn vãn-đáp trong truyện *Kiều* thích-hợp với tình-ý câu truyện và thể-tài lời văn vậy.

Văn vãn-đáp trong truyện *Kiều* có đoạn như một áng văn biệu-thuyết rất hùng-hồn. Ví như Thúc - sinh ngỏ ý

muốn lấy Kiều làm vợ lẽ, thời trư
hết Kiều cảm ơn và tỏ ý ngăn - ng
không biết có nên chăng :

Nàng rằng : « Muốn đợi ơn lòng,
Chút e bên thú, bên tông dễ đau ».

Một lẽ không nên là :

Bình-khang nấn-ná bấy lâu,
Yêu hoa yêu được một màu diễm-trang.

Lẽ nữa không nên :

Vả trong thêm quế cung trăng,
Chữ-trương đành đã chi Hăng ở trong.
Bấy lâu kháng-khít giải đồng,
Thêm người, người cũng chia lòng ri

Lẽ thứ ba không nên là :

Vẽ chi chút phân bèo mây,
Làm cho bề ai khi đầy khi vơi.
Trăm điều ngang-ngửa vì tôi,
Thân sau ai chịu tội trời ấy cho ?

Lời đón trước :

Như chàng có vừng tay co,
Mười phần cũng đắp-diêm cho một vại.
Thế trong dù lớn hơn ngoài,
Trước hàm sư-tử gửi người dăng-la !
Cúi đầu luôn xuống mái nhà,
Dầm chua lại tội bằng ba lửa nằng !

Lời rào sau :

Ở trên còn có nhà thông,
Lượng trên trông xuống biết lòng có

Sá chi liễu ngũ hoa tường,
Lầu xanh lại bỏ ra phường lầu-xanh.

Kết-cục chẳng qua :

Lại càng dơ dáng đại hình,
Đành thân-phận thiếp, ngại danh-giá chàng

Lời tổng-kết :

Thương sao cho vẹn thời thương,
Tính sao cho vẹn đôi đường thì vãng !

(1) Xem Nam-Phong số 81, 83.

Có khi nhà làm văn dùng lối văn vắn-đáp để tả những tình-cảm hằng-hái nồng-nàn uất-ức trong lòng người, những tình-cảm ấy muốn tả cho đúng phải để cho chính người trong truyện thổ-lộ can-tráng. Thủy-Kiều đã bán mình chuộc được cha rồi, mới nghĩ đến nhân-duyên, đến thân-thể mai sau mà đau-dớn trong lòng, một mình đối ngọn đèn khuya, suốt đêm ti-ti khóc. Nhân em tình giặc hỡi, mới định tỏ bày tâm-sự nhờ em thay mình trả nghĩa cho Kim-Trọng:

Ngày xuân em hãy còn dài,
Xót tình máu-mủ thay lời nước non.
Chị dầu thịt nát xương mòn,
Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây.

Kiều trong lòng đau-dớn ê-chề mà vẫn cố nén lòng, lời nói với em tuy dịu-dàng nhưng thiết-tha ai - oán, ai nghe cũng phải thương người khổ vì nặng với chữ tình.

Chiếc thoa với bức tờ mây,
Duyên này thì giữ, vật này của chung.
Dù em nên vợ nên chồng,
Xót người mệnh bạc ắt lòng chẳng quên.
Mất người còn chút của tin,
Phím đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa.

Kiều càng nói lòng càng thêm đau, nên lời nói nghe cũng thêm ai-oán.

Mai sau dầu có bao giờ,
Đốt lò hương ấy, xe tơ phím này.
Trông ra ngọn cỏ lá cây,
Thấy hiu-hiu thổi thì hay chị về.
Hồn còn mang nặng lời thề,
Nát thân bồ-lưu đèn nghĩ trúc-mai.
Đa-dải cách mặt khuất lời,
Vây xin chén nước cho người thác oan.
Bây giờ trâm gãy gương tan,
Kể làm sao xiết muôn vàn ái-ão!

Tình-cảm hằng-hái, máu uất nồng-nàn, Kiêu cố nén lòng, nhưng nói đến đây đau dớn quá:

Trăm nghìn gửi lạy tình-quân,
Tơ duyên ngắn-ngủi có ngần ấy thôi!
Phận sao phận bạc như vôi,
Đã đành nước chảy hoa trôi lỡ-làng!

Nén lòng không nổi, khóc to lên rằng:

Ôi Kim-lang! hỡi Kim-lang!
Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây!

Rồi hôn ngất, máu say, chân tay lạnh ngắt, bất-tình nhân-sự...

VI. — Văn tả người

Có việc phải có người, thuật đến việc tất phải tả người, thì độc-giả mới hiểu thấu được việc, mới tưởng-tượng được ra việc, như đã có trông thấy thực. Vậy thời tả người là đề tả việc, nên có người phải tả kỹ, có người chỉ phác vài nét gọi là, có người không cần tả đến.

Vì như tả hai chị em Thủy - Kiêu Thủy-Vân là hai người con gái tuyệt-sắc cả, thể mà nét bút vẽ mỗi người ra mỗi khác, người nào ra người ấy không thể lẫn được.

Ma cốt-cách, tuyết tinh-thần,
Một người một vẻ mười phân vẹn mười.

Đó là cái tinh-cách chung của chị em Kiêu: Cái nhan-sắc của hai người hoàn-toàn là vì được cả tinh - thần lẫn hình-thức.

Vân xem trang-trong khác với,
Khuôn trăng đầy-dặn, nét ngài nở-nang,
Hoa cười ngọc thuyêt đoan-trang,
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.

Chỉ có 4 câu mà đủ tả rõ ra nàng Thủy-Vân, người đầy-dặn nét-na, dung-nhan vui-vẻ, ẩn nói có duyên, da tuyết, tóc mây, lại thêm đi đứng đoan-trang, rõ ra vẻ con nhà nền-nếp sang-trọng.

Đẹp đến thế tả tuyệt vời, bao nhiêu vẻ đẹp hình như tác-giả đã cho cả Thủy-Vân rồi, thế thì tả sao cho ra cái nhan-sắc Thủy-Kiều được nữa?

Kiều càng sắc-sảo mặn-mà,
So bề tài-sắc lại là phần hơn.

Thế thì tác-giả chưa vẽ Kiêu mà đã ra Kiêu hơn Vân rồi, không những hơn Vân về sắc, mà lại hơn Vân về

tài. Nhưng đọc kỹ câu trên thì có thể biết được rằng Kiều không được thủy-mị bằng Vân (sắc-sảo) mà nét đa-tình hiện ra dung-mạo (mặn-mà).

Làn thu-thủy, nét xuân-sơn,
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.
Một hai nghiêng nước nghiêng thành...

Đẹp thực, nhưng cái đẹp ở làn thu-thủy (con mắt) với nét xuân-sơn (mi mắi) là cái đẹp của người đa-tình, cái đẹp có tình mới hoàn-toàn, nên khiến cho ai trông thấy cũng phải say mê say mệi !

Tả Vân có câu :

Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da;

Tả Kiều có câu :

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.

Một bên thua với nhường, một bên ghen với hờn : đọc hai câu đó đủ đoán được thân-thế chị em Kiều mai sau ra sao vậy.

Thông-minh vốn sẵn tư trời,
Pha nghề thi-họa đủ mùi ca-ngâm.
Cung thương lầu bậc ngũ-âm.
Nghề riêng ăn đứt hồ-cầm một trương.

Đó là cái tài của Thúy-Kiều. Một người con gái mà thơ, ca, đàn, vẽ, giỏi cả, thì tài-hoa thực ! Nhưng

Phúc nhà tay lựa nên xoang,
Một thiên bạc-mệnh lại càng nano nhân,

thì ra Kiều lại là người đa-sầu, mà đa-sầu tất là hay nghĩ, dễ cảm.

Xem thế thì tác-giả tả Kiều kỹ hơn tả Vân nhiều, vì Kiều là vai chủ-động trong truyện, ta cần biết rõ Kiều hơn Vân. Văn tả hình-dung của cụ Nguyễn Du tài-tình là vì cùng một nét bút mà cụ tả được cả nàng Kiều hữu-hình và nàng Kiều vô-hình, khiến cho độc-giả đọc qua một lượt là có thể biết được rõ Kiều tài là thế, sắc là thế, tính-tình là thế. Tính-tình tài-sắc ấy có quan-hệ đến cuộc đời sau này của nàng Kiều, nên cụ tả kỹ, văn tả hình-dung của cụ thực là trùng-cách vậy.

Phong-lưu rất mực hồng-quần,
Xuân-xanh xấp-sỉ tới tuần cập-kê.
Êm-dềm trường rủ màn che,
Tường đông ong bướm đi về mặc ai.

Thế là đến chỗ kết - luận đoạn văn tả hình-dung hai Kiều, tác - giả lại tả cái tính-cách chung của hai người vậy.

Thúc-sinh là một cậu công-lữ, con nhà giàu, ham chơi, đại gái, tính lại hay khoe-khoang hão :

Thúc-sinh quen thói bốc dời,
Trăm nghìn đồ một trận cười như không.

Tả như thế thì khéo quá, đúng quá, nên tiếng « cười Thúc-sinh » đã thành tục-ngữ.

Mã-sinh cũng là một tay phong-tinh, mà cụ lại tả cách khác :

Quá-niên trạc ngoại tứ-tuần,
Mây râu nhẵn-nhụi áo quần bảnh-bao.

Con người như thế mà đến sánh vai với người tài - tinh như cô Kiều, thì có rõ một tiên, một cú không ? Cụ Nguyễn Du cố ý đem cái não-cảnh ấy ghép vào cho nàng Kiều, để khiến cho người đời thêm thương-xót người bạc-mệnh. Lối văn tả Mã-sinh này là lối văn diễn, khen đề chê, tức là văn có dùng phản-ngữ vậy.

Lại đến khi ta thấy Mã :

Cò-kè bớt một thêm hai,

thì ta biết ngay Mã là phường mai-hạng trong xã - hội. Ấy văn tả hình-dung khéo, phải khiến cho người đọc biết được cả cái địa-vị người ấy trong xã-hội.

Thoắt trông lờn-lợt màu da,
An gì cao lớn đầy-dà làm sao !
Trước xe loi-lả ban chào...

Có mấy nét bút mà như vẽ ra cụ chủ-lưu xanh. « Lờn-lợt », « cao lớn đầy-dà », « loi-lả » là những chữ dùng đúng lắm.

Sương in mặt, tuyết pha thân,
Sen vàng lững-thững như gần như xa,
thì rõ ra con ma, tả đến thế là tuyệt-bút, khéo nhất là chữ « lững-thững ».

Người con gái đẹp chết đuối cụ,
Nguyễn Du tả cũng khéo lắm,

Trên mui lướt-thướt áo là,
Tuy dầu hơi nước, chưa lòa bóng gương.

Rõ ra người con gái sang-trọng có
nhân-sắc chết đuối chưa bao lâu đã
vọt lên được.

Nhà đại-văn-hào nước Pháp, LA-
MARTINE tiên-sinh, tả người con gái
chết đuối vọt được, viết :

Des pêcheurs un matin virent un corps de
femme
Que la vague nocturne au bord avait coulé ;
Même à travers la mort sa beauté touchait
l'âme.

Câu cuối cùng hay lắm, thần-tinh
lắm, nhưng so với câu thơ trên này
của cụ Nguyễn Du cũng chẳng hơn
được nào.

Một người con gái lắm, nhà văn
lắm - thường tả sao được khỏi thô.
Thế mà cụ Nguyễn Du cũng chỉ dùng
có mấy nét bút ra được người thiếu-
nữ tuyệt đẹp khỏa-thân tắm, lời văn
rất thanh-tao :

Rõ-ràng trong ngọc trắng ngà,
Đầy đầy sẵn đúc một tòa thiên-nhiên.

Từ Hải là một tay võ-sĩ uy-nghị
lắm-liệt, tài-năng hơn người :

Râu hùm hàm én mây ngải,
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.
Đường đường một đấng anh hào,
Còn-quyền hơn sức lực-thao gồm tài.

Từ Hải cũng ví như Hoàng Sào ngày
xưa :

Giang-hồ quen thói vẫy-vàng,
Gươm đàn nửa gánh non sông một chèo.

Từ Hải cũng có khi-khái :

Áo xiêm dùm bọc lấy nhau,
Vào luôn ra cúi công-hầu làm chi ?

Nhưng vẫn chỉ là một người tướng
giặc :

Sao bằng riêng một biên-thùy,
Sức này đã dễ làm gì được nhau ?

Đến hai câu sau này tả người tướng
giặc thì lại dùng mà tài quá :

Chọc trời quấy nước mặc dầm,
Dọc ngang nào biết trên đầu có ai ?

(Còn nữa)

VŨ ĐÌNH-LONG

NÊN CÓ MỘT THƯ SÁCH CHO TRẺ CON XEM

Học-giới ở nước ta bây giờ đang
vào cái buổi thanh - hoàng giáp hạt,
quốc-văn mới gọi là phối-phác, sách-vở
còn thiếu-thốn rất nhiều, nói ngay
những sách cho người lớn xem cũng
chưa có được mấy tí. Ở các nước văn-
minh bên Âu Mỹ người ta nào thư-
viện này, nào thư-quán nọ, mỗi một
nhân-dãng có riêng mỗi nơi xem sách,
mỗi một môn học có riêng một thư-
tùng-thư, thậm đến kẻ cầm diếc dui
mù cũng có một thư sách riêng, có nhà
thư-viện riêng, để được rộng kiến-văn
thêm trí-thức; sách-vở của người ta

thật là thiên-kinh vạn-quyền, bề chữ
rừng văn, các nhà in xuất-bản không
lúc nào ngừng, các hàng sách bán sách
không khi nào ngớt, mỗi ngày các báo
đăng không biết mấy quảng-cáo về
sách mới, mỗi năm hội Hàn-lâm các
nước phát không biết mấy phần thưởng
về sách hay. Mà sách - vở của người
minh lơ-thơ được ít quyền từ-khúc, thi-
ca, kịch-bản, tiểu-thuyết, thử bòn mót
cả cái văn-khố quốc-văn của ta từ lúc
cụ Hàn Thuyên nhóm rau nhóm bắp
nên cái mỗi lửa quốc-văn cho đến bây
giờ kê vào lúc quốc-văn đã thịnh-hành,

cả nước đều khuyh-hướng về một cái mục-dịch quốc - văn, đều công - nhận cái vận-mệnh nước nhà sau này hay dở thế nào là trông ở quốc - văn cả, kẻ xướng người họa, quyết gây lấy một cái nền quốc-học bằng quốc-văn, mà đem sánh với thư - viện của Tây, thư-khố của Tàu để chưa chắc đã được bằng một hột muối bỏ bể; cái óc khôn của người lớn cũng còn chưa biết dùng cái lợi-khi gì mà khoi nguấy cho được; cái học-thức của người lớn cũng còn chưa biết dùng thứ thuốc bổ gì mà bồi-dưỡng cho được; trong bọn mặt to tai lớn với nhau mà lo giao-hoán tri-thức cho nhau, truyền-bá tư-tưởng cho nhau chưa biết đã có được hay không, mà đã có rồi rảnh đủ thì-giờ dư tâm-lực lo tới chuyện trẻ con với.

Phải, có thể thật. Song thiết-tưởng lo cho người lớn năm phần thì càng lo cho trẻ con phải tới mười phần; trẻ con bây giờ tức là người lớn ngày sau; những quân lính trừ-bị của quốc-dân mình, những phần-tử trọng-yếu của xã-hội mình sau này chẳng là cái lũ ngây-ngô khờ-khếch, lêu-lồng giông-dài, ngây đánh đáo đánh kháng, tới sợ ngáo sợ kèn, nhà nào nhà nấy nuôi như nuôi lừa nuôi heo, có nhiều đứa cũng mặt mũi khôi-ngô, tinh-thần đĩnh-ngộ mà ta hằng ngày trông thấy đó ư? Người lớn cần có cái học-thức tương-dương cho người lớn thế nào, thì trẻ-con cũng cần có cái học-thức tương-dương cho trẻ-con như thế; mà cái chức-vụ giáo-dục phải chăm-chút cho người lớn còn có thể phần ít, chứ chăm-chút cho trẻ con lại càng phần hơn. Vì người lớn nhờ được từng trải đã nhiều, giao-tiếp lại rộng, đã có cái trí khôn tự suy nghĩ lấy được, cái năng-lực tự phán-đoán lấy được, cái học-thức cóp nhặt được ở ngoài sách vở còn dễ hơn trẻ-con nhiều; trẻ-con thì không thế, bảo đâu là biết đấy, chỉ đâu là hay vậy, vô-sư vô-sách thì

còn từng trải điều gì, giao-tiếp với ai mà hòng cóp nhặt được cái học-thức nhu-yếu của mình. Vả cái học-thức của người ta trong lúc còn bé chính là nền móng cái học-thức trong lúc lớn lên; đất đã xấu thì có giồng cây gì tốt được bao giờ; cái óc con người ta lúc bé đã cấu-cựa những cái dở cái hư, không có một chút học-thức gì để bón tưới vun xới cả, thì đến lúc lớn e cái óc ấy cũng thành một thứ đất chai đất cỗi, không còn mong có cái học-thức gì gieo rắc vào được mà có lúc chồ rổ nứt mầm; cho nên lo bề học-thức cho trẻ con, có lẽ càng phải cần hơn người lớn lắm.

Hiện nay trong cái văn-khố quốc-văn tí-tẹo của mình, những sách-vở cho người lớn xem từng chưa có lấy đâu xếp được từng nhà thư-viện, chia được từng loại từng-thư, nhưng nhờ được có các tạp-chí báo-chương và được một bộ-phận của-con những sách cổ-diễn dịch của sách Tàu sách Tây ra cũng tạm để cho người lớn nếm được một chút mỹ-vị gia-hào nuôi hồn bổ não; dần dần người ham học ham biết một ngày một nhiều thì người làm sách dịch sách cũng một ngày một cố; cái học-thức của bọn người lớn chúng ta tiến hay không tiến là tự mình ham học ham biết hay không ham học ham biết, chứ không đổ tội tại sách-vở không có mà xem. Ngặt có những sách-vở cho trẻ-con xem thì quả chưa có được lấy một quyển nào, chưa ai chịu viết cho được lấy một chữ nào cả. Tình thường người ta chỉ hay săn-sóc về chuyện người lớn mà ít hay săn-sóc đến chuyện trẻ con; các nhà trường-thuật cho đến cả các nhà giáo-dục ta dễ-thường cũng không khỏi mắc cái tình thường ấy; đã bao lâu nay cái vấn-đề giáo-dục, với cái vấn-đề làm sách dịch sách, kẻ bàn đi người nói lại không biết bao nhiêu mà kể, mà chưa hề thấy dă-dộng đến cái thứ sách

riêng cho trẻ-con xem là một sự hỗ trợ cho gia đình giáo dục, học đường giáo dục rất to, nếu đã lưu ý đến cái vấn đề giáo dục với cái vấn đề làm sách dịch sách ở nước ta thì việc ấy là việc nên làm ngay trước hết.

Đã đành rằng trẻ con đến tuổi học thì cho vào trường học, cái chương trình dạy ở trong trường học và những sách giáo khoa hằng ngày thầy giáo giảng, học trò đọc, tức là tưới dốt cho trẻ con có được cái học thức tương đương rồi. Nhưng ta lại nên biết rằng: Cái thì giờ của trẻ con ở trong lớp học phần ít mà ở ngoài lớp học phần nhiều; những chương trình học và các sách giáo khoa dạy ở nhà trường thì đối với trẻ con bao giờ cũng vẫn là một sự bắt buộc, không lấy gì làm có được hứng thú nhiều, ở trong cái thời khắc công khóa thì vì qui luật nhà trường, vì quyền phép ông thầy, vì lời cha mẹ, nó còn chịu ép mình mà làm cho chót lọt cái công chuyện « khổ sai », còn những lúc đã ra khỏi lớp học rồi thì cũng khó làm sao mà bắt nó cứ mãi miết dùi mài về những cái bài vở khó sấp vô vị ấy được; mà phần con người ta làm việc gì mà đã đến không có hứng thú thì tất dễ sinh chán nản mà không mong có sở đắc gì. Các nhà giáo dục học Âu Mỹ đời nay đã nghiên cứu kỹ càng về tâm lý người ta mà định cái phương pháp mới về sự giáo dục rằng phải lựa theo cái tâm tính trẻ con mà đề cho nó được tự nhiên phát triển; Ấy cái cách khôn ngoan mẫu-nhiệm trong sự giáo dục là thế; ta nghiệm xem cái tâm tính trẻ con phần nhiều là thích mới ham lạ, thấy cái gì mới cũng muốn xem, nghe cái gì lạ cũng muốn biết, ham chuyện cổ tích, ưa cảnh đẹp vật kỳ, ta lại chẳng thường thấy những đứa trẻ xung quanh mình ta, con bé em bé ta nhiều khi đương học bài, đương làm toán mà vờ được một tờ báo hay một bức

tranh lạ ở đâu mới đưa tới thì dù là những vật ta đã nghiệm-cảm không cho nó được biết, mà ngoảnh đi ngoảnh lại thế nào nó cũng lừa được lúc ta không chú ý tới là nó mở nó xem lên được một chút mới chịu yên đấy ư? Lại chẳng thường thấy nhiều khi nó cầm quyển vở nhà trường đương ngủ gà ngủ gật mà nghe ai nói câu chuyện gì lạ, được gọi cho xem cái gì lạ thì tỉnh ngay như con sáo, đuổi đi ngủ cũng không đi nữa đấy ư? Cái tâm tính trẻ con như vậy mà ta muốn cho nó được tự-nhiên phát-triển thì ngoài sự học ở trong lớp học thế nào ta cũng phải kiếm cho nó được cái mới cái lạ cho nó xem nó biết luôn luôn, cốt làm sao những cái mới cái lạ ấy không làm hư mất đức-tính, loạn mất tinh-thần, làm mất tư-tưởng của nó mà lại có thể gợi được cái tư-tưởng chân-chính, nuôi được cái tinh-thần cao-thượng, bổ được cái đức-tính yên-cần cho nó thì có lẽ nhờ được cái tinh thích mới ham lạ của nó, đối với những cái ấy nó có cái hứng thú nồng-nàn hăm-hở, chắc có phần sở-đắc hơn những bài vở học ở lớp học nhiều. Những bài vở ở lớp học dạy những cái gì? dạy luân lý, dạy vệ sinh, dạy địa dư, dạy lịch - sử, dạy cách-trị, dạy những thường thức về nông, công, thương. Nay có một thứ sách cũng chủ đề đào-luyện những cái tri thức ấy cho trẻ con mà lại là những điều mới điều lạ cho nó thích nó ham, thì thường có nhiều bài vở ở trong lớp học nó vì ít có hứng thú mà không hiểu không nhớ được bao nhiêu, nhờ sự ham thích cái mới cái lạ này mà thành ra cái hứng thú của nó giúp cho cái ngộ-tính, cái ký-tính của nó được phát-đạt thêm lên, nó trở lại hiểu được, nhớ được những bài vở nhà trường cũng có; tưởng đó là một sự hỗ-trợ cho học đường-giáo dục không phải là nhỏ vậy.

Còn nói đến gia-đình-giáo-dục thì cần phải có thứ sách cho trẻ con xem biết là chừng nào ! Ở các nước văn-minh bên Âu Mỹ, cái phương-pháp gia-đình giáo-dục đã rất là mỹ-bị hoàn-toàn ; từ hoàn-cảnh trong nhà cho đến các đồ du-ngoạn của trẻ con đã đều ngụ có cái tinh-y ý giáo-dục cả ; nhà nào nhà ấy, cha mẹ anh chị cũng đều là người có học-thức, cũng hiểu biết cái phương-pháp giáo-dục được ít nhiều cả ; trẻ con khi ăn, khi ngủ, khi đi, khi đứng, khi đùa, khi nô, tiếp-xúc với một vật gì, gần-gũi với một người nào, cũng đều là cái cơ-hội giáo-dục rất tốt cả ; thế mà những sách những báo riêng cho trẻ con xem còn không biết bao nhiêu mà kể, các nhà trước-thuật, các nhà giáo-dục đều không dám coi việc ấy là một việc khinh-thường, đều gia-công hết sức lo cho trẻ con có được cái quả bồi-dưỡng não-trí luôn luôn, các nhà có con em, trong khoản dự-toán sổ chi-tiêu về cái kinh-phí giáo-dục của trẻ con trong nhà cũng đều phải có một sổ tiền mua sách mua báo cho trẻ con, cũng cần, cũng trọng, cũng không thể thiếu được như là sổ tiền ăn, tiền mặc, tiền giấy bút, tiền nhà trường, không hề có quản công tiếc của. Sự gia-đình-giáo-dục của người Âu Mỹ như thế, nên người nào tự lúc bé cũng đã lãnh-thụ được một cái học-thức tương-dương ; xét kỹ ra thì trẻ-con họ cũng không phải toàn là tư-chất thông-minh, thiên-tài trác-tuyệt gì hơn trẻ con mình, mà chẳng hề thấy một đứa trẻ nào ngây-ngớ khờ-khĩnh, lêu-lồng giống-dài như trẻ con mình cả. Đã có một người học-sĩ Tàn đi du-lịch bên Mỹ thuật một chuyện đăng trong báo nói : « Một buổi tôi ngồi mát ở công-viên, gặp một đứa bé con người Mỹ chừng tám, chín tuổi ; nó thấy mình là người ngoại-quốc, chào hỏi một cách lễ-mạo lắm ; tôi lân-la hỏi chuyện nó, hỏi đến

những núi sông binh-thắng trong nước Mỹ, những dân-đinh hộ-kbầu, những đường - xá thủy-bộ, những hàng-hóa xuất-nhập-cảng, nó nói vanh - vách không sai một tí nào cả ; sau nhân trời cơn mưa, nó lại kể cả cho nghe những nguyên-lý tại làm sao mà thành mây, thành gió, thành mưa ; rồi lại nói tiếp đến khí-hậu trong nước Mỹ, mưa gió thế nào là phải thường, mùa-màng trong nước Mỹ, mưa gió thế nào là hòa-thuận ; tôi nghe lấy làm kinh-phục quá ; một lát, thấy trẻ con đi rao bán báo, thằng nhỏ ngồi nói chuyện với tôi một mình mua hai tờ báo, hai tập tạp-chí, toàn là Nhi-dồng-báo và Nhi-dồng-tạp-chí cả. Sự giáo-dục của người Âu Mỹ hoàn-bị như thế, người khôn nước thịnh là phải ; mình tí sao được với người ta. » — Coi một đoạn báo đó thì đủ thấy cái trình-độ học-thức của trẻ con Âu Mỹ là thế nào, mà cái phương-pháp giáo-dục của người ta thật là mẫu-nhiệm vô-cùng vậy. Sự gia-đình-giáo-dục của người mình so với người Âu Mỹ thì gần hầu không có một tí nào cả ; các nhà có con em phần nhiều là không đủ cái tư-cách giáo-dục, không nói những kẻ có con không dạy dỗ vậy mà nuôi, không từng để ý đến sự gia-đình-giáo-dục cho trẻ, mà dù có đem lòng nghĩ tới đi nữa thì tự mình đã không biết thế nào là đức-dục, là trí-dục, là thể-dục cả, còn lấy đâu mà dạy-dỗ được con em. Có được một thứ sách riêng cho trẻ con xem, thì những điều cốt-yếu về đức-dục, trí-dục, thể-dục của trẻ con khéo dùng một cách mới lạ bày làm cái ngoại - cụ rất vui-thú ở trước mắt tai con mắt lúc thích mới ham lạ kia, cái sức đâm-thấm hun-xông dễ thường lại có phần mạnh hơn gia-huấn của cha anh khắt-khe nghiêm - ngặt ; người làm cha làm anh ai có được một chút học-thức thì nhân đó mà chỉ vẽ, mà kiểm-điểm cho trẻ càng hay ; mà dù không có được

một chút học-thức nào, thì ông thầy trong những quyển sách đây cũng có thể thay mình mà đảm-nhậm cái nghĩa-vụ gia-đình-giáo-dục được; chẳng lại là một sự hỗ-trợ lớn cho gia-đình-giáo-dục dư?

Lại còn một lẽ nữa ta cũng nên lấy có thứ sách riêng cho trẻ con xem làm cần, làm kịp. Ta chẳng đã cùng nhau công-nhận rằng cái vận-mệnh nước nhà sau nay hay hay là dở là ở quốc-văn dư? Ta chẳng đương cùng nhau kẻ hò người reo, kẻ khiêng người vác mà cố gây nền đắp móng cho cái lâu-dài quốc-văn đấy ư? Ôi! đã gọi là quốc-văn tức là một cái công-nghiệp chung cả bao nhiêu người trong nước, tiền-tổn hậu-kế, hết đời nọ qua đời kia; những trẻ-con mình là quốc-dân mình ngày sau, tức cũng là những tay bồi nền coi móng cho cái lâu-dài quốc-văn ta sau này cả. Nhưng cứ theo cái chương-trình dạy ở trường học bây giờ, thì quốc-văn gần hầu như không dạy không học gì tới; những tay chực hồng đề bồi nền coi móng cho cái lâu-dài quốc-văn sau này đấy mà đối với quốc-văn không từng luyện-tập chút nào cả, thử nghĩ cái tiền-đồ quốc-văn có nguy-ngập không? Điều ấy các hội-nghị tư-vấn đã nhiều lần thỉnh-cầu với Chính-phủ, hội Khai-trí cũng có gửi một bức thư bày tỏ ý-kiến cho Chính-phủ hay, xin Chính-phủ cho dạy sơ-học bằng quốc-văn, mà nghe như các danh-nhân bên Pháp cũng có ông — như ông giáo

người Pháp diễn-thuyết ở nhà hội Khai-trí năm ngoái — tán-thành cái ý-kiến ấy, không biết vì lẽ gì mà chưa được Chính-phủ thái-dụng thi-hành cho. May cho ta tiếng quốc-ngữ vốn là cái tiếng « mẹ đẻ » thiên-nhiên mà chữ quốc-ngữ lại là thứ chữ dễ đọc dễ viết; trẻ con nước mình bây giờ chắc không mấy đứa là không viết được, đọc được chữ quốc-ngữ, hề viết được đọc được tức là có thể học được quốc-văn rồi; ngặt vì những sách-vở quốc-văn, về những sách những báo cho người lớn xem thì trình-độ không thích-hợp với sự học-vấn của trẻ con, xem đã chẳng được ích gì mà lại thêm cái hại lao-thần hai-não; nếu có được một thư sách riêng cho trẻ con xem, vừa với cái trình-độ học-vấn của trẻ-con, thì ngoài sự hỗ-trợ cho học-đường-giáo-dục, gia-đình-giáo-dục đã đành, lại còn một cái ích gián-tiếp là trẻ-con cũng nhận xem sách mà luyện-tập được quốc-văn, mới mong quốc-văn có ngày thành-lập, quốc-học có ngày mở-mang; mà cái vấn-đề giáo-dục ở nước ta mới thật là giải-quyết được một cách chính-đáng. Việc giáo-dục tức là cái then-chốt thịnh suy của một dân một nước; ai là người đề ý tới cái vấn-đề giáo-dục với cái vấn-đề làm sách dịch sách lại chẳng nên chăm-chút cho trẻ-con cũng như là chăm-chút cho người lớn ư?

NAM-GIANG



MỘT TẬP DU-KÝ CỦA CỤ LÃN-ÔNG (1)

Thượng-kinh ký-sự

上京記事

(Nguyên hán-văn dịch ra quốc-ngữ)

VII

CHƯƠNG THỨ XIV

Nghĩa cũ tình ghi

Hôm ấy có hai bà sư già đến chỗ nhà trọ tôi nói rằng: «Chùa Huệ-cầu có đúc một quả chuông to, công-quả lớn-lao, vậy đến khuyến-hóa ngài đây.» Một bà thì nói là sư trụ-tri chùa Yên-tử, một bà thì nói là con gái quan Sơn - nam Tả-thừa-tư 左承司 người làng Huệ-cầu. Tôi nghe nói giật mình kinh-ngạc, mới vào nhà ngoại - sảnh, khẽ hỏi thăm một sư cô đi theo hầu, nghiệm ra thì có một bà sư già đích là người tiểu - nhân của tôi trước, tôi tự nghĩ thầm trong bụng rằng: Người này không biết mình mà cố ý đến đây thật là lạ quá, ta thử nói tính-danh ta ra để xem cái ý họ thể nào là tự biết. Tôi mới nói: «Tôi là người ở Liêu-xá, chạy loạn vào ở mẫu-quản Hương-sơn xứ Hoan-châu, chẳng may bị chiêu vò vào Kinh đây, chốn lữ - ngu này tiêu-diêu lắm, tuy có bụng hăng-tám cũng không sao được.» Bấy giờ chỉ có bà sư già chùa Huệ-cầu có ý thẹn-thò lắm! Bảo bà sư già chùa Yên - tử rằng: «Chúng ta đi ra thôi.» Tôi giữ lại không chịu ở. Tôi mới đưa ít tiền ra cúng và hỏi rằng: «Hai sư già sẽ nghĩ ở đâu?» Hai bà nói: «Chúng tôi chưa định ở đâu.» Rồi cáo-biệt mà đi ra. Tôi vội gọi một tên người nhà lanh-lợi cho đi theo và dặn rằng: «Anh đi đến chỗ các bà ấy trọ rồi liệu hỏi

những người ở bên xem rằng các bà ấy đến từ bao giờ, còn ở lại đây mấy ngày, nhưng phải kín miệng đừng để cho các bà ấy biết.» Tên người nhà vâng lời ra đi, độ hai giờ trở về nói rằng: «Hai bà sư già ấy trọ ở chùa Liên - tôn 蓮宗寺, mới đến đây được mấy ngày, còn ở Kinh khuyến - hóa lâu.» Ngày mai tôi gọi một người học-trò tôi tên là ông Tài đến mà bảo rằng: «Tôi có một việc này lạ lắm, ông phải hết sức giúp tôi.» Y nói: «Cần-lao là cái phận, sự của kẻ đệ-tử, con đâu dám từ-nan.» Tôi mới nói với y rằng: «Lúc tôi còn nhỏ có giam một cô con gái con quan tiền Thừa-tư-tham-chính 承司參政, đã đi được lễ giam và lễ ăn hỏi. Sau vì trở-sự, tôi phải từ-hôn vào ở trong Hương-sơn, được đến sáu bảy năm sau, tôi về Kinh nghe nói quan Thừa đã từ-lộc rồi, còn cô con gái ấy đến nay tôi lấy làm lạ lắm. Lúc đó tôi hỏi thăm có người nói chuyện rằng có ta người kỳ-quái quá, nghe đâu trước có một cậu công-tử đến cầu-thân, đã đủ lục-lễ rồi, sau lại bất-hải. Có nói rằng: «Đã có người giam là mình có chồng rồi, vô-duyên mà chồng bỏ còn mặt nào mà lại đi hai lần đồ.» Có bên phát-thệ chung-thân không lấy ai nữa. Tôi nghe nói tâm-thần kinh-loạn tự than thân rằng: Minh mưu-sự bất-cần, hữu - thủy vô - chung, để cho ai phải hàm-hận, thời cái tội hạnh-bạc kia theo mãi với tình, khư-khư mình

(1) Xem N.-P. số 77, 78, 79, 80, 82, 83.

buộc lấy mình vào trong, mà bao giờ gỡ khỏi. — Tôi bèn chạy về làng Huê-cầu hỏi thăm khắp cả, trong mười người làng thì đến bảy tám người nói y như câu chuyện trước. Lại có người nói Khi ông thân - phụ cô ta - thế, người anh ép gả cô cho một chàng sinh-dồ ở trong làng để lấy tiền làm-ma, nhưng cô không nghe. Có người thì nói trò nhà quan khi thất-thế, cao không đến thấp không thông, vì thế phải ở vậy đến giờ. Tôi nghe chuyện trong lòng mới khoan-thai, rồi lại về Hoan-châu, nay gặp nhau đây, thấy bà cô khổ như thế, bất-luận cái tình có thế hay không, nhưng chả qua cũng là vì tôi mà xui nên, vì-kim-chi-kể, chỉ có một cách là tôi xin bảo-dưỡng cho trọn tuổi trời, mới chuộc được cái tiền-khiên ấy của tôi. Nhưng nay tôi còn ở Kinh này thì phụng-dưỡng chu-cấp cũng dễ, nếu khi được cáo về cố-sơ, đường trường cách-trở, thì tư-trợ thế nào được nữa. Vì bà bằng lòng về Hoan - châu với tôi, trong lâm - viên nhà tôi có một nơi cũng u-tịch, có một mái già-lam 伽藍 của ông anh tôi dựng cũng đủ cung dầu hương, còn hè đồng ẩm lạnh thì xin ở tôi cả, như thế một là để báo cái cao-tiết của bà, một là để chuộc cái tội-lỗi của tôi. Ông hỏi cái chuyện trước, rồi trần-tĩnh với bà một lượt để xem bà có nghe không, cho tôi sẽ liệu. Tôi lại cho mang ít quả đến làm tin. » — Ông Tài vâng lời đi, đến chiều hôm về nói rằng : « Tôi đến chùa Liên-tôn thừa-gián nói chuyện, bà xụt-xùi mà trả lời rằng : « Cảm ơn quan có lòng tốt, tôi mà không gặp được người lương-nhân, phải có-khổ một đời thế này, cũng là bởi cái số-mệnh của tôi, chứ có dám oán-trách chi ai, cái thân tàn này còn có tiếc gì. Chỉ nghĩ rằng trông trước trông sau không còn có ai là thân-thích, phần mộ của Tiên-nhân lấy ai coi giữ, có lẽ tìm đường ẩn nấp lấy một mình mà

xa lánh nơi quê người đất khách hay sao? Xin ông về nói với quan cho rằng tôi tuy chưa chịu cái ơn rộng của ngài mà được đội một tấm lương-tâm của ngài như thế, cũng đủ an-ủi cho cái cảnh linh-lạc của tôi vậy. » Tôi nghe nói thương-hại thay cho bà không biết là chừng nào ! Nhân giải lòng một bài rằng :

縱我 再此 雙一 今無
然不 世生 眸笑 日心
如負 應願 春情 相事
此人 圖作 盡多 看出
奈人 巽乾 見流 苦誤
之負 室兄 形冷 自人
何。我。家。妹。花。淚。嗟。多。

Vô-tâm mà hóa lờ người ta,
Trông mặt nhau nay những xót-sa.
Cảm-tình cười gương rơi hàng lụy,
Bừng mắt trông mờ thấy bóng hoa.
Kiếp này hãy kết tình huynh-muội,
Kiếp khác xin hoàn nghĩa thất-gia.
Ai nữ phụ ai ai nữ phụ,
Vi đầu nên nổi biết sao mà.

Từ đó thường đi lại hỏi-hạn nhau, bà có nói rằng trong Nghệ có nhiều những cỗ thọ-đường tốt, bà muốn dùng một cỗ, tôi cho đi dò-la ngay, nhưng chưa mua được. Lúc tôi được tha về, tôi có gửi một người tin của tôi năm quan cổ-tiền, để giam mua bộ một cỗ thọ-đường mà tặng cho bà; thời đó là việc còn về sau không cần nói nữa.

CHƯƠNG THỨ XV

Cảnh lữ-huống ở trong Kinh

(Tiếp chương thứ V)

Nói về một đêm kia vừa mới được rảnh việc, tôi đặt một tiệc rượu để cộng-âm với bọn môn-nhân, lúc đó giữa trời một vầng trăng sáng như bạc, hoa cỏ trước sân thì hạt sương dúi nặng, hương đưa ngạt-ngào, tôi tuy không hay rượu, nhưng cũng uống mấy chén để trợ-hưng, rượu đã ngà-ngà tôi xuất-đề ngay một bài rằng : « Thu nguyệt dạ ẩm thuật hoài » lấy vần ngân, đề

cùng với các môn-nhân cùng làm chơi.
Tôi xưng trước lên rằng :

佳旅相相醉杯浮片
興懷看對後中空月
動雖千一汗含色白
詩老里樽年桂色如
神。草。身。酒。聞。影。新。衆。

Một tấm trằng treo sắc trắng ngần,
Thêm cho thể giới vẽ thanh-tân.
Trong chén bóng in cây ngọc-quê,
Khi say thắm đậm cả toàn-thân.
Cùng nhìn nhau ở ngoài nghìn dặm,
Cùng chúc nhau nên cạn một tuần.
Này cuộc lữ-hoài tuy lão-thảo,
Mà giai-bứng cũng động thi-thần.

Bọn môn-nhân lúc ấy cũng có mấy
bài nhưng không đáng lục vào đây.

Tôi lúc bấy giờ cảnh giục lòng thơ,
thơ làm mỗi rượu, hứng-hoài phơi-
phới, lại ngâm lên rằng :

何林詩酒玉金秋秋
處泉成後免樽月風
不雜字言敗傳色涼
爲城字言同好如似
春。市。新。舊。羣。興。衆。水。

Hu-hất gió thu hơi lạnh giá,
Văng-vặc trăng thu vẽ trắng ngần.
Trong tiệc chén vàng đang thắng-thường,
Giữa trời thổ ngọc nhớ đồng-quần.
Say kẻ lan-man tình cổ-cựu,
Thơ dùng nhan-nhân chữ thanh-tân.
Lâm-toàn kia với nơi thành-thị,
Đáo-xứ đâu mà chẳng có xuân.

Tôi bảo người nhà rằng : « Chỉ cho
nói những chuyện trong Kinh này mà
thôi, còn không ai được rí rằng đến
một câu nào về cảnh-vật chốn gia-sơn
để ngăn-trở cái cao-hùng của ta nhé! »
Đến mãi gần sáng mới đi ngủ.

Có một ngày quan Vũ Hiến-phó
thấy viên tân-khoa Tạo-sĩ chưa được
phụng-lệ ban hứa vinh-qui, còn phải
lưu lại ở trong Kinh chờ đợi, ông lại
nhớ nhà nên ông sai người dọn-dẹp

hành-trang để về trước, ông đưa cho
tôi hai bài thơ và lời rằng :

« Đệ định đến mong hai sang tháng
thì căn nhà dọn về nơi biệt-nghiep, nhân
đang đêm gió vàng hiu-hắt, sột-sạt lá
ba-tiểu, đệ chợt nghe thấy tiếng thu-
thanh mà động lòng nhớ mùi thuần-
hức, u-hoài nhường ấy, đệ biết ngộ
cùng ai, nhân có vài bài thơ quê-mùa
đề tặng nhau sau này :

I

君與我相交。
非是泛然比。

Từ tôi với bác biết nhau,
Giao-tình nào phải ai đâu mà rằng.

陶朱不足言。
管鮑差可擬。

Đào Chu kia cũng chẳng bằng,
Họa là Quản Pháo có chăng sánh tày.

可惜老練才。
學此少年氣。

Tiếc tài lão-luyện đường này,
Nỡ đem bắt-chước những bầy thiếu-niên.

郭李昔同時。
出處道有異。

Ngày xưa Quách Lý cùng thuyên,
Mà trong xuất-xử người thiên mỗi đường.

道同心不同。
空爲人所鄙。

Đạo-dồng mà chí ngọn-ngang,
Chỉ thêm cho kẻ thế-gian chê cười.

有茶君且酌。
有琴君且御。

Sẵn trà mời bác cứ xơi,
Sẵn đàn mời bác dạo chơi cần gì.

塵夢都忘了。
世事不相干。

Mộng trần chẳng nghĩ làm chi,
Bao nhiêu thế-sự quăng đi ra ngoài.

嚶嚶禽鳥聲。
吁吁天籟鳴。

Vo-vô sáo thổi lưng trời,
Con chim réo-rất gọi loài đồng-thanh!

雲霞以悅目。
琴樽以怡情。

Khôi mây sương mắt cho mình,
Cung cầm chén rượu thích tình tiêu-dao.

豈無陶元亮。
獨留此美名。

Xưa nay ai kém ai nào,
Tiếng thơm có một cụ Đào Nguyên-Minh.

II

閒早空從岩邑一吾
花早作來溪宇且兄
野回林利猶己翻久
草懷漸鎖林深然與
有營澗名舊新役鹿
餘別愧積辰綠此爲
春。業。人。客。雲。竹。身。羣。

Bác xưa đã kết với bấy nai,
Nay bỗng đem thân lụy việc đời.
Mấy hàng trúc đã vây nhà cũ,
Một vết mây còn vương suối ngoài.
Cương-tỏa thử đem xem những kẻ,
Rừng khe luống những thẹn thay ai.
Chong-chóng trở về nơi biệt-nghịệp,
Hoa kia cô nọ đủ vai hoai.

« Khế-dệ Lộc-nam-dật-lầu 麓南逐
叟, tự là Dĩ-phác 以失 báí-thượng. »

Tôi xem thơ ngâm đi ngâm lại, buồn-bực không biết làm thế nào, tự nghĩ mình đã không có bụng lợi-danh mà cứ ở mãi trong vòng cương-tỏa, dễ cho chúng bạn người ta chê cười, mình sở-ngộ như thế có tức không. Tôi mới đưa cả hai bài thơ ấy đến cho Quận-hầu xem, dễ Quận biết cho cái cảnh linh-lạc của tôi. Thôi không nói đến việc ấy nữa.

Nói về bóng quang-âm thẩm-thoắt đã đến tết trung-thu rồi, trong kinh-thành nhà nào cũng sắp-sửa cỗ bàn yến tiệc, ai ai cùng sửa-soạn đồ đào-dỗ đi thăng-du, tôi nghĩ rằng mình trọ ở nhà người ta, dẫu có một vài lưng cũng không phải là nơi cùng-cấp, tôi mới cho bảo người thân-diệt là kép

Hào, nhà ở bên chùa Sứ-quán 使館寺 làm hộ tôi mấy mâm cỗ. Đến chiều tối hôm ấy tôi đến nhà kép Hào dọn giường thờ, lên đèn hương dề cáo với gia-tiên, rồi cho mời những người sở-thân, và những người mới nhập-học, tất cả hơn 20 người dự tiệc. Khi đang uống rượu tôi cũng phóng-hoài mà xướng âm, bất-giác lòng thơ phôi-phôi, bèn mạnh-đề rằng: « Trung-thu dạ-âm thuật -hoài. » Tôi xướng trước rằng:

千 秋 觀 旅 歌 嬉 金 月
里 風 朋 次 管 遊 吾 色
人 莫 歎 盃 樓 士 不 燈
多 起 飲 盤 臺 女 禁 光
千 三 有 何 逐 分 許 滿
里 更 餘 足 地 羣 人 帝
情 賴 榮 道 生 出 行 城

Đèn sáng trưng trong khắp dã-thành,
Kim-ngô chẳng cấm khách du-hành.
Si-nữ giống chơi đi lữ lượt,
Lâu-dài đàn hát suốt chung quanh.
Chê-chén có gì nơi quán khách,
Bạn-bè đồng đủ thỏa lòng mình.
Gió thu đừng thổi canh khuya nữa,
Nghìn dặm người thêm nghìn dặm tình.

Tôi ngâm rồi bảo những người trong tiệc ai biết làm thơ thì họa lại, chúng đều vâng lời cầm bút âm-a ăm-ừ, một lát trắng xẽ mà một nửa chữ cũng không nảy ra được, hỏi thì nói lảng đi việc khác, có người thì chỉ thờ dài mà thôi, tôi cũng phải bật cười rầm lên, lại ngâm một đoản-luật nữa rằng:

醒 得 照 懸 傾 此 故 他
來 醉 我 燈 盞 夜 國 鄉
空 何 歎 千 答 逢 不 未
自 求 行 萬 故 佳 能 得
癡 醒 詩 點 知 節 歸 去

Tha-hương còn lặn-dặn,
Cố-quốc chưa về đi.
Đêm nay gặp giai-tiết,
Nghiêng bầu đáp cố-tri.

Đàn ai nghìn vạn ngổ ỉ.
Sôi tở mấy câu thi.
Đã say không muốn tỉnh.
Tỉnh lại như thăng si.

Bấy giờ canh tàn tiệc mãn, chúng
đều say quay ra ngủ cả, còn một mình
tôi không sao chớp đi được, tựa-hồ có
nghĩ-ngợi điều gì, đứng dậy ra cửa
chùa đi nhàn - bộ, rồi làm mấy bài
đoản-luật đề cho đỡ buồn như sau này:

I

意良我月
己朋猶落
深笑帶燈
知我醉殘
理思何人
未歸難已
然計眠寂。

Trăng lặn đèn tàn người vắng-ngắt.
Mình còn chênh-choáng chưa đi nằm.
Bạn cười mình chỉ nhớ nhà hân,
Chắc thế nhưng mà chẳng thế chẳng ?

II

及有散樵
聞客步樓
顛勸徘徊
未余徊鼓
又安尙催
愴所未殘
然遇眠漏。

Trống lầu giục-giã đồng-hồ can,
Đi đứng loanh-quanh vẫn chưa nằm.
Khách đến khuyên mình « an-sở-ngộ »,
Khi nghe tiếng chuyện khách buồn chường.

III

若有強久
見人來立
雲勸就禪
卿我寢庭
彼閒不看
亦何成星
然益眠月。

Đứng chán sân chùa trông bóng nguyệt.
Gượng vào đi ngủ chẳng yên nằm.
Có người khuyên tở nhàn vô-ích,
Nỗi đến vẫn-hương cũng rửa chẳng ?

Đến sáng ngày ra tôi về nhà trọ viết
đủ các bài ấy rồi đưa đến cho Quận-
hầu xem để ông thấy cái tình-huống
của tôi như thế, thương đến tôi, biết
không ép được tôi, cố vật-nài với phụ-
thân xin đồng-dạt lên mà buông tha
cho tôi về.

Lúc đó có một ông bạn khuyên tôi
cứ trốn về, cần gì phải van-vì mãi
cho khổ, tôi cũng vâng, nhưng lại
thưa rằng : « Người ta là một vị đương-
quốc đại-thần, vì tôi có trốn về rồi
người ta phát một mảnh giấy cho quan
bản-trấn tìm bắt tôi thì có khó gì.
Cho nên tôi bất-đắc-bất-ủy-khúc theo
người ta vậy. » Bạn cũng gật đầu cho
là phải.

Một ngày kia Quận-hầu mới dựng
một nơi đình-tạ nhà ngoài, phòng
khách đủ cả. Cậu xin tôi mấy đôi câu
đối, ý cậu muốn làm cho ra lối phiến-
hoa mà tôi thì quen cái khí-vị yên-bà
thanh-dật đi rồi, may sao có quan Thự-
trấn Lạng-sơn nhân việc khám-mạng
về Kinh dự-tế, tiện dịp ông đến chơi
với tôi, tôi nhờ ông làm hộ, thời ông
anh tôi nhận lời ngay, vài hôm sau
ông cho người đưa đến :

I

Dán nhà thủy-tạ :

傍砌放竿。何必春山尋逸客。
倚橋聞卷。不勞圯上訂仙翁。

Bên chiến thả mỗi câu, chẳng phải Xuân-
sơn mà đặt-khách.

Đầu cầu cầm quyền dọc, cứ gì Di-thượng
có tiên-ông.

(Còn năm đôi nữa lược đi).

II

Dán nhà khách :

冠帶踵門。弓劍琴書皆益友。
簡編充棟。典談稗略是前儔。

Nhà sản có thấy, này thao-lược, này diên-mô, chông-chất mấy gian kinh sách.

Ngày vui với bạn, nào cầm thư, nào cung kiếm, ra vào chặt cửa cầu dai.

(Còn mười chín đôi nữa lược đi).

Tôi tiếp được mấy đôi câu đối mừng lắm, cho ngay vào tay áo mà đến nhà Quận-hầu chơi, cậu xem rồi khen-ngợi mãi mà rằng : « Chữ nào cũng thanh-tân, thực là phun châu nhả ngọc, cái cầm-lãm tú-khẩu của cụ, ít ai kịp được. » Tôi cười rằng : « Không phải tôi đâu, Quận-hầu cứ xét cái văn-tử thì hiểu ngay không sai. » Quận-hầu giạt mình mà rằng : « Thế thì lại còn ai ? » Tôi nói : « Đó là ông đường-huỳnh tôi đấy. » Quận-hầu nói : « Nay ông ấy làm quan chức gì ? » Tôi nói : « Chức trấn Lạng-sơn, sau được trừu - hồi phụng-thị, ở nhà rồi chỉ dạy học mà thôi. » Quận-hầu nói : « Nhắc xem cái anh-hoa thi đủ biết cái tài-bộ là đường nào. Hiện nay Thánh-thượng đang cần

việc dụng - nhân, gia - quân tôi đã phụng-chỉ được cử-thổ hiền-năng, thi việc này dễ lắm. » Tôi nói : « Anh tôi tự nghĩ tuổi đã già, chỉ cầu lấy nhân, mà không muốn ra nữa, đó thực là bản-nguyên của anh tôi, chứ có phải là lấy thể làm yếm-trệ gì đâu. » — Sau anh tôi lại chơi hỏi đến việc những đôi câu đối ấy, tôi cũng nói thực thể. Ông nghe nói ân-hận lắm, bảo tôi rằng : « Nhà mình là cái nhà lữ-thế khoa-giáp, phụng lời bảo-huấn của tiên-nhân để lại, lấy việc su-viêm phụ-nhiệt làm xỉ. Lúc đó tôi thừa-hứng chỉ định làm thay cho ông thôi, ai ngờ dục xảo phản chuyết, thành ra cầu cho người ta biết đến mình, mang tiếng tôi mãi-lộng tài-danh, để chức tiền-dụng. » Tôi nghĩ lại cũng biết là lỗi tại mình, chỉ xin lỗi là thô-suất mà thôi, không còn làm thế nào nữa.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT dịch

VĂN CỔ ĐỜI LÊ⁽¹⁾

Bài Tụng Tây - hồ

(Thề phứ)

Lạ thay cảnh Tây - hồ ! La thay cảnh Tây-hồ !

Trộm nhớ thừa đất chia chín cõi, nghe rằng đây đã mọc một khu.

Trước bạch-hồ về ở đây làm hang, Long-quân trở nên vùng đại-trạch ;

Sau kim-ngưu đỏ vào đây hóa vực, Cao-vương đào thắm mạch hoàng-đỏ.

Danh nghe rằng Dâm-dâm Lăng-bạc, cảnh ngấm in tinh-trử băng-hồ.

Sắc làn-làn nhuộm thức lam xanh, ngỡ đồng-bích nổi lên dòng lẻo-lẻo ;

Hình lượn-lượn uốn vòng cầu bạc,

tương vằng ngân rơi xuống mảnh thờ-thò.

Dư nghìn dặm nước trời lẫn sắc, trải bốn bên hoa cỏ quên mùa.

Áng đất phơi mờ phượng còn in, kẻ rằng dài-thượng-nguyệt (2) ;

Vũng nước hút hám rồng chẳng cạn, người gọi chần-trung-tổ (3).

Tòa thạc-tháp nọ nơi tiên đề báu, đồng thổ-đôi kia chỗ khách chôn bùa.

Đền Mục-lang hương lửa chẳng dờ, tay lưới pháp hây ghi công bắt hổ ;

Quán Trấn-vũ nắng mưa nào chuyển,

(1) Bản-chỉ tiếp được hai bài phú : *Tây-hồ-tụng*, *Tây-hồ-chiến*, chừng làm ra về đời Lê-mat, thực là bài văn rất cổ, tả được nhiều quang-cảnh cũ ở Tây-hồ, nên-lục đăng ra đây, để ghi lấy nền văn cổ và lại biết được cái cảnh-trí cũ ở Tây-hồ. Song bản sao không khỏi có chỗ lầm lẫn, nay hãy đăng bài *Tây-hồ-tụng*, mong rằng duyệt-gả ngài nào có biết hơn thì lai-cáo cho Bản-chỉ để bổ-chính lại cho đúng. — N.P.

(2) Kiểu đất như mặt trăng trên đài. — (3) Kiểu đất như cái chén đựng sữa.

lưỡi gươm thiêng còn để dấu chặn rùa.

Kề bên nọ quán Thiên-niên lớp-sớp,
cách ngàn kia ghềnh Vạn-bảo nhấp-nhó.

Tòa kim-liên sóng nổi mùi hương,
chùa Chấn-quốc tường in vùng tĩnh-phạm ;

Hàng cỏ-thụ gió giông bóng lục, trăng
Phụng-thiên nhận sẵn thú Nghi Vu.

Dấu Bồ-Cái rêu in nền phủ, cảnh Bà
Đan hoa khép cửa chùa.

Trông mơ-màng dường dính Thửu
nơi kia, và tỏ thước cuối làng kêu
chích-chích ;

Nghe phảng-phất hay đồng Đào mái
nọ, mấy tiếng gà trong trại gáy o-o.

Lò thạch-khối khối tuôn nghi-ngút ;
ghềnh Nhật-chiều sóng giạt y-o.

Rập-rình cuối bãi đuối nheo, thuyền
thương-khách hãy chen bướm bướm-
bướm ;

Thanh-lãnh đầu hồ cỏ nửa, tháp
cao-tăng còn hé cửa lò-vò.

Chầy Yên - thái nện trong sương
chênh-choảng ; lưỡi Nghi - tâm ngăn
ngọn nước quanh-co.

Liều bờ kia bay lơ bích phát-phơ,
thoi oanh ghẹo hai phường dệt gấm ;

Sen vũng nọ nảy tiền xanh lác-đác,
lửa dóm ghen năm xã cây lò.

Cầm ve gầy lâu thư ánh-ôi ; mõ
quốc đưa án kẻ di-dù.

Gò Cháu - long khi ngọn gió đưa
quanh, hồi thú-cổ thẳng kẻ bên mái
trúc ;

Non Phục-tượng buổi vắng trăng hé
nửa, tiếng hàn-châm nghe cách dải
sông Tô.

Người ngoạn - cảnh ngăn-ngờ đòi
đoạn ; khách thâu-nhân lai-láng từng
khu.

Mãng áo toi lớp-sớp trong sương, ca
Thanh-thảo quyến dân trâu gả Nịnh ;

Con thuyền dính dãn-dà trước gió,
khúc Thương - lang đưa gánh củi
chàng Chu.

Vầy cao-ân mọi nghề chẳng thiếu,
mượn thú vui bốn bạn gồm nọ.

Cảnh Khán-sơn chưa gác cuộc cờ,
lòng thơ đã bồi-hồi ban lãnh-thò ;

Làng Võng-bổ còn đông tiệc rượu,
tiếng cầm đà náo-nuột buổi tà-ô.

Khách Ngô-ngọc chợ tây ngồi san-
sát ; người Hi-Hoàng song bắc ngáy o-o.

Bến rất lơ người vốc nước còn
khuya, gương thiềm dựng trên tay lóng-
lánh ;

Vườn hái nhị kẻ giầy sương hãy
sớm, túi xạ rơi dưới gót thơm-tho.

Ngang thành - thị ghé yên - hà một
thú ; dọc phố-phường tung phong-
nguyệt hai bờ.

Gió hiu-hiu dòng Nhị-thủy đưa lên,
lồng hơi mát tới chòm hoa khóm trúc ;

Trăng vắng-vặc mái Tam-sơn rơi
xuống, dớp bóng trong từ lữ cá đàn cò.

Phong - cảnh cũ nhiều nơi thẳng-
lắm ; triều dời xưa mấy lớp thanh-ngu.

Tựa bóng hoa đặt quán quan-ngư,
kia dõi Hưng-khánh ;

Đề mặt sóng đem đường rự-tượng,
nọ thừa Càn-phù.

Trải Trần trước đã nhiều phen xa-
mã ; tới Lê sau cũng lắm độ tản-dù.

Trộm thấy thiên bát-vĩnh du-hồ,
trong tử-hưng cũng ngụ lời qui-phủng ;

Chênh nhớ khúc liên-ngâm thương-
nguyệt, lúc tiểu-dâm dương thóa ý
giao-phu.

Tòa đá nọ hãy ghi câu canh-bộa ;
dòng nước kia dường nổi chén tạc-thù.

Năm sau từ nổi bụi tiêu-trương, ba
thuộc nước khôn cầm màu hiệu-khiết ;

Buổi ấy cũng góp phần tang-hải,
sáu thu trời bao xiết nổi hoang-khó.

Hình cây đá mưa trời gió rạt ; sắc
hoa chim mây vẫn sương mù.

Chồn dầm - tri làm lợn về thanh-
quang, xuôi ngược những vẽ đuôi khoa-
dầu ;

Nơi phạm-vũ dễ che màu sắc-lăng,
dọc ngang trao mặc bóng tri-thù.

Hương cỏ-miêu đòi chòm lạnh-lẻo ;
đèn viễn-thôn mấy ngọn lù-mù.

Kênh đầu đầu chạy xuống trung-sa,

lầu túc-diều gió còn sớm nện ;

Sen chồn chồn bay về tây-vực, vũng
du-ngư nguyệt hỡi tối mờ.

Kêu tri-loan đau lòng con đồ-vũ ;
gọi công-tư mỗi miệng cái hà-mô.

Lũ cây mây lần tường bóng nghe,
thơ thất-nguyệt tửu-than cùng mục-thụ ;

Khách diêu-nguyệt biếng tìm tâm
cá, chữ Tam-mô bán-bạc với tiểu-phu.

Nghe xóm nọ dù - di ve nhặng ;
ngắm doanh kia thấp-thoảng chài cò.

Thú cao-lưu chềch - mác thế cờ,
người nhạo thủy ôm cầm khi rạng quế ;

Màu yên-cảnh bàng - khuáng hồn
rượu, khách dăng-dải gác bút buổi
bay ngó.

Chiều phong-vị xem đường quanh-
cối, dấu đồ-thư ngắm hầy mơ-hồ.

Dưới cầu-vồng nước chảy mênh-
mông, đường xưa đua ngựa ;

Trên thành trĩ đã xây chân-chấn,
bến cũ gọi dò.

Trước cổ - cung treo nửa mảnh
gương loan, vầng trăng he-hé ;

Sau cổ-tự gửi mấy phong đa ngựa,
đám cỏ lù-rù.

Lớp canh-dịch người xưa man-mác ;
về tiêu-lương cảnh cũ thẹn-thò.

Âng phần-hoa vì cảnh muốn phò
người, người trái khi vật đổi sao dời,
cảnh phải chiều nười buổi ấy ;

Thời thanh-lãng có người còn mến
cảnh, cảnh có sẵn nước trong trăng
sáng, người nên phụ cảnh này ru.

Vòng trăng nọ buổi tròn buổi khuyết ;
ngọn nước kia nơi hào nơi trù.

Lời mậu-thân từ rở về tường-vân,
sóng núi góp nhớ công dăng-dịch ;

Qua canh-tuất lại tưới cơn thời-vũ,
cỏ cây đều gọi đức chiêm-nhu.

Vũng tri-chiều nước dần-dần lặng,
nơi đình-dải hoa phơi-phới đua.

Chốn bầy cây còn mấy gốc lằng-
sương, chẳng từng-bách cũng khoe
hình thương-lão ;

Nơi một bến đã đông đoàn hi-thủy,
tới uyên-ương đều thỏa tình trầm-phủ.

Về hoa-thạch châu thêu gấm dệt ;
tiếng cầm-trùng ngọc gõ vàng khua.

Bãi cỏ non trâu thả ngựa buồng, nôi
Châu đã lăm người ca-ngợi ;

Làn sóng phẳng kinh trăm ngạc
lặn, ao Hán nào mấy trẻ reo-hồ.

Mặt đất dần này thóc này rau, dấu
lòng Cô-trúc ;

Làn nước chảy nọ dòng nọ bến,
mặc chí Sào-Do.

Cây quán kia còn đứng dậy thần-
uy, đoàn mán tới dăm khoe lời tây-hữu ;

Sen chùa nọ lại bay về cảnh phật,
lũ ngó về từng niệm chữ nam-vô.

Dấu linh - di rành-rành tỏ sáng ;
mạch hậu-nhân dăng-dặc bao so.

Mặt thành xưa đem lại thế kim-
thang, đất xây phẳng-lặng ;

Cánh hàn cũ sửa ra hình chỉ - trụ,
đá quây xô-bỏ.

Nghe vùng danh nẻo lợi bấy lâu,
cảnh tuy rằng nhỏ ;

Sơ nước trí non nhân mấy chốn,
cảnh đã chi thua.

Trái mấy thu từng tựa chốn phèn
xanh, thâu cảnh đã vào trong vũ-trụ ;

Song nghìn dặm đã xa với bệ tia,
thực cảnh còn gọi chốn biên-ngung.

Tuy thú-vị đã dãi-bày ra đó ; nhưng
thanh-dung còn trang-diêm lại cho.

Nay mừng : trời phù chính-thống ;
đất mở hoàng-mô.

Quyền tạo-hóa tóm vào trong động-
tác ; khí càn-khôn đem lại trước đồ-du.

Nền hoàng-thành vững đặt Long-
biên, ngôi bắc-cực muôn dân đều
cùng hướng ;

Đàn bắc-trạch xây kê Ngư-trữ,
cảnh Tây - hồ trăm thức lại phương-
phu.

Chòm bử-thảo chữa qua tuần dom-
dóm, sóng lộng-vân đã cách độ tua-dua.

Ngắm nguyệt-chiêm từ Cầu-tượng
bốn bảo, ống âm dương đã quét bụi ;

Xem tuế-luật đến Di-tán bấy tắc, lò
thiên-dịa mới bay tro.

Cơ vãng-phục lạnh thời lại ấm ; lẽ

doanh-hư bớt đã lại bù.

Dưới lục-âm vừa sinh kni nhất-
dương, van-phẩm đã nhờ ơn Khôn-tạo;

Trên cửu-đạo lại tây ngời thất-chính,
bốn mùa đều theo hướng Đẩu-xu.

Hương khâm-kính xong miến hiệu-
đăng; rượu cung-kiến thắm côi linh-u.

Ành năm mây bày ngọc-bạch đôi
hàng, thảo-mộc hầy ca-công Thang Vũ;

Vang chín bệ nôi Tiên-thiều mấy
chập, điều-thú đều vũ-dức Đường Ngu.

Về hao lần dẫu cò năm thức; mặt
nước in bóng giáo ba ngù.

Trước huân - phong nghe phảng-
phất cung đàn, làn thắm thủy muốn
vái lên ngũ-bái;

Dưới ngọc-bệ thấy vang-lừng tiếng
chúc, hình viển-sơn mong rạp xuống
tam-hồ.

Lễ - nhạc ấy nghìn thu ít thấy;

phong-cảnh này mấy thừa nào so.

Trên dưới đều rồng mây cá nước
phải duyên, giọt rượu tưới dồi hàng
uyên-lộ;

Gần xa cũng bờ-cõi noa sông một
mối, lấm cặn dung nạp lũ nghiêng-sò.

Hơi yêu-mị quét dưới cờ pháp-đạo;
khí tường - quang tuôn trước ngọn
huyền-lô.

Rặng đầu ghềnh người mượn chữ
vu-viên, xôn loài hồng-nhạn;

Ca cuối vũng kẻ ngăm câu tại-chữ,
nhũ lũ ê-phủ.

Lời ca-ngợi tường nằm trong Châu-
nhã; điệu ngăm-nga nghe đứng giữa
Nghieu-cù.

Ngăm dây đá vui-thú tạc - canh,
đánh chốn chốn cũng ca-dồng vũ-lão;

Nhận nọ đã thỏa loài động-thực, ắt
đâu đâu đều bật quí êm hồ.

VĂN-UYÊN

Không muốn làm trai

Có biết ngày xưa chẳng hóa trai,
Hóa làm nhi-nữ dễ mê đời.
Tang-bồng ai trách thân bồ-liễu,
Cân-quắc làm thình nợ mĩ-đai.
Mặc sức son tô mà phấn điểm,
Tha-hồ bướm lả với ong lời.
Bây giờ trót giữ làng tại mất,
Vương cái mảy râu khó lụy người.

Muốn già

Còn trẻ cho nên phải chịu đánh,
Hỏi ai ai có biết cho mình.
Duyên kia vẫn-vui còn đang nợ,
Tình nọ đa-mang mĩ với tình.
Tình mất nhiều khi trông những ngại,
Rầy tai lắm lúc giả làm thình.
Muốn già nhưng mĩ chưa già nhĩ,
Còn trẻ cho nên phải chịu đánh.

Tự-thuật

Vì không tính trước mới ra rì,
Có biết ngày xưa đã trở nghề.
Đã trót đa-mang cùng già hĩ,
Lại còn đeo-dắt với A B.
Không danh có lẽ nhiều người mượn,
Vi giả cho nên ít kẻ thuê.
Có lẽ lên Lão ta kiểm chác,
Quê người ai có biết ta chi.

Mừng sinh con trai

Từ đây ta mới đáng nên cha,
Cái cuộc công - danh thế cũng là.
Con đỏ một phần thêm giống nước,
Nòi Hồng muốn thừa nối tông nhà.
Văn-minh gặp vận đương yêu trẻ,
Kể - thuật nhờ con lúc tuổi già.
Có cháu lại thêm vui dạ mẹ,
Mình cha, mẹ cũng đã nên bà.

Bán chị em xa

Ai ơi đừng bán chị em xa,
 Xa thế nhưng xưa vẫn ruột già.
 Thương cháu cây đòng đôi quả một,
 Chiều em nem bán một đồng ba.
 Nhân - tình lắm nỗi có rổ ốc,
 Thế - thái nhiều câu câu đậu gà.
 Máu loãng hầy còn hơn nước lã,
 Ai ơi đừng học thói nhà ma.

Cảnh hoàng-hôn

Mặt trời gác núi bóng vàng loe,
 Chim rộn về cây cánh xập xoe.
 Điểm mõ sru-không kêu lốc-cốc
 Đồn coi xếp-gác thồi toe-hoe.
 Nóc chuồng gà mẹ kêu cu - cục,
 Cửa cổng trâu già gọi ghé-nghe.
 Khuê - phụ phương trời con mắt mỗi,
 Phòng xuân khép cánh kết ke-ke.

Cảnh nhà nho

Phong cảnh nhà nho nghĩ vắng teo,
 Ba gian nhà cỏ gió thu heo.
 Lợi-danh lũng-tùng cò mang nhựa,
 Công-nợ lỏi-thôi cóc lội bèo.

Ông ba bị

Cái giống chi chi giống lạ-lùng,
 Con người như thế thế mà ông.
 Những như kẻ lớn mà ai sợ,
 Chỉ dựa con con nó hũ-hùng.

Con cu-cu

Bay ăn rồi bay lại gù,
 Vợ chồng hủ-hỉ suốt ngày thâu.
 Ông nuôi cho béo rồi ông thịt,
 Ấy thế nhưng mày có biết đâu !
 LÊ MẠNH-TRINH

Qua sông Cửu-long bị tố

Ngán nỗi cheo-leo giữa đại-hà,
 Một trời một sóng một thuyền ta.
 Xôn-xao hành-khách hồn tỉnh lạc,

Ngơ-ngẩn đà-phu tượng Thích-Ca.
 Vận nước hết đầy, vơi đã lại (1),
 Cơ trời chán động, tỉnh rồi qua.
 Anh em trai bạn tay sào vững,
 Không lẽ phong - ba mãi thế mà.

NGUYỄN-THỊ PHONG-TRẦN

Tự-trào

Tôi nghĩ như tôi cũng nực cười,
 Xuân-thu nay đã ngoại hai-mươi.
 Và khoa hương-thí không đâu cả,
 Một bận thi tây cũng trượt rồi.
 Vợ muốn giảm cô tình gái đẹp,
 Cơm toan ba bữa sẵn đồ xơi.
 Nghĩ ta dào-dề cho ta nhĩ,
 Thế cũng ngênh-ngang một chỗ ngồi.

Cảnh Tam-Thanh

Tam - Thanh cảnh ấy có chi chi,
 Tạo-hóa sinh ra lắm thú kỳ.
 Tượng đá mười pho trên bệ đứng,
 Bia tân vài mảnh chữ in li.
 Lơ-thơ ngọn núi cây xanh ngắt,
 Lách-tách bên khe suối chảy ri.
 Càng bước càng cao càng tối mãi,
 Muốn ai cầm đuốc tỏ đường đi.

VŨ MỘNG - BĂNG

Thu

Hiu-hắt lau bay mấy dặm tràng,
 Cảnh trời này đã cảnh thu sang.
 Sen tàn mặt nước lồng trắng bạc,
 Cúc nở đầu non thoảng gió vàng.
 Phủ giếng vàng loe ngó rụng lá,
 Rẽ mây xanh ngắt nhận bay hàng.
 Nước non như nhuộm màu thu lại,
 Con tạo vì ai khéo diêm-trang.

Người Bắc-kạn

Cảm - tác

Anh em Hồng Lạc hỡi ai ơi !
 Kể Bắc người Nam mấy triệu người ?

(1) Sông Cửu-long tại thượng-trung-nguyên tuy không có thủy-triều, nhưng trong một năm 6 tháng nước lớn, 6 tháng nước nhỏ.

Rải-rắc giống-nòi ba cõi đất,
 Cùng chung non nước một phương trời.
 Tấn Hoành muôn thửa non còn đó,
 Hương Nhị nghìn thu nước chứa vơi.
 Thế-vận trải bao cơn biến-thái,
 Ai thương, ai khóc, lại ai cười?

Lãng - ngâm

Nợ đời nặng lắm ai ơi!
 Ai vay ai trả ai đòi ai cho?
 Trời cao ai thước mà đo?
 Biển sâu ai tát ai dò ai thăm?
 Văn-chương một mối tơ lằm,
 Nguồn cơn luống những xót thăm
 [thương vay!]

Cảnh trời bề nước non mây,
 Cuộc đời ai khéo đặt bày tang-thương?
 Trăm năm một giấc hoàng-lương,
 Cùng chung một kiếp thì thương nhau
 cùng.

Rồi đây vùng-vẫy vẫy-vùng!

NGUYỄN TRUNG-KHUYẾN

NGÂM-KHÚC

Chỉ tát nước

Si-suồm tát nước gầu giai,
 Lửa tấy nắng hạ em biết kêu ai bây giờ.
 Ngừng trông lên vầng mây che bóng
 ác lơ-mờ,
 Mong chồng em cũng chẳng có thiết bằng
 mong mưa bấy chầy.
 Âm-âm sấm động khắp dòng tây,
 Chắc rằng cá nước rồng mây sao cũng
 có ngày.
 Cho bỏ công người đắp năm trồng
 cây,
 Bỏ công em đi cấy, anh đi cấy đã lằm
 công-phu.
 Nhờ trời cho lúa tốt bội thu,
 Nước non rạng vẻ Đường-Ngư gặp thời.
 Bây giờ ta sẽ ăn chơi!

Làm cỏ

Cơm ăn làm cỏ chẳng bỏ đi đâu. Chi
 em ơi! chớ có ngại dãi-dầu, nên phải
 siêng-năng.

Muốn cho hòa-cốc phong-đăng, đã
 mà bạt-thảo thì phải trừ căn mới là.

Chi em ơi! chớ ngại phen dãi-bà,
 cũng giang-sơn nước Bách-Việt, cũng
 con cháu nhà ông Lạc-Long.

Dầu lằm-than chớ có quản công,
 nước non phải gánh vác cho đức ông
 chồng mới hay.

Chi em ơi! tà-tà bóng đã ngã về tây,
 kia một đàn con chim nhận nó đã bay
 vào rừng.

Giong trâu về mục-tử gỗ sừng, chi
 em sắp-sửa liệu chừng mà rửa chân tay.

TRẦN VĂN-RUẬT

Hoa-tình

(hát sầm ả-đào dùng những tiếng về nhơ
 y lý-số)

Số em nay là số đào-hồng,
 Số anh thì đại tiểu hạn trảng-phùng Tiên
 diêu.

Xem số anh em chẳng lấy su nào,
 Cứ xem cho kỹ muốn sao mặc lòng.

Đất nhà em : Đào-hoa thủy quá-cung,

Đất nhà anh : Mộc-dục thủy trực-nung
 nội-thành.

Đôi chúng ta sơn-thủy hữu-tình,
 tàng phong tụ khí rành rành chẳng sai.

Anh thương em là gái nữ-hài,

Bổc cho em Dâm-dương-hoắc một bài
 tư-âm.

Túi anh nay sẵn có nhân-sâm,
 Trong phương-thư đã có nói vị hoàng
 cầm an-thai.

Em nề anh, chớ để anh vật-nài.

Em nay thực-nữ, anh đại-tài nam-nhĩ.

Sách có chữ rằng : chi tử vu quĩ,

Lời-thời chi nữ, cửu-cập-thị tối hóm-nay.

Gì thì gì anh chẳng tiếc em đây....

NGÔ SÁCH-VINH

THỜI-ĐÀM

Việc Âu - Mĩ

Tình-hình nước Pháp. — Tòa Nội-các HERRIOT xem chừng ra thế-lực càng ngày càng vững. Bằng cầm quyền trước tuy vẫn không bằng lòng, cũng muốn thừa-cơ khuy-nh-đảo, những đại-đề quốc-dân đều có ý hoan-ngheh cả. Là vì cái chính-sách của Nội-các cũ nghiêng-khắc bao nhiêu thì cái chính-sách của Nội-các mới khoan-dung bấy nhiêu, khoan-dung đối với trong, khoan-dung đối với ngoài; đối với trong thời ngay sau khi lên cầm quyền liền đề cho Nghị-viện xét một cái dự-án ân-xá cho các người bị tội chính-trị mấy năm trước và sát-hạch lại những án của các tòa án binh trong khi chiến-tranh; đối với ngoài thời ngay khi Nội-các mới thành-lập, ông thủ-tướng liền sang Londres để cùng với thủ-tướng nước Anh thương-thuyết mọi việc, phá được cái ác-cảm hai nước đã mấy lâu nay. Ông HERRIOT mấy lần diễn-thuyết hoặc ở Nghị-viện, hoặc ở các hội tiệc, đều được các báo khen lắm, khen là người thành-thực rộng-rãi, không có ý mách-khỏe quyền-mưu. Chính ông đã tự nói rằng: « Nay tôi lên cầm quyền, phạm những chính-kiến của tôi lúc còn ở đảng phản-đối thế nào, tôi cùng các bạn đồng-sự tôi sẽ ra sức thực-bành như thế, không sai chút nào. Trước sao sau vậy, kẻ cũng khó thật, nhưng tôi coi việc đó là một sự danh-dự của tôi, tôi sẽ hết lòng. » Thói thường các nhà chính-trị hay nói một đằng làm một nẻo, giữ được thủy-chung như - nhất như lời ông nói đó, phải là người có tư-cách, có năng-lực lắm vậy. Cả tính-cách ông là gồm trong câu nói đó và mấy câu như sau này « Phải nên phá cái ý-kiến thông-thường cho rằng làm việc chính-trị phải « lâu-cà » mới được. Tôi đây, tôi cứ thẳng đường tôi đi. » (*Il faut en finir avec cette idée que la rouerie est la règle du jeu politique. J'irai droit devant moi.*) Lại câu rằng: « Chúng tôi muốn cứ thực-thà còn hơn là khôn-khéo. » (*Nous avons préféré la franchise à l'habileté.*) Nếu nhà chính-trị nào cũng được như thế thì việc thiên-hạ đến nỗi nào. Các

người trong đảng phản-đối ông cho rằng ông thực-thà như thế có khi bị mắc lừa người ta. Nhưng phải biết rằng việc thế-giới bây giờ, dầu kin đến dầu mặc lòng, đều là thuộc trong dư-loạn cả; những mưu sâu chước hiểm, giấu trước hở sau không sao che mắt thiên-hạ được; như vậy thời dùng lối quyền-mưu có lẽ không bằng là cứ giữ cách thực-thà, và câu phương-ngôn ta: *Thực-thà là cha quỷ-quái*, thật là dùng chữ chẳng sai.

Hội-nghị Londres. — Trên kia đã nói rằng toà Nội-các Pháp mới lập xong thì ông Thủ-tướng kiêm ngoại-vụ HERRIOT liền sang Londres để thương-thuyết với thủ-tướng Anh MAC DONALD. Là vì việc cấp-không thể trì-hoãn được lâu nữa. Trong nửa cuối tháng 5 và nửa đầu tháng 6, suốt một tháng trời, vì việc chính-biến ở nước Pháp mà cuộc ngoại-giao như đình-đốn cả. Nay phải kịp thu lại cái thời-giờ đã mất đi. Vậy ngày ba tuần tháng sáu, hai thủ-tướng Pháp Anh gặp nhau ở cung Chequers là nhà nghị-mất của thủ-tướng Anh, cách Londres chừng 50 cây - lô - mét, để bàn-bạc các việc, thứ nhất là vấn - đề bồi - khoản của Đức, vấn - đề phòng-bị của Pháp, vấn - đề thi-hành cái chương-trình của Hội-đồng giám-định, vấn - đề kiểm-sát quân-dội binh-khí của Đức, v. v. Hai thủ-tướng bàn với nhau trong hai ngày, đại-đề biều-dồng-ý về các khoản, lại công-nhiên tuyên-bố rằng « xin cùng nhau cam-đoan từ nay cứ đồng-tâm hiệp-lực với nhau mãi » (*pacte moral de collaboration continue*). Thế là bao nhiêu mối nghi-ngờ ác-cảm trong hai nước từ trước đến nay hầu như phá tan cả. Dầu mọi sự phân-tranh chưa thể giải-quyết được hết, nhưng hai bên đã biều-dồng-tình như thế, thời sớm trưa thế nào cũng giải - quyết được, không đến nỗi cứ găng nhau mãi như trước. Sau khi hai ông Thủ-tướng thương-thuyết ở cung Chequers thì cùng nhau định đều ngày 16 tháng 7 mới cả các Chính-phủ Đồng-minh họp thành Hội-nghị ở Londres để quyết-nghị về phương-pháp thi-hành cái chương-trình của Hội-đồng Giám-định (*rapport des experts*); lại mời cả nước Mĩ và nước

Đức cử đại-biêu tham-dự nữa. Hội-ng nghị ấy hiện nay còn đương họp, chưa bàn xong các việc.

Trong các việc ấy có hai việc quan-hệ nhất là vấn-đề bồi-thường nước Đức, và vấn-đề phong-bị nước Pháp. Theo hòa-ước Versailles, Đức phải bồi-thường cho các Đồng-minh, nhất là cho nước Pháp để sửa-sang lại các miền bị tàn-phá. Nhưng trong mấy năm nay Đức cứ nhùng-nhằng không chịu trả, nước Pháp với nước Bỉ phải để quân sang chiếm hạt sông Ruhr để lấy nợ. Nhưng việc chiếm-cư này nước Anh không bằng lòng, thủy-chung không tham-dự vào và vẫn phân-đôi. Đức thấy chính trong Đồng-minh cũng không đồng-tình với nhau, bèn cứ « đâm ý » ra, nói rằng tài-chính k ết-quả lắm, không lấy đâu trả nợ được. Đầu năm nay, các Đồng-minh báo nhau đặt một hội-đồng các chuyên-gi về tài-chính gọi là hội Uỷ-viên giám-định (Comité des experts) để điều-tra xem có cách nào chỉnh-đốn được tài-chính nước Đức và bắt nước Đức phải trả nợ bồi-thường không. Hội-đồng ấy giao cho một nhà tài-chính Mĩ chủ-trương, khảo-sát trong mấy tháng rồi kết-luận rằng nước Đức có thể trả được và dự-thảo một cái chương-trình chỉnh-đốn tài-chính cho nước ấy. Hội-ng nghị họp ở Londres bây giờ là để định phương-pháp thi-hành cái chương-trình ấy. Nhưng theo chương-trình ấy, muốn cho nước Đức khôi-phục tài-chính, nước Pháp và nước Bỉ tất phải trả lại hạt sông Ruhr. Hai nước này cũng sẵn lòng trả, nhưng muốn biết chắc rằng ngộ nước Đức lại có ý « trây » nữa thì làm thế nào. Theo hòa-ước phải đặt ra một « hội-đồng bồi-thường » (Commission des Réparations) để biên-nhận các khoản của Đức nộp, và khi nào nộp thiếu trình cho các Đồng-minh biết. Trong Hội-đồng ấy người Pháp được số nhiều, nước Anh vẫn lấy thế làm không mẫn-ý, nhưng cứ hòa-ước thì không thế sao được. Nay nhân có cái chương-trình của các chuyên-gia, Đồng-minh đã công-nhận cả, Anh bèn thừa-cơ muốn rút quyền của Hội-đồng bồi-thường đi, bèn đem giao cho một hội-đồng khác hay là Hội Vạn-quốc, lấy cái lẽ rằng Hội-đồng bồi-thường là do hòa-ước Versailles đặt ra, quyền-ban chỉ ở trong hòa-ước, nay chương-trình chuyên-gia là ở ngoài hòa-ước, Hội-đồng không thể biết đến được. Về phần nước Pháp thì không chịu để cho rút quyền của Hội-đồng bồi-thường đi, nói rằng hòa-ước Versailles là « thảo-thành bất khả xâm-phạm », sau này đặt ra phương-pháp gì cũng là để thi-hành hòa-ước mà thôi, nếu nay thêm điều này,

mai bớt điều khác thì không khác gì như canh-cải hòa-ước, làm thế không được. Hai phương-diện khác nhau như thế, chưa biết Hội-ng nghị Londres giải-quyết ra thế nào. Nay còn một vấn-đề nữa, là vấn-đề phong-bị của nước Pháp. Nước Anh muốn cho nước Pháp rút quân ở Đức về, nước Pháp cũng sẵn lòng như thế, vì nước Pháp không có cái chí xâm-lược gì. Nhưng Đức là kẻ thù thiên-cổ của Pháp, từ khi thua đến giờ chỉ hăm-hè định thừa-cơ báo thù. Nay nếu Pháp rút quân về, thì ngộ nhất-đán Đức khởi-bình sang đánh, Anh có sẵn lòng giúp như trong khi chiến-tranh mới rồi không? Nếu Anh thực cam-đoan cứu-viện Pháp như thế thì Pháp bỏ ngay cái chính-sách đàn-áp nước Đức, chính-sách ấy chẳng qua là một cách phong-bị mà thôi. Nhưng về khoản đó, Anh vẫn còn ngần-ngừ, chưa biết Hội-ng nghị giải-quyết ra làm sao.

Cuộc thi Thể-thao Vạn-quốc.

Ngày mồng 5 tháng 7 ở Colombes gần Paris có mở cuộc thi thể-thao Vạn-quốc lần thứ 8 (8^e Olympiade), hơn 3000 lực-sĩ của 42 nước trong thế-giới đến dự-thi, thật như lời báo Tây nói là một « đội quân danh-dự của bọn rảo thịt cứng gân trong Vạn-quốc » (la phalange d'honneur de l'armée internationale du muscle). Nguyên cuộc thi này là từ một người Pháp, Nam-tước PIERRE DE COUBERTIN, khởi-xướng ra từ năm 1892. Ông vốn là vị lòng ái-quốc, ái-chúng, muốn truyền bá sang nước Pháp những phép thể-thao của nước Anh, nước Mĩ, chủ-ý khôi-phục lại khí-huyết mạnh cho người Pháp (rebronzer la France). Nhưng trước chỉ chăm có một cái mục-dịch khôi-phục giống-nòi ấy, sau khoáng-trương ra nghĩ gây hấn một cái phong-trào thể-thao trong các nước, và theo như tỉ-lập ngày xưa có cuộc thi thể-thao ở thành Olympic, ông bèn xướng ra lập một hội thể-thao Vạn-quốc (thường trực ở Lausanne) để cứ bốn năm một lần mở một cuộc thi lực-sĩ trong các nước. Cái sáng-ý của ông được những nhà thể-thao trong các nước hoan-nghehnh lắm. Bắt đầu từ năm 1896 mở cuộc thi lần thứ nhất ở Athènes; rồi đến năm 1900 ở Paris, năm 1904 ở Saint-Louis (Hoa-kỳ), năm 1908 ở Londres, năm 1912 ở Stockholm, năm 1920 ở Anvers; mới đầu còn có 10, 12 nước phải người đến dự mà thôi, sau mỗi ngày một nhiều, bây giờ thời thật là gồm hết cả những tay lực-sĩ giỏi nhất trong Vạn-quốc.

Các nhà chủ-trương ra cuộc thi này là vì một cái mục-dịch rất cao-thượng, tin rằng thể-thao có thể cải-hoá được loài người. Kỳ hội-ngập ở Rome năm 1923, có nhà diễn-thuyết đã nói rằng: « Sự thể-thao như ý chúng ta quan-niệm và muốn tìm cách tổ-chức cho thành, chẳng qua là một cái trường-sở để luyện-lập chí-khi cho người ta. » (*L'olympisme tel que nous l'avons conçu et cherchons à l'organiser n'est autre chose qu'un jardin pour la culture de la volonté*). Cho nên những người dự-thi toàn là những tay tài-tử (*amateurs*) không có vị tiền vị lợi, chỉ ham lấy cái tiếng « khôi-nguyên thế-giới » (*champion du monde*) mà thôi. Phần thưởng chỉ có ba thứ miễn-day bằng vàng, bằng bạc, bằng đồng, không có thưởng tiền. Trong 42 nước dự-thi năm nay, nước lớn có, nước nhỏ có, đều bình-dẳng cả. Có nhiều lực-sĩ ứng-thi nhất là nước Mỹ tới 300 người, trong nước mở lạc-quyền được 10 triệu đô-sung vào các khoản kinh-phí. Đến khi ra thi các khoa (nhảy, chạy, ném quả lùn, bắn, đấu gươm, v.v.) thì hai nước xuất-sắc nhất lại là hai nước nhỏ nhất, nước *Finlande* (ở phía bắc nước Nga và nước *Uruguay* (ở Nam-Mỹ). Kết-cục thời ban lực-sĩ *Finlande* chiếm được giải khôi-nguyên thế-giới.

Cứ dự-luận các nước thi kỳ thi thể-thao này trọng-thể hơn cả các kỳ trước. Nước nào có lực-sĩ dự-thi đều có dự-bị và tập-luyện từ mấy tháng trước, phí-tiền nhiều lắm; lại từ nước nhà, ở khắp năm châu, vượt bể xa khơi mà đến họp ở nước Pháp đông như thế, thật là không quân công, không quân của, mà làm thế không phải là vì lợi, chỉ vì một chút danh-dự mà thôi. Cứ xem lời phát-thệ của lực-sĩ nước Pháp Géo André thay mặt anh em các nước tuyên lên ở trước quan Giám-quốc bữa khai-hội thi đủ biết cái tâm-lý của các tay tài-tử ứng-thi cuộc thể-thao Vạn-quốc mới rồi thế nào. Lời rằng: « Chúng tôi xin thề rằng chúng tôi ra ứng-thi thể-thao một lòng thành-thục, tôn-trọng các lễ-luật đã đặt ra, và đem một cái tinh-thần hào-hiệp mà dự cuộc để lấy danh-dự cho nước chúng tôi và làm vẻ-vang cho nền Thể-dục. » (*Nous jurons que nous nous présentons aux jeux olympiques en concurrents loyaux, respectueux des règlements qui les régissent et désireux d'y participer dans un esprit chevaleresque pour l'honneur de nos pays et la gloire du sport.*)

Dự-bị tuyển-cử Giám-quốc ở nước Mỹ. — Cuối năm nay nước Mỹ sẽ

có đại-tuyển-cử Giám-quốc. Lễ tuyển-cử ở nước Mỹ khác ở nước Pháp. Nước Pháp thời hai Nghị-viện họp thành Quốc-hội để bầu Giám-quốc; nước Mỹ thời cả bản dân được quyền bầu Giám-quốc. Cho nên sự tuyển-cử to-tát và trong-thể lắm. Mỗi tháng trước kỳ tuyển-cử, mỗi chính-đảng phải họp lại để chọn người ứng-cử của mình. Ở Mỹ có hai chính-đảng lớn, là « đảng cộng-hòa » (*parti républicain*) tức là phe ôn-hòa bảo-thủ, và « đảng dân-chủ » (*parti démocrate*), tức là phe xã-hội cấp-tiến. Đảng cộng-hòa thì chọn ngay ông Coolidge là quyền Giám-quốc bây giờ để ứng-cử chức Giám-quốc và tướng Dawes là người đứng đầu hội Ủy-viên Giám-định xét về việc khôi-phục tài-chính nước Đức mới rồi để ứng-cử về chức phó-Giám-quốc. Hai người ấy là hai người có thể-lực trong đảng, được cử thế cũng là sự tự-nhiên. Nhưng trong đảng dân-chủ thì chọn người khó-khăn quá, bỏ về đến một trăm lượt mới xong. Nguyên có hai người ganh nhau: một người là ông Mac Adoo, con rể ông cố Giám-quốc Wilson, trước đã từng sung Nội-các; một người là ông Smith làm chức Tổng-độc (*gouverneur*), hai bên thế-lực ngang nhau, không ai hơn ai, mà theo lệ thì phải được hai phần ba số về trong đảng mới được ứng-cử. Sau không người nào được mà một người thứ ba là ông Davis, nguyên làm đại-sứ Mỹ ở Anh trước được trúng-cử. Thế là từ nay cho đến ngày đại-tuyển-cử sự cạnh-tranh là ở trong hai tay đại-biễn của hai đảng: Ông Coolidge và ông Davis. Ông Coolidge được bầu thì là đảng bảo-thủ thắng; ông Davis được bầu thì là đảng cấp-tiến thắng.

Một việc ám-sát ở nước Ý. — Mới rồi ở nước Ý có xảy ra một sự ám-sát rất kỳ-quái, làm kích-động cả dư-luận trong thế-giới, là việc ám-sát một người nghị-viện về đảng xã-hội tên là Matteotti. Nguyên ở nước Ý sau khi chiến-tranh các đảng Cách-mệnh lộng lẫy quá, nhà vua và Chính-phủ hầu như không có quyền-lực gì nữa. Bây giờ ông Mussolini họp-tập các nghĩa-binh trong nước, đặt tên là « Pha-xi » (*fascistes*) khởi lên đánh bọn cách-mệnh, tiến vào lấy kinh-đô Rome. Vua phải giao cho ông lập Nội-các. Nhưng từ ngày được cầm quyền thì ông và đồ đảng ông công-nhiều giữ cái chính-sách chuyên-chế, không coi nghị-viện, không coi dân-ý vào đâu cả. Lại trong đồ-đảng vẫn quen lối vô-đoan, bẻ ai ra một phẩn-đối đảng « Pha-xi » thì tìm cách ám-mur giết đi. Đã xảy ra nhiều cái án như thế, mà Chính-phủ cứ làm ngơ, có người cho là chính thủ-tướng Mussolini có ý

dung-tung, nên trong dân-gian lấy làm tức giận lắm. Trong đảng xã-hội ở Nghị-viện có một người tên là MATTEOTTI là một tay sắc-xảo, lâu nay vẫn phản-đối Chính-phủ «Pha-xi»; vào trung-tuần tháng 6, ông sắp ra diễn-thuyết ở Nghị-viện, định tố-cáo nhiều điều ám-muội của Chính-phủ, bài diễn-thuyết ấy xem chừng kịch-liệt lắm. Chợt ngày mồng 10 ông ở nhà ra đi, vừa ra khỏi cửa bị ngay năm quân hung-thủ bắt đem lên xe ô-tô chạy biến đi, rồi từ đấy không thấy về nữa, không có tin-tức gì nữa. Sau mới biết là ông bị ám-sát mà xác bỏ đi đâu mất không tìm thấy. Một cái án hung-ác và táo-bạo như thế, làm cho cả quốc-dân Ý cảm-dộng và phẫn-kích. Chính-phủ giao cho tòa án xét. Tra ra thì có mấy người can-thiệp vào án đó là những người tả-hữu của MUSSOLINI. Thủ-tướng bấy giờ xử vào cái địa-vị rất nguy, phải tuyên bố rằng xin tòa án cứ xét cho đến nơi, ai can vào án ấy đều quan to đến đâu, người thế-lực thế nào, xin cứ chiều luật mà trị tội rất nghiêm, ông không dung-tung. Nhất-diện thì ông tập-hợp các quân-đội «Pha-xi» để phòng sự cách-mệnh; nhất-diện thì ông thay đổi quan Nội-các, lấy những người ở ngoài đảng «Pha-xi» cho dân khỏi ngờ, nhưng cũng chưa làm cho người được lòng công-phần trong dân-gian. Hiện nay tòa án vẫn còn xét, đã bắt được mười người tống-ngục, nhưng chưa tra xong. Việc này làm cho dư-luận thế-giới trong hai tuần-lễ nao-dộng cả; các dân-đảng trong các nước đều họp hội, diễn-thuyết, gửi điện phản-đối Chính-phủ MUSSOLINI dung-tung những thủ-đoạn thậm bỉ-tiện, thậm tàn-ác như thế. Ở Rome thời giữa nơi MATTEOTTI bị bắt lên xe ô-tô, vạch một chữ thập làm dấu, ngày ngày mấy nghìn người kéo nhau lũ lượt đem hoa đến đấy viếng.

Vấn - đề trung-học ở nước

Pháp — Trong số 83 (Thời-dàm, trang 443) bản-chí có nói về sự cải-cách bậc Trung - học Tây ở Đông Pháp theo như chương trình mới bên Pháp định ngay từ lớp sáu phải học cổ - văn La - mã Hi-lạp. Sự cải-cách ấy là do ông Học-vụ-tổng-trưởng BÉRARD tòa Nội-các trước khởi-xướng ra, các đảng bên tả đều phản-đối. Nay đảng tả lên cầm quyền, tất bãi bỏ

mà khôi-phục lại cái học-qui cũ, chia bậc trung-học ra hai ban cổ-học và tân - học trình-độ bằng nhau. Ngày 2 tháng 7, ông Học-vụ Tổng-trưởng FRANÇOIS ALBERT họp «Học-chính Cao-đẳng Hội-nghị» (*Conseil Supérieur de l'Instruction publique*) bàn nên lập lại bắt đầu ngay từ sau kỳ nghỉ hè này một lớp 6 tân-học không có cổ-văn Hi-lạp La-mã đối với lớp 6 cổ-học cứ để như trước, nghĩa là có cổ-văn La-mã Hi-lạp. Hội-đồng bỏ vé quyết-nghị thì 22 vé thuận đặt lại lớp 6 tân-học, 21 vé không thuận. Xem như thế thì hai bên chỉ chênh nhau có một số. Bắt đầu từ sau hè này, các trường Trung-học bên Pháp sẽ lại có một lớp 6 không có cổ-văn Hi-lạp La - mã như hồi trước sự cải-cách của quan Học-vụ BÉRARD.

Quan Học - vụ FRANÇOIS ALBERT diễn-thuyết ở Cao-đẳng-hội-nghị đại-khái nói rằng số học-trò trung-học bây giờ mỗi ngày một nhiều, không thể bắt ai ai cũng theo cổ-học cả được, bắt như thế là hạn-chế số học-trò, thực là một sự không công-bằng. Phải sắp đặt sự học thế nào cho thỏa lòng cha mẹ học-trò và hợp với sự yếu-cần của con trẻ. Sự cải-cách của quan Học-bộ trước có ý lẫn cách «phổ-thông giáo-dục» (*culture générale*) với sự «bách-khoa học-tập» (*étude encyclopédique*), bắt hết thầy con trẻ vào trung-học phải kiêm đủ cả ba mặt cổ-học, tân-học, cách-trí, như thế thì cũng quá thật. Song nay muốn khôi-phục lại ban tân-học, không nên làm như trước kia coi ban tân-học khác nào như một ban cổ-học giảm gia, như thế là làm to. Phải cho tân-học với cổ-học trình-độ cũng bằng nhau mới được. Ông ALBERT nói rõ hẳn rằng: «Tôi không muốn đặt ra một ban trung-học không có cổ-văn Hi-lạp La-mã mà lại không có một cái chất gì thay vào, dầu không được bỏ cho sự giáo-dục về đường tinh-hoa, cũng được bỏ cho sự giáo-dục về đường lợi-ích. Tôi muốn cho hai ban cổ-học tân-học không có khác nhau về trình-độ. Tôi muốn thay cổ-văn La-Hi

bằng những môn học chỉ mà cũng bỏ-ích cho sự giáo-dục bằng cổ-văn La Hi, duy bỏ-ích một cách khác mà thôi. » (*Je ne voudrais pas d'une section d'humanité sans latin et grec, où le latin et le grec ne fussent pas remplacés par quelque autre substance sinon aussi dévotement éducative, du moins très utilement éducative. Je voudrais qu'il n'y eût pas entre ces deux formes d'enseignement une différence de degré. Je voudrais remplacer le latin et le grec par des substances d'enseignement qui soient aussi éducatives, mais qui le soient différemment*). —

Ý-kiến của phái bảo-thủ là cho rằng học-trò mà không học qua cổ-văn La Hi thì sự giáo-dục không được hoàn-toàn. Ý kiến của quan Học-bộ mới và cả phái cấp-tiến là học-trò không cần phải học cổ văn La-Hi, chỉ học văn-chương Pháp, học tiếng ngoại-quốc, học cách-tri, cũ g đủ có cái giáo-dục hoàn-toàn, dẫu nó kém phần « tinh-hoa » mà được hơn phần « lợi-ích ». Vả lại nếu bó buộc học-trò rung-học đều phải học cổ-văn cả thì thành ra hạn số học-trò, làm cho con nhà bình-dân không vào trung-học được, vì con nhà bình-dân không có thừa công dẫu mà học những sự « văn-hoa » vô-ích ; như thế là không công-bằng, trái với cái chủ-nghĩa dân-chủ. — Về vấn-đề quốc-dân-giáo-dục thì phái cấp-tiến giữ cái chủ-nghĩa « học - đường duy - nhất » (*école unique*), nghĩa là ba bậc tiểu-học, trung-học, đại-học là liên-tiếp nhau, chứ không có gián-cách phân-biệt ra làm ba bộ riêng, bất-cứ con nhà bình dân, con nhà trung-lưu hay con nhà thượng-lưu, hễ có sức học được thời cứ học thẳng luôn từ tiểu-học cho đến đại-học được, chỉ có trình-độ cao thấp mà thôi, chứ không có bậc sang-trọng, bậc tầm-thường. Thuộc về chủ-nghĩa « học - đường duy-nhất », ông FRANÇOIS-ALBERT trong một bài diễn-thuyết cho học-trò các trường trung-học đã có mấy câu giảng-giải thiế-tha như sau này: « Cái vấn-đề nối liền hai bậc tiểu-học và trung-học với nhau là

một vấn-đề rất khó, phải làm thế nào cho hai hên thắm-nhiễm lẫn nhau mà lấy những chất tốt tiềm-tàng trong bậc tiểu-học để bồi-bổ cho bậc trung-học. Đó là trong tiếng chuyên-môn của chúng tôi gọi là cái thuyết « học-đường duy-nhất ». Tôi thường thấy có kẻ bài-bác cái thuyết đó cho là một cách san phẳng nhân-tài cho bình-dẳng hết thầy, và cho thế là k ông được cao-thượng. Nhưng tôi thử hỏi anh em đây là những bậc thanh-niên tuần-lú, tôi thử hỏi giá bây giờ đặt một cuộc thi trong các con trẻ trường tiểu-học, chọn lấy đứa nào thông-minh cho nó vào cùng ngồi một ghế với anh em, anh em có lấy thế làm trái lẽ phải, làm không xứng-đáng hay không ? Anh em có lấy làm tức mình cho những trẻ đó là vượt phận, hay là anh em sẽ vui-vẻ mà rang tay ra đón lấy ? Ấy cả cái vấn-đề là ở đó. Nhưng tôi hỏi anh em như thế, tôi đã biết anh em trả lời thế nào rồi, tôi không còn ngại-ngờ gì nữa, vì anh em hãy còn cái lòng hữu-ai tự-nhiên, chưa bị những sự nguy-biến nó làm cho phai lạt đi vậy. » (*C'est un problème infiniment délicat que celui de la jonction à établir entre les deux ordres d'enseignement primaire et secondaire, de l'endosmose qui permettra de nourrir celui-ci par les meilleurs éléments que celui-là tient en réserve. Dans notre jargon de techniciens, c'est ce qu'on appelle l'école unique. Je vois quelquefois cette conception dénoncée comme une tentative peu noble de nivellement égalitaire. J'en appelle à vous, adolescents d'élite, et je vous demande s'il vous paraîtrait monstrueux ou seulement choquant qu'entre tous les bambins de l'école primaire fût établi une sorte de grand concours général, à la suite duquel les meilleurs enfants du peuple se verraient conviés à prendre place sur les mêmes bancs que vous ? Les tiendriez-vous d'un cœur ombrageux pour des intrus ou leur ouvririez-vous les bras fraternellement ? Voilà toute la question. En la posant, je ne doute pas de la réponse, car les sophismes n'ont pas encore altéré votre cordialité native.*)

Việc Á-đông

Chính-sách ngoại-giao của Nhật-bản. — Từ khi quan Toàn-quyền MERLIN sang Nhật-bản, các nước xem ra chú-ý về chính-sách ngoại-giao của Nhật-bản. Nay xem trong *Revue du Pacifique* (Thái-bình-dương tạp-chí) có một bài nói về chính-sách ấy, xin tóm lược như sau đây.

Nước Nhật-bản ngày nay xem như muốn dùng cách hòa-bình mà chen vào với liệt-cường về đường kinh-tế, theo như cái chương-trình của Mĩ gồm trong hai câu : « Khai-phóng môn hộ, lợi-ích quân-chiến » (*porte ouverte et chan ces égales*), nghĩa là không nước nào được đặc-quyền hơn nước nào, đều bằng vai nhau mà ra đua tranh để kiếm lợi. Vì vậy mà cái chính-sách của Nhật đối với liệt-cường có khác trước.

Đối với Tàu thời những phương-pháp đàn áp nạt dọa của bọn quân-phiệt cầm quyền trước nay bỏ cả. Dù Tàu có trây-lười, có thoái-tha, có thất-tin đến thế nào, người Nhật cũng cố nhẫn-nhục chịu, lấy sự thân-thiện mà đối với kẻ cừu-thù. Có người trách Nhật sao lại âm-trợ cho TCHANG TSO-LIN (Trương Tác-Lâm) ở Mãn-châu. Nhưng trách thế thì có thể trách cả Mĩ và Anh sao lại giúp cho TSAO KUN (Tào Quân) và OU PEI FOU (Ngô Bội Phu). Nghĩa là nước nào có quyền-lợi riêng về địa-phương nào thì muốn lấy lòng người cầm quyền trong địa-phương ấy, đó cũng là lẽ tự-nhiên không thể trách được. Và xét ra TCHANG TSO-LIN chẳng ưa gì Nhật mà Nhật cũng chẳng ưa gì TCHANG TSO-LIN, chẳng qua là hai bên lợi-dụng nhau đó mà thôi.

Đối với Mĩ thời Nhật đi đến đâu cũng gặp Mĩ, cũng phải cạnh-tranh với Mĩ. Cách cạnh-tranh mỗi bên một khác, mà thế-lực cũng có hơn kém khác nhau. Nhưng Nhật cũng hết sức nhẫn-nhục, không để cho đến xung-đột nhau dữ. Hiện nay đương là lúc xung-đột đây, chỉ vì một cái

vấn-đề di-dân, kẻ thì cũng không lợi-hại gì cho nước Nhật lắm, vì cho dầu Mĩ cho Nhật được rộng đường sang làm ăn, mỗi năm người di-nữ cũng san Mĩ được mấy vạn người di-nữ cũng đủ giải-quyết được cái vấn-đề « dân mãn » (*surpopulation*) của Nhật ; song việc này có quan-hệ đến danh-dự người Nhật, thế mà người Nhật cũng cố chịu nhịn được. Nay xét cho đến cùng thì dù hai giống Mĩ Nhật chủng loại khác nhau, tính-tình khác nhau, ngoài mặt thân-tiết mà trong lòng chẳng ưa gì nhau thật, nhưng cũng khó lòng mà đến đánh nhau được, vì hai nước về đường kinh-tế không thể rời nhau. Nhật phải cần đến Mĩ mà Mĩ cũng phải cần đến Nhật.

Đối với Anh thì Nhật là bạn đồng-minh cũ ; nay cái ước đồng-minh đã phá rồi, Nhật cũng biết vì sao mà Anh bỏ mình, nhưng cũng không giận gì Anh. Người Anh xưa nay chỉ chơi với người lúc có lợi cho mình mà thôi, khi không ích gì cho mình thì bỏ bạn ngay. Nhật vẫn biết như thế, và Nhật đối với Anh cũng sẵn lòng xử lại như thế. Những sự dự-bị của Anh đặt quân-cảng ở *Singapore* (Tân-gia-ba), đặt pháo-dài ở *Trinquemaly* (bờ biển Ấn-độ), Nhật cũng biết là đối với mình mà làm như thế, và về phần Nhật cũng dự-bị chứ không phải không.

Đối với Nga thì Nhật còn do-dự. Nhật ở gần Nga cũng muốn lợi-dụng Nga về đường kinh-tế, nhưng mà chính-phủ cách-mệnh Nga chất-chướng lắm, không thể tin được. Mới rồi Nga có ý muốn thân-thiện với Tàu. Nhật đã từng dùng thế-lực để ngăn-trở.

Đối với Pháp thời Nhật xưa nay vẫn có tình-ý thân-thiện. Vì không có sự gì xung-đột nhau về đường kinh-tế cả. Duy sự thân-thiện ấy là thuộc về đường tinh-thần tri-thức, cho nên khi xa-xa mà không được thiết-thực cho lắm. Từ khi chiến-

thắng đến giờ, Nhật có lòng cảm-phục Pháp lắm. Trước kia người Nhật học chữ Pháp ít, bây giờ đã thấy học nhiều. Về đường doanh-nghiệp thì Nhật cũng sẵn lòng đề-huê với Pháp. Hiện nay Nhật mua đồ Pháp còn ít lắm; nếu Pháp cũng một lòng muốn đề-huê với Nhật thì không những các hàng-hóa của Pháp bán cho Nhật chạy hơn, mà những sản-vật của Đông-Pháp cũng tiêu-thụ ở Nhật được nhiều hơn bây giờ.

Việc nước Tàu. — Trong tháng mới rồi không có tin gì về Nội-các mới sang Tàu. Xem các tạp-chí Tàu mới sang đây thì chỉ thấy nói về tình-hình khó-khăn của Nội-các SUN PAO-KI (Tôn Bảo-Kỳ) trước khi có tin từ-chức. Vì tin ấy đồn đã lâu lắm. Sun tuy già đời trong quan-trường thật, nhưng xem chừng không biết khéo xử trong chính-trào đời nay. Có một người mấy tháng nay đi vận-dộng trong các tỉnh, muốn tranh vào Nội-các, và cũng được các dân-dân hoan-nghe, là SUN HONG-YI (Tôn Hồng-Yi 孫洪伊). Bởi thế mà khởi lên cái phong-trào « Tiêu-Tôn » tranh « Lão-Tôn », cũng là một câu chuyện vui trong chính-giới Bắc-kinh gần đây.

Ai cũng biết rằng phái cầm quyền ở Bắc-kinh ngày nay là phái Trục-lệ. Phái này là hợp bốn phái Lo-yang (Lạc-dương), Nan-guan (Nam uyên), Tien-tsin (Thiên-tân) và Nam-king (Nam kinh) mà thành thế-lực. Phái Tien-tsin thì có tướng WANG CHEU-MIN (Vương Thừa-Mân 王承斌); phái Nan-Yuan có tướng FONG YU-TSIANG (Phùng Ngọc-Tường 馮玉祥); phái Nam-king có tướng TSI YE-YUAN (Tề Nhiếp-Nguyên 齊燮元). Gần đây có tin rằng ba tướng ấy có điện về Chính-phủ Bắc-kinh xin từ-chức, có cái ý riêng muốn hợp nhau làm một cuộc « đình lập đồng-minh ». Đồng-minh này chắc là đề đối với phái Lo-yang là tướng OU PEI-FOU (Ngô Bội-Phu). Ou chừng thấy thế, và cũng thấy cái thế-lực của mình ở trung-ương

có ý kém, nên ít lâu nay chú-ý về miền Tây-Bắc, sai quân đắp đường, trừ-tính đặt xe-lửa để tiện giao-thông, muốn lấy đất Mông-cổ Tây-tàng làm nơi căn-cứ.

Về Nam - phương thì SUN WEN (Tôn Văn) di cư ra Pe-yun-chan (Bạch-vân-sơn) để dưỡng bệnh, các công việc ở đại-bản-doanh đều giao cho HOU HAN-MIN (Hồ Hán-Dân) đại-lý. — Ở tỉnh-thành Quảng-dông thì vì thị-chính-sảnh đánh thuế nặng các cửa hàng quá, các nhà buôn đồng lòng nhau đóng cửa hết, gọi là « tổng-bãi-thị ». Nhưng sợ chính-phủ dùng võ-lực đàn-áp, nên hợp các thương-đoàn và hương-đoàn tập lấy binh-lính riêng để tự-vệ. Chính-phủ thấy thế cũng phải nhượng-bộ, tỉnh-trưởng là YANG TCHÉ-K'AN (Dương Thử-Kham 楊 庶堪) phải tuyên-bố các hà-thuế sẽ giảm bỏ hết. Các báo Tàu khen rằng các nhà buôn và các làng ở Quảng-dông đã khéo biết liên-lạc nhau để tự-vệ, khỏi để cho chính-phủ áp-bách quá.

Ở Quảng-tây thì LOU YONG-TING (Lục Vinh-Đình) bị CHEN HONG-YING (Châm Hồng-Anh) vây ở Kouet-lin (Quế-lâm) ba tháng, sau nhờ được sáu nghìn quân của OU PEI-FOU xuống cứu-viện mới giải được vây. Một ti-tướng của LOU là LY TCHANG-NGAN (Lý Trường-An ?) thì giữ giáo sang với quân SUN YAT-SEN và tiến lên đánh Nan-ning (Nam-ninh). Hiện nay ở Quảng-tây có ba phái đánh lộn nhau, là phái LOU YONG-TING, phái CHEN HONG-YING và phái LY TCHANG-NGAN.

Ông Tagore sang chơi Tàu. — Mấy kỳ trước Bản-chí có nói rằng ông thi-nhan Ấn-độ TAGORE gần đây có sang Tàu để diễn-thuyết và cổ-dộng cho trường « Quốc-tế Đại-học » của ông. Nay xin nói qua về khi ông ở Tàu thế nào. Xem chừng như người Tàu đón tiếp không được đậm-dã lắm. Ông tới Bắc-kinh ngày 23 tháng 4. Một hội-đồng các ông giáo trưởng Đại-học ra đón ông ở ga. Trên xe-lửa xuống ông cầm một bó hoa ở tay. Ông mặc quốc-phục, áo dài và đầu đội khăn. Đi theo ông có ba người đỡ-đệ, là : ông NAG dạy khoa lịch-sử A-Đông

ở trường Đại-học *Calcutta*; ông Boose, là một nhà mĩ-thuật; ông SEN là một nhà bác-học về khoa chữ phạn. Đến Bắc-kinh được mấy ngày thì ông vào yết-kiến vua (*Tsuan-tsong* (Tuyên - thống) ở Tử - cấm-thành. Ngày 29 tháng 4, ông xem diễn tuồng ở nhà hội-quán Qui-châu, có người kép trừ-danh tên là Yao Kno ra trò. Buổi tối ông thăm trường *Tsing-Hua College* Thanh-hoa Đại-học). Ngày 6 tháng 5, diễn bài tuồng *Chitra* của ông, đóng vai chính là một vị tiên-thư tên là *Phyllis Tin* là con gái một ông thượng-thư cũ. Khi ở Bắc-kinh, ông có diễn-thuyết mấy lần. Lần thứ nhất thì yên-ôn cả. Lần thứ nhì khi ông sắp diễn ở rạp hát *Chen-Kouang* (Thần-Quang), có một bọn chính-khác phát một tờ giấy phản-đối ông, đại-khải nói rằng gia ông lấy tư-cách nhà du-lịch mà sang chơi Trung-hoa thì không nói gì, nhưng ông lại sang để tuyên-truyền cái chủ-nghĩa của ông thì chủ-nghĩa ấy người Tàu không thể nghe được; ông cực-lực chê cái văn-minh vật-của, bác cái chủ-nghĩa máy-móc, không biết rằng các dân Đông-phương và nhất là dân Tàu chỉ vì về đường vật-chất không bằng người ta cho nên khổn-khổ điều-dùng

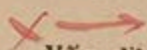
như thế, ông đã chẳng cứu cho được thì chớ, ông lại truyền những lý-tưởng viễn-vong để làm cho nụt mắt cái chí tiến-thủ của người ta đi, thế là chủ-nghĩa ông có hại chứ không có lợi. — Ông Bác-sĩ Hou CHEU (Hồ Thịch) có trả lời rằng dù chủ-nghĩa ông TAGORE hay dở thế nào mặc lòng, nhưng ông là tay thi-hào đệ-nhất ở Á-châu đời nay, thế-giới đều trọng-phục, ông đã sang chơi Trung-hoa, người Trung-hoa cũng phải tiếp ông cho trọng-thê; và chuyển này ông lại Hoa là hành-phí của ông, chứ không phải người Tàu mời. — Tuy vậy xem ra người Tàu cũng không có cảm-tình gì cho lắm, cho nên ông TAGORE không diễn-thuyết ở đâu nữa, chỉ ngày 19 tháng 5 ông diễn-thuyết cáo-từ một lần cuối cùng ở rạp hát *Chen-Kouang* rồi về Thượng-hải. — Một độ đã có tin rằng khi ở Tàu về Ấn-độ, ông sẽ đáp vào Sài-gòn, nên các người Ấn-độ kiều-cư ở Sài-gòn đã góp tiền sẵn để khi tới nơi thì đón ông. Nhưng sau lại có tin rằng ông không đáp Sài-gòn nữa và về thẳng Ấn-độ. Chỉ có học-trò ông là Bác-sĩ Nao có qua Sài-gòn mấy ngày và diễn-thuyết nói về ông.

Việc trong nước

Tin ông Sarraut. — Gần đây có báo Tây bên Pháp và bên này mấy lần đăng tin ông SARRAUT sắp sang làm Toàn-quyền Đông-Pháp thay quan Toàn-quyền MERLIN sắp về hưu. Nhưng tin ấy chưa lấy gì làm đích-xác. Có người nói rằng tin ấy là những chính-hữu của ông SARRAUT và thứ nhất là hội «Đông-Pháp Công-thương Ủy-viên» (*Comité du Commerce et de l'Industrie*) ở Paris muốn vận-dộng cho ông sang đây thì phao-truyền đi như thế, chứ chưa lấy gì làm thực. Ông SARRAUT từ khi thôi Bộ Thuộc-địa trong Nội-các POINCARÉ và có chuyện bất-bình với đảng ông là đảng xã-hội cấp-tiến (hiện nay cầm quyền), vì nghĩ cả việc chính-trị, kỳ tổng-tuyên-cử ngày 11 tháng 5 mới rồi cũng không ra ứng-cử nghị-viên nữa. Các chính-hữu

thấy ông rồi việc như thế, chắc nghĩ rằng giá quan Toàn-quyền MERLIN nay mai về hưu mà cần cử một người sang thay thì không ai xứng bằng ông SARRAUT. Nhưng ông MERLIN mới đi công-cán ở Tàu và Nhật về, chuyển đi này không phải là không có sự mao-hiềm, và dân-tình đây cũng mồm phực, Chính-phủ Dân-quốc chắc còn muốn lưu lại để làm cho hoàn-thành công việc. Song hoặc khi nào ông có tỏ ý muốn về nghỉ, thì chính-phủ cử ông SARRAUT sang thay cũng là thích-hợp lắm. Có người nói ông SARRAUT đã có sự bất-bình với đảng cầm quyền bây giờ, có lẽ tòa Nội-các HERRIOT không chịu cử chăng. Nhưng phải biết rằng các nhà chính-trị có trách-nhiệm về việc nước thường biết lấy lẽ công-tích làm trọng hơn sự tư-biềm, và

Ông HERRIOT cùng ông SARRAUT tuy có sự bất-bình với nhau thật, nhưng nếu việc nên cử ông SARRAUT thì ông HERRIOT cũng sẵn lòng cử ngay.



...

Vấn-đề tiểu - học bằng quốc - ngữ. — Bản-chỉ chủ-bút mới rồi có được tiếp chuyện quan Học-chính mới BLANCHARD DE LA BROSE nói về vấn-đề tiểu-học bằng quốc-ngữ. Phạm-quân có nói rõ cho quan Học-chính nghe về sự ông thỉnh-cầu độ trước, xin cho bậc tiểu-học dạy bằng quốc-ngữ và thi bằng quốc-ngữ, chứ Pháp chỉ dạy làm tiếng phụ mà thôi. Ông DE LA BROSE nói rằng đại-khai ông cũng đồng-ý như thế, và bắt con trẻ An-Nam học tiếng tây ngay từ khi vỡ lòng là một sự sai lầm; nhưng nếu xin bậc tiểu-học dạy bằng quốc-ngữ cả thì khi quí, ông sẵn lòng đặt cho ba lớp đầu học quốc-ngữ, còn hai lớp sau học chữ tây, cuối ba lớp đầu có thi lấy một cái bằng quốc-ngữ, học-trò nào có bằng ấy mới được vào hai lớp trên. Và gọi là ba lớp, nhưng không tất-nhiên là ba năm; học-trò nào trước khi vào lớp đồng-ấu trường Nhà-nước tất đã học một năm hay mấy tháng văn quốc-ngữ ở nhà, và khi vào trường rồi hoặc không thể tuân-tự lên lớp thì học hai năm một lớp cũng được; như thế thì rút lại cũng là học đến bốn năm năm chữ quốc-ngữ, thế là đủ vậy. Phạm-quân cảm ơn quan Học-chính đã có bụng rộng-rãi chăm-chước lời thỉnh-cầu và lời dư-luận trong dân-gian để sửa đổi sự học cho thích-hợp dân-tinh. Sau lại xin với quan Học-chính chú ý về hai điều: một là vấn-đề biên-tập sách giáo-khoa, hai là vấn-đề luyện-tập các thầy giáo. Sự cải-cách hay đến đâu mà không có thầy không có sách cũng ít thành-hiệu được. Hiện nay phần nhiều các thầy trợ-giáo chỉ có bằng tiểu - học chữ tây, chính mình chưa từng học bằng quốc-ngữ, nên chưa đủ tư-cách dạy bằng quốc-ngữ được. Vậy phải đặt một lớp sư-phạm

cho các trợ-giáo đã có bằng tiểu-học rồi học thêm một năm hay hai năm nữa để biết cách dạy bằng quốc-ngữ. Sự đó là sự cần lắm. Sau lại thỉnh-cầu một điều nữa, là trừ các trẻ con nào học hoàn-toàn cả năm lớp tiểu-học thì phải hạn tuổi vào lớp nhì, nghĩa là phải có bằng sơ-học quốc-ngữ (hoặc gọi là *tuyên* hay *khảo*) đúng với tuổi đã định để cho khỏi chậm sự học về sau này, còn ngoài ra những trẻ con, nhất là ở nhà quê, chỉ học được ba lớp đầu mà thôi, thì xin cho rộng tuổi để lớn rồi cũng có thể thi được bằng sơ-học quốc-ngữ, thế là để giúp cho sự phổ-thông giáo-dục ở chốn thôn quê. Các điều đó quan Học-chính cũng cho làm phải cả.

Sự cải-cách này chưa tuyên-bố, sở Học-chính còn đương lục-tục làm. Nay bản-chỉ được tin mừng ấy vội-vàng nói trước để cho các bạn đồng-chỉ biết.

Giới - thiệu sách mới. — *Trai lành gái tốt* — Ông Dương Bá-Trạc mới xuất-bản một quyển tiểu-thuyết. *Trai lành gái tốt* là truyện một người chồng anh-hùng mà lại gặp được vợ cũng anh-thư, nức tiếng ở đời, làm vẻ-vang cho giống nòi Nam-Việt. Thế văn thì làm theo lối văn vần như thể văn truyện Kim-Vân-Kiều; đoạn mở đầu rằng:

Kiếp người là kiếp long-dong,

Đố ai thoát khỏi trong vòng trần-ai.

Miền cho thơm tiếng dề đời,

Gái lòng tiết-hạnh, trai tài khôi-nguyên.

Kề chi sang cả nghèo hèn,

Trăm năm sau cũng đất đen cỏ vàng.

Chiếc thuyền biển khổ mệnh-mạng,

Cũng thân chìm nổi, cũng đường bốn-ba.

Mồ vàng chết cũng ra ma,

Ai hay ai dở ấy là bia danh.

Lời văn như thế cũng đã là điêu-luyện, mà trong truyện lại còn làm đoạn tỏ ra được cái vẻ trai lành gái tốt của nước Nam ta, thế thì cũng là một áng văn-chương mới, mà có lẽ ích về đường luân-lý, ai là chẳng nên xem. Sách in theo khổ giấy nhỏ 47 trang, giá bán 0 \$ 25.

— *Chuyện giải-trí.* — Nước ta đương buổi quốc-văn mới phối-thai, cần nhất là phải có

nhiều sách, mà nhất là phải có nhiều sách giải-trí cho trẻ con xem, vì tính trẻ con hay ham xem sách, nếu đọc những sách nhảm-nhĩ thì lại càng thêm hại, nên ông Dương Bá-Trạc, Dương Quảng-Hàm, Nguyễn Đỗ-Mục, Vũ Đình-Long bốn ông cùng nhau nghĩ soạn những chuyện có vai-thú, khiến cho trẻ con đọc đến có thể khái-phát được ý-trí, mà không phương-hại đến tinh-tinh. Nếu đề cho trẻ con xem những truyện ma-vương đại-thánh, thì gì bằng xem những truyện ngựa sắt của cậu bé làng Dóng, chuyện voi đất của ông Trạng Thiệt-Trường; nếu đề cho trẻ con xem những chuyện trinh-thám, chuyện hoang-dâm, thì gì bằng xem chuyện tên linh chi có cau-dâm, chuyện quan đốc chuột có trí khôn, đó là những chuyện bốn ông mới dịch soạn ra làm chuyện giải-trí, lại còn những chuyện buồn cười, chuyện trò chơi, những bài luyện-tập quốc-văn, những câu đố mới, toàn là những chuyện giải-trí cho trẻ con cả. Nay mới xuất bản quyển thứ nhất 32 trang, bìa đỏ lại có tranh vẽ đẹp, giá 0,15.

— Kim-anh lệ-sử. Tiên-thuyết về ân-tình xã-hội Bắc-kỳ. Quyển thứ 1. Đây là một bộ tiên-

thuyết lời mới của ông Trọng-Khiêm mới xuất bản ở nhà Đông-kinh-ân-quán. Lời chuyện là châm-chước theo lối tả-thực của tiên-thuyết Tây mà chuyện là chuyện một người con gái ở Bắc-kỳ ngày nay, có tài có sắc mà gặp cảnh lưu-lạc gian-truân. Tác-giả mượn chuyện cô Kim-Anh để tả cái ân-tình trong xã-hội, nhiều đoạn hiền-nhiên như thực, đọc đến tưởng trông thấy người thấy việc ở trước mắt. Ai muốn biết cái hiện-trạng ở chốn hương-thôn, ở trong quan-giới, trong làng chơi, v.v., xứ Bắc-kỳ ngày nay, rất nên đọc sách này. Đây mới là quyển thứ nhất, giấy 100 trang, giá 0,10. Còn quyển thứ nhì nữa sẽ tiếp sau.

Từ Nam chí Bắc Đó là tên một quyển du-ký Bắc-kỳ của ông Hồ Văn-Lang, nguyên chủ-bút Thời-báo ở Sài-gòn, hiện quản-lý nhà in Hồ-Văn ở Sa-đéc. Ông Hồ cuối năm 1920 và đầu năm 1921 có sung phái-bộ Nam-kỳ ra xem Hội-chợ Hà-nội, rồi từ Hà-nội về Sài-gòn bằng đường bộ qua Kinh-đô Huế. Sách này là biên-chép những sự kiện-văn của ông trong cuộc du-lịch đó. Sách giấy ngót 200 trang, trên có tựa của quan Đốc-phủ hừa-trí Lê Quang-Hiền và trong có nhiều ảnh các quan-viên phái-bộ. Giá 1,500, bán ở nhà in Hồ-văn Sa-đéc.

TẬP KỶ - YẾU CỦA HỘI KHAI - TRÍ - TIẾN - ĐỨC

Giấy xin vào Hội. — Trong tháng vừa rồi có những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng trong các hội - viên ngài nào có điều gì dị-nghị xin viết thư về cho Hội biết.

Xin vào chức chủ-trì

1. — Ông Nguyễn Văn-Đình, Secrétaire à la Compagnie des Chemins de fer de l'Indochine et du Yunnan, village de Bạch-mai, Hanoi.

2. — Ông Nguyễn Văn-Quế, Commis à la Cie du Yunnan, 41 Rue du Chanvre, Hanoi.

3. — Ông Trần Văn-Lễ, Comptable à la Cie du Yunnan, 8 Rue Jules Ferry, Hanoi.

4. — Ông Nguyễn Hữu-Nghĩa, Comptable à la Compagnie du Yunnan, 56 Rue de Takou, Hanoi.

5. — Ông Nguyễn Quang-Thực, Comptable à la Compagnie du Yunnan, 21 Rue Tien-Tsin, Hanoi.

6. — Ông Lê Đình-Nhàn, Secrétaire à la Compagnie du Yunnan, Service des Voies et Bâtiments, 38 Quai Clémenceau, Hanoi.

(6 ông này do ông hội - viên Nguyễn Xuân-Lan giới-thiệu.)

7. — Ông Nguyễn Cao-Cương, Secrétaire principal à la Cie du Yunnan, 43 Rue Vieille des Tasses, Hanoi.

8. — Ông Nguyễn Thư-Thành, Secrétaire

re principal à la Cie du Yunnan, 28 Rue des Ferblantiers, Hanoi.

9. — Ông Tạ Văn-Tiến, Secrétaire principal à la Cie du Yunnan, 6 Rue Bourret, Hanoi.

10. — Ông Nguyễn Huy-Ái, Secrétaire principal à la Compagnie du Yunnan, 53 Rue du Pont en Bois, Hanoi.

11. — Ông Nguyễn Văn-Toản dit Chính, Secrétaire au Contrôle des Recettes à la Cie du Yunnan, Hanoi.

12. — Ông Lê Như-Bằng, Comptable à la Compagnie du Yunnan, Hanoi.

13. — Ông Nguyễn Vinh - Lan, Comptable à la Compagnie du Yunnan, 19 Rue du Vieux Marché, Hanoi.

14. — Ông Lê Vũ-Khang, Secrétaire la Compagnie du Yunnan, 6 cité Immobilière, Hanoi.

(8 ông này do ông hội-viên Nguyễn Thành giới-thiệu.)

15. — Ông Nguyễn Văn-Đạt, tam-hạng Tri-châu, Bắc-kạn.

16. — Ông Hoàng Văn-Trung, Thư-ký tòa Sứ Bắc-kạn.

17. — Ông Hà Sĩ-Đệ, Thư-ký tòa Sứ Bắc-kạn.

(3 ông này do quan Thương-lá Hà Đông Nguyễn Bá-Tiếp giới-thiệu.)

Xin vào chân thường hội-viên.

1. — Ông Trần Huy-Liệu, Rédacteur en Chef du Nông-cổ-mín-dàm, 30 Rue Layreynière, Saigon.

2. — Ông Hoàng Đức-Tiến, 54 Rue Henri Rivière Nam-định (quán làng Thiết-khoán, tổng Vụ-bản, huyện Bình-lục, Hà-nam).

Hội-viên mới. — Những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội đã đăng báo trong số 83 (Mai 1924), nay hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị, được nhận vào Hội kể từ 1er Septembre 1924.

Vào chân tân-trợ

Nguyễn Huy-Tường

Vào chân chủ-trì.

Lê Tư - Oanh, — Phạm Quang-Khanh, — Phạm Trần-Đinh, — Trần Mạnh-Khiêm, — Trần Xuân, — Vũ Xuân-Cúc — (Cả thấy 6 ông).

Vào chân thường hội-viên

Vũ Văn-Lầu

Xin ra Hội. — Ông Bắc Cầm-Yên, Ex Tri - châu de Hạ - lang, Cao - bằng (ông này kể từ 1er Septembre 1924 không có chân Hội Khai-trí nữa.)

Tiệc tháng. — Ngày 27 tháng 7 có tiệc tháng, dự tiệc được 70 ông. Tiệc này là tiệc đầu do quản-lý mới nhà Xéc dọn, các quan viên đều lấy làm bằng lòng cả.

Tiệc xong, đúng 9 giờ, ông Phạm Quỳnh diễn-thuyết về « Cách giao-tế trong xã-hội » (bài diễn-thuyết đăng ở trên). Đến nghe có tới ba bốn trăm người, chật cả ngoài sân trên gác ; nữ-giới cũng được giảm sáu chục các bà các cô.

Lễ kỷ-niệm Cụ Nguyễn Du. — Nhân ngày mồng 10 tháng tám ta (ngày 8 Septembre này) là ngày giỗ cụ Tiên-diễn, ban Văn-học Hội Khai-trí đương sửa - soạn làm một lễ Kỷ-niệm ở nhà Hội. Sẽ có diễn-thuyết bằng tiếng ta và tiếng Pháp và ngâm đọc truyện Kiều.

Hội-viên tạ - thễ. — Hội mới được tin ông Nguyễn Duy - Kham, là tân-trợ-hội-viên, ở làng Hữu-từ, huyện Thanh-oai, tạ-thễ. Ông là một người có bụng về việc công-ích, vào chân tân-trợ nhiều Hội.

Quyên cho ấu-trí-viên. — Mới rồi Hội Khai-trí-tiến-đức có nhận được của ông Mai Tâm-Tĩnh là nhà sư trụ-tri ở chùa làng Bộ-la, tỉnh Thái-bình, gửi một nghìn thước vải nâu để phát cho các Ấu-trí-viên.

Nhà sư xưa nay vẫn sẵn lòng từ-thiện, đã từng giúp đỡ làng Bộ-la nhiều việc công-ích, như việc cải-lương, làm trường học, làm sở Hội-đồng làng, lập trường công-nghệ, lập nghĩa - xường, mở chợ ; phàm có việc công-ích đều có quyền tiền giúp cả. Nay lại có chân hội - viên Hội Khai-trí và trước đã có quyền tiền làm Hội-quán.

Một nhà tu-hành có hảo-tâm như thế thực là đáng khen, đáng kính.

Quyên cho Hội. — Ông tân-trợ hội-viên Trần Khắc-Nhượng, nghị-viên quân-hạt ở Nam-kỳ, mới đủ được bốn ông thân-hào trong Nam quyên tiền cho Hội như sau này :

1 — Tạ Thuận-Giai, ancien conseiller de province à Bắc-liêu. 200 \$

2 — Cao Triều-Trực, conseiller de province à Bắc-liêu. 100

3 — Lâm Quang-Chiêu, Chef de canton à Sóc-trăng. 100

4 — Diệp Văn-Giáp, conseiller de province à Sóc-trăng. 100

500 \$

Hội đã viết thư cảm ơn ông nghị Trần và tặng bốn ngài thân-hào đã kẻ phượng-danh ở trên kia chức tân-trợ-hội-viên (*membre bienfaiteur*).

Hỡi đồng-bào ta ơi !

Tiên-triết có nói rằng: « Lòng thương xót ai ai cũng sẵn có, như thầy đưa trẻ con lom khom sắp rơi xuống giếng thì ai cũng phải động lòng sợ-hãi mà chạy lại ». Vậy biết thương xót là cái bản-tính trời sinh, mà tuất-nạn cứu-tai là cái nghĩa-vụ của nhân-loại. Người dị-quốc đối với người dị quốc mà khi có tai-nạn còn phải cứu giúp nhau, huống-chỉ là đồng-bào đối với đồng-bào ; cái tai-nạn nho-nhỏ một hai người mà trông thầy cũng không thể làm ngơ, huống-chỉ cái tai dữ-dội mấy mươi muôn người như nạn nước lụt dân ba tỉnh Bắc-kỳ này vậy.

Thương hại thay dân Bắc-kỳ ta hai năm nay bị nạn lụt lội luôn, mà năm nay lại thiệt hại to lớn hơn năm ngoái. Về Bắc-ninh, Hưng-yên, Hải - dương, mấy miền ấy gần khắp hai mươi phủ huyện, cái tình-cảnh trôi-nổi đói khát, tưởng không đợi nói thì ai cũng đã biết,

mà nói cũng không thể vẽ ra cho hết được. Sau dịp nước lụt năm ngoái, tôi có tổ-chức hội lạc-quyên, thì đồng-bào ta kẻ gần người xa ai cũng đứng-được cổ-động việc ấy, mà bỏ ra kẻ nhiều người ít, thành được một món tiền cứu-tê khá-khá để cấp cho nạn-dân, thiệt là một việc đáng mừng cho cái lòng từ-ái của người mình đối với chủng-loại trong khi ngộ tai gặp nạn; mà năm nay từ hôm 10 Juillet đến nay đã tháng rưỡi rồi, mà cuộc lạc-quyên chưa tổ-chức cho thành, dân bị nạn còn ngóng trông cứu-viện, há phải cái lòng cứu-tê của quốc-dân ta đối với dân bị hại, năm ngoái thì sốt-sắng mười phần, mà đối với dân bị nạn năm nay thì ra ý lãnh-đạm ư? Hay là việc tai-nạn gặp mãi đã quen tai quen mắt mà xem là thường, không động lòng thương xót ư? Có lẽ đâu như thế! Kia, những dân miền lụt ngày đêm trông mong đồng-bào cứu giúp, được phần nào thì đỡ phần ấy, sớm ngày nào thì hay ngày ấy, mà chúng ta có thể ngồi yên như không nghe không thấy được không? Có nghe có thấy, có lòng cứu-tê, mà chúng ta cứ lẩn-lữa nay mai để đợi tìm cho được cái phương-pháp gì cho hoàn-toàn thì còn có ngày nào nữa?

Chánh-phủ không nỡ thấy đồng-bào ta lãnh-đạm với dân bị-nạn như thế, nên đã ủy cho tôi đứng ra tổ-chức hội lạc-quyên như năm ngoái, tôi nghĩ việc này là cái nghĩa-vụ của chúng ta, mà Chính-phủ đã nhắc đến thì đã là chậm lắm rồi, nên tôi vội-vàng lập một hội-đồng cứu-tê các miền bị lụt, sở hội-đồng tại nhà ông Trịnh Xuân-Nghĩa, số 7 Phò Hàng Gai Hà-nội. Hội-đồng ấy có các ông kể tên sau này:

Quan Tổng-độc Lê Trung-Ngọc . . .	Hội-trưởng
Ông Phạm Văn-Khoan	Phó-hội-trưởng
Ông Trịnh Xuân-Nghĩa	Thủ-qui

Ông Nguyễn Văn-Vinh, Đỗ Thận, Lê Văn-Phúc, Mai Du-Lân, Nguyễn Bá-Chính, Nguyễn Duy-Nho, Phạm Quỳnh, Mạc Đình-Tư, Phùng Văn-Huệ, Đinh Văn-Thiết, Mai Văn-Biên, làm hội-viên.

Tôi lại nhờ quan Khâm-sứ Tissot, quan Cai-trị Lachaud, Công-sứ Hà-dông, ông Mazet chủ-bút báo *France Indochine* và quan thiều Hoàng Trọng-Phu, tổng-độc Hà-dông, làm một hội-đồng bảo-trợ.

Trong mấy hôm nữa tôi sẽ gửi sổ quyên về quan Công-sứ các tỉnh để giao lại các quan tỉnh chia phát ra các phủ huyện tổng xã cùng những bà có lòng từ-thiện đi quyên giúp. Người nào quyên bao nhiêu

xin phải biên tính-danh và sỏ tiền quyền vào sỏ để làm bằng-cứ, cho người đi quyền khỏi người ngoài nghi-ngờ. Khi người quyền biên đầy sỏ rồi, thì người đi quyền phải cộng sỏ cho biết sỏ ấy được bao nhiêu tiền, rồi đem sỏ tiền và sỏ ấy nạp tại quan công-sứ bản-tỉnh để ngài gửi tiền và sỏ ấy về phủ Thông-sứ cho khỏi tồn tiền.

Nào những nhà từ-thiện là ai ? Những tay tạo-phúc là ai ? Mau mau cứu khổ cứu nạn, khiến cho bao nhiêu người trôi nổi bấp-bênh đói khát kêu khóc trong gần hai mươi phủ huyện kia, nhờ đồng-bào được bát cơm bát cháo mà sống sót cho đến ngày cày cấy làm ăn, thì thiện nào cho bằng thiện này, phúc nào cho bằng phúc này, không những là thiện là phúc mà thôi, mà chính là cái nghĩa-vụ chúng ta đòi với đồng-bào vậy.

LÊ TRUNG - NGỌC

Tổng-đốc

Thượng-thăm-viện Hà-nội

Chủ hội-đồng cứu lụt.

— Quelle que soit l'opinion des hommes, il faut saluer la hauteur du courage et la force des convictions. Car rien n'est plus grand qu'un ferme caractère et plus noble qu'une âme indépendante.

— Il ne faut pas considérer le travail comme une marchandise, mais comme l'acte de la vie humaine le plus noble de tous et dont on ne saurait tracer les règles en faisant abstraction de l'homme qui en est l'auteur.

ALBERT DE MUN

— Dù ý-kiến của người ta thế nào mặc lòng, là người can-đảm thành-tín cũng phải kính phải trọng. Vì ở đời không gì lớn-lao bằng người có phách-lực, không gì cao-thượng bằng người có khí-khải.

— Không nên coi việc làm ở đời như một cái đồ hàng, mà phải coi là sự đời cao-thượng hơn nhất, muốn định phép-tắc qui-cử, không thể gác bỏ cái người làm việc ấy ra ngoài được.